

CÔNG TY CỔ PHẦN BỘT GIẶT LIX

KIẾN TẠO GIÁ TRỊ VỮNG BƯỚC TƯƠNG LAI



BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN
2025

MỤC LỤC

CHƯƠNG
01

GIỚI THIỆU LIXCO

Thông tin chung	10
Sự kiện nổi bật năm 2025	12
Quá trình hình thành và phát triển	16
Ngành nghề và địa bàn kinh doanh	18
Các sản phẩm nổi bật	20
Thông tin về mô hình quản trị và bộ máy quản lý	34
Định hướng phát triển trong tương lai	38

CHƯƠNG
02

TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM

Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2025	60
Tổ chức và nhân sự	66
Tình hình đầu tư	78
Tình hình tài chính	79
Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu	86
Báo cáo tác động liên quan đến môi trường và xã hội của Công ty	88

CHƯƠNG
03

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh	108
Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý	114
Kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2026	117

CHƯƠNG
04

ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Đánh giá của Hội đồng quản trị về các mặt hoạt động của Công ty	124
Đánh giá của Hội đồng quản trị về Ban Tổng Giám đốc Công ty	127
Các kế hoạch, định hướng của Hội đồng quản trị	128

CHƯƠNG
05

QUẢN TRỊ CÔNG TY

Hội đồng quản trị	132
Ban kiểm soát	138
Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của HĐQT, Ban TGD và BKS	141

CHƯƠNG
06

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	150
Báo cáo kiểm toán độc lập	153
Báo cáo tài chính được kiểm toán	154



THÔNGIỆP CỦA CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ



Kính gửi Quý cổ đông, Quý khách hàng, Quý đối tác và toàn thể Cán bộ công nhân viên của LIXCO,

Năm 2025 khép lại trong bối cảnh kinh tế toàn cầu tiếp tục nhiều biến động, khi áp lực chi phí, cạnh tranh thị trường và những bất định về chính sách vẫn hiện hữu. Trong môi trường đó, việc duy trì tăng trưởng không chỉ phụ thuộc vào quy mô hay tốc độ, mà quan trọng hơn là năng lực quản trị, khả năng thích ứng và sự kiên định với các giá trị cốt lõi.

Đối với LIXCO, năm 2025 là một năm thể hiện rõ tinh thần “Kiến tạo giá trị – Vững bước tương lai”. Trên thị trường Chăm sóc gia đình và Chăm sóc cá nhân, nơi cạnh tranh ngày càng gay gắt, Công ty tiếp tục giữ vững nền tảng hoạt động, chủ động ứng phó với biến động của thị trường và duy trì đà tăng trưởng tích cực. Cụ thể, Doanh thu thuần đạt 3.066 tỷ đồng, tăng 6,58% so với năm trước; Lợi nhuận sau thuế đạt gần 200 tỷ đồng, vượt 3% kế hoạch năm. Những kết quả này phản ánh hiệu quả điều hành, kỷ luật tài chính và nền tảng quản trị được củng cố vững chắc qua thời gian.

KHẲNG ĐỊNH VỊ THẾ TỪ GIÁ TRỊ CỐT LÕI

Xuyên suốt hành trình phát triển, LIXCO kiên định với triết lý “Lấy khách hàng làm trung tâm”, xem đây là nền tảng để xây dựng và khẳng định vị thế thương hiệu. Trong bối cảnh người tiêu dùng ngày càng chú trọng đến chất lượng, an toàn và trải nghiệm, sự nhất quán trong giá trị sản phẩm và cam kết với khách hàng chính là yếu tố giúp LIXCO duy trì niềm tin của thị trường.

Mỗi sản phẩm của LIXCO không chỉ đáp ứng nhu cầu tiêu dùng thiết yếu, mà còn hướng đến sự an toàn, tiện lợi và phù hợp với xu hướng tiêu dùng hiện đại. Sự nhất quán này đã góp phần hình thành nên hình ảnh một thương hiệu Việt uy tín, bền bỉ và đáng tin cậy, được thị trường ghi nhận qua nhiều năm. Những nỗ lực đó tiếp tục được khẳng định thông qua các danh hiệu và chứng nhận uy tín trong năm 2025 như Top 50 Doanh nghiệp – Đơn vị tiêu biểu Thành phố Hồ Chí Minh, 5 năm liên tiếp trong Top VNR500, và 20 năm liên tiếp đạt Chứng nhận Hàng Việt Nam Chất Lượng Cao. Đây không chỉ là sự ghi nhận về kết quả kinh doanh, mà còn là minh chứng cho uy tín thương hiệu và năng lực quản trị của LIXCO.

LAN TỎA GIÁ TRỊ THƯƠNG HIỆU VIỆT

Song hành với việc củng cố vị thế, LIXCO tiếp tục đẩy mạnh chuyển đổi số và nâng cao hiệu quả vận hành như những động lực hỗ trợ tăng trưởng dài hạn. Việc hoàn thiện các nền tảng quản trị, tối ưu chuỗi cung ứng và mở rộng các kênh phân phối hiện đại giúp Công ty nâng cao tính linh hoạt, chủ động thích ứng với sự thay đổi của thị trường và hành vi tiêu dùng. Bên cạnh đó, LIXCO kiên định theo đuổi định hướng phát triển bền vững, gắn hoạt động sản xuất – kinh doanh với trách nhiệm đối với môi trường và xã hội. Việc sử dụng hiệu quả tài nguyên, cải tiến quy trình sản xuất và tuân thủ các quy định về môi trường chính là cách Công ty lan tỏa các giá trị tích cực của thương hiệu Việt một cách thực chất và lâu dài.

HƯỚNG TỚI TƯƠNG LAI

Bước sang năm 2026, trong bối cảnh Việt Nam đặt mục tiêu tăng trưởng GDP từ 10% trở lên, LIXCO xác định tiếp tục đồng hành cùng sự phát triển chung của nền kinh tế, với trọng tâm là tăng trưởng hiệu quả, bền vững và quản trị rủi ro chặt chẽ. Công ty sẽ tập trung nâng cao hiệu quả vận hành, đẩy mạnh chuyển đổi số gắn với phát triển thị trường, tối ưu danh mục sản phẩm và hệ thống phân phối.

Trên nền tảng đó, LIXCO hướng tới việc củng cố vị thế trong lĩnh vực Chăm sóc gia đình và Chăm sóc cá nhân, tiếp tục lan tỏa giá trị thương hiệu Việt, tạo giá trị ổn định cho cổ đông, khách hàng và cộng đồng trong chặng đường phát triển tiếp theo.

Thay mặt Hội đồng Quản trị, tôi xin gửi lời cảm ơn chân thành đến Quý Cổ đông, Quý Khách hàng, Quý Đối tác, Ban Điều hành và toàn thể Cán bộ công nhân viên LIXCO đã luôn tin tưởng, đồng hành và đóng góp cho sự phát triển của Công ty. Sự tin tưởng đó chính là nền tảng để LIXCO tiếp tục kiên định với định hướng “Kiến tạo giá trị – Vững bước tương lai” trong tương lai.

**Trân trọng,
Phạm Quốc Đại
Chủ tịch Hội đồng Quản trị**

TÂM NHÌN, SỨ MỆNH, GIÁ TRỊ CỐT LÕI

TÂM NHÌN

Trở thành công ty hàng đầu trong lĩnh vực sản xuất và kinh doanh các sản phẩm chăm sóc gia đình tại Việt Nam bằng chiến lược phát triển bền vững, trên cơ sở xây dựng hệ thống phân phối vững chắc, tiên phong đầu tư đổi mới công nghệ.

SỨ MỆNH

Cung cấp những sản phẩm chất lượng cao với giá thành hợp lý cho người tiêu dùng, mang lại giá trị gia tăng cao nhất cho khách hàng, cổ đông, nhân viên và cộng đồng.

TRIẾT LÝ KINH DOANH

Lấy khách hàng làm trung tâm, tôn trọng đạo đức kinh doanh, chung tay bảo vệ môi trường và tuân thủ luật pháp.

GIÁ TRỊ CỐT LÕI

Trở thành biểu tượng niềm tin hàng đầu Việt Nam về sản phẩm chất tẩy rửa phục vụ cuộc sống con người.



KIẾN TẠO GIÁ TRỊ VỮNG BƯỚC TƯƠNG LAI



01

GIỚI THIỆU LIXCO

Thông tin chung	10
Sự kiện nổi bật năm 2025	12
Quá trình hình thành và phát triển	16
Ngành nghề và địa bàn kinh doanh	18
Các sản phẩm nổi bật	22
Thông tin về mô hình quản trị và bộ máy quản lý	34
Định hướng phát triển trong tương lai	38

“LIXCO

“Là nhà sản xuất và cung cấp chất tẩy rửa hàng đầu Việt Nam, LIXCO tự hào là người bạn đồng hành đáng tin cậy của mỗi gia đình. Với sứ mệnh mang lại những sản phẩm chất lượng cao nhất, LIXCO cam kết luôn sánh bước cùng mỗi gia đình Việt, nỗ lực kiến tạo một môi trường sống sạch sẽ, thúc đẩy hạnh phúc và sức khỏe cho mọi nhà.”

Tên Công ty	: CÔNG TY CỔ PHẦN BỘT GIẶT LIX
Tên viết tắt	: LIXCO
Tên Tiếng Anh	: Lix Detergent Joint Stock Company
Vốn điều lệ	: 648.000.000.000 Đồng
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	: 648.000.000.000 Đồng
Mã cổ phiếu	: LIX
Sàn giao dịch	: HOSE
Điện thoại	: (028) 3896 3658
Website	: www.lixco.com
Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp:	Số 0300105356, đăng ký lần đầu ngày 11/10/2006, đăng : ký thay đổi lần thứ 14 ngày 15/08/2025 do Sở Tài chính Thành phố Hồ Chí Minh cấp.
Trụ sở chính	Số 3 đường số 2, Khu phố 28, Phường Linh Xuân, : Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam



CÁC SỰ KIỆN NỔI BẬT NĂM 2025

1. LIXCO 5 NĂM LIÊN TIẾP ĐƯỢC VINH DANH TRONG VNR500



Ngày 08/01/2026 tại Hà Nội, Công ty Cổ phần Bột giặt LIX tiếp tục được xướng tên trong Bảng xếp hạng VNR500 – Top 500 Doanh nghiệp lớn nhất Việt Nam, đánh dấu 5 năm liên tiếp Công ty duy trì vị thế trong bảng xếp hạng uy tín này.

Thành tích trên là sự ghi nhận cho chiến lược phát triển bền vững, năng lực quản trị hiệu quả và khả năng thích ứng linh hoạt của LIXCO trong bối cảnh thị trường nhiều biến động. Việc duy trì hiện diện trong VNR500 không chỉ phản ánh quy mô hoạt động ổn định, mà còn cho thấy năng lực tạo dựng giá trị dài hạn dựa trên nền tảng sản phẩm chất lượng, hệ thống vận hành chuẩn mực và định hướng lấy người tiêu dùng làm trung tâm.

2. LIXCO 20 NĂM LIÊN TIẾP LÀ HÀNG VIỆT NAM CHẤT LƯỢNG CAO

Năm 2025 đánh dấu 20 năm liên tiếp (2006–2025) LIXCO được người tiêu dùng bình chọn và trao chứng nhận Hàng Việt Nam chất lượng cao. Đây là minh chứng rõ nét cho sự tin yêu và tín nhiệm bền bỉ của người tiêu dùng đối với các sản phẩm chăm sóc gia đình và chăm sóc cá nhân mang thương hiệu LIXCO.

Thành quả này phản ánh chiến lược phát triển nhất quán của Công ty trong việc liên tục cải tiến chất lượng, đầu tư công nghệ và tối ưu giá thành, nhằm mang đến những sản phẩm phù hợp với nhu cầu thị trường. Đồng thời, đây cũng là nền tảng để LIXCO tiếp tục lan tỏa giá trị thương hiệu Việt, từng bước mở rộng hiện diện trên thị trường và hướng đến mục tiêu phát triển bền vững trong dài hạn.

3. TRIỂN LÃM THÀNH TỰU KT – XH KỶ NIỆM 80 NĂM QUỐC KHÁNH



Năm 2025, LIXCO vinh dự tham gia Triển lãm thành tựu kinh tế - xã hội nhân dịp kỷ niệm 80 năm Ngày Quốc khánh (02/9/1945 - 02/9/2025) với chủ đề “Khởi nghiệp Kiến quốc”. Sự hiện diện của LIXCO với tư cách Thương hiệu Quốc gia không chỉ khẳng định hơn 50 năm đồng hành cùng gia đình Việt, mà còn thể hiện cam kết nâng cao chất lượng cuộc sống thông qua các sản phẩm tiêu dùng thiết yếu.

Tại triển lãm, LIXCO giới thiệu nhiều dòng sản phẩm mới và cải tiến như xịt thơm phòng, xịt đuổi côn trùng, viên giặt tiện lợi, đồng thời mở rộng danh mục hương thơm cho các sản phẩm hiện có, đáp ứng thị hiếu ngày càng đa dạng của người tiêu dùng.

Đặc biệt, Thương hiệu Bondy Care lần đầu tiên được ra mắt, đánh dấu bước phát triển mới của LIXCO trong ngành hàng chăm sóc cá nhân, với các dòng sản phẩm dầu gội, sữa tắm, tắm gội 3in1 và body mist, hướng đến nhóm khách hàng trẻ, năng động và hiện đại. Sự kiện này thể hiện rõ định hướng mở rộng danh mục sản phẩm của công ty và lan tỏa giá trị thương hiệu Việt sang những ngành hàng tiêu dùng mới.



CÁC SỰ KIỆN NỔI BẬT NĂM 2025

4. LIXCO THAM GIA HỘI CHỢ MÙA THU 2025 TẠI HÀ NỘI



Trong chiến lược tăng cường hiện diện thị trường và mở rộng kết nối thương mại, LIXCO tham gia Hội chợ Mùa Thu 2025 tại Hà Nội – sự kiện kinh tế, văn hóa quy mô quốc gia với hơn 3.000 gian hàng.

Tại hội chợ, LIXCO giới thiệu và triển khai hoạt động bán hàng cho các sản phẩm thuộc ba thương hiệu Lix, On1 và Bondy Care, qua đó đưa các sản phẩm Việt chất lượng cao đến gần hơn với người tiêu dùng trong nước và quốc tế. Gian hàng của LIXCO được thiết kế hiện đại, thân thiện, tạo điều kiện để khách tham quan trải nghiệm sản phẩm và tiếp cận thông tin trực tiếp. Sự quan tâm và phản hồi tích cực của người tiêu dùng, đặc biệt đối với các sản phẩm mới ra mắt trong năm 2025, là minh chứng cho tính phù hợp của chiến lược phát triển sản phẩm và thị trường mà Công ty đang theo đuổi. Đồng thời, hội chợ cũng mở ra nhiều cơ hội kết nối, hợp tác, góp phần nâng cao vị thế thương hiệu LIXCO trong chuỗi giá trị sản xuất – tiêu dùng – xuất khẩu.



5. LIXCO LÀ 1 TRONG 50 DOANH NGHIỆP – ĐƠN VỊ TIÊU BIỂU TP. HCM



Ngày 15/4/2025, LIXCO vinh dự được bình chọn là 1 trong 50 doanh nghiệp – đơn vị tiêu biểu TP. Hồ Chí Minh, nhân dịp kỷ niệm 50 năm Ngày Giải phóng miền Nam, thống nhất đất nước. Đây là sự kiện có ý nghĩa quan trọng nhằm tôn vinh các doanh nghiệp có đóng góp nổi bật cho sự phát triển kinh tế – xã hội, đổi mới sáng tạo và hội nhập của Thành phố. Trong tổng số 151 hồ sơ đăng ký, LIXCO được lựa chọn dựa trên hệ thống tiêu chí đánh giá chặt chẽ, bao gồm: hiệu quả sản xuất – kinh doanh, xây dựng và phát triển thương hiệu, năng lực cung ứng sản phẩm thiết yếu, đổi mới công nghệ, thực hiện trách nhiệm xã hội – môi trường và nghĩa vụ với ngân sách nhà nước.

Danh hiệu này không chỉ là sự ghi nhận cho những nỗ lực bền bỉ của LIXCO, mà còn khẳng định vai trò của doanh nghiệp trong việc đồng hành cùng sự phát triển của TP. Hồ Chí Minh và nền kinh tế quốc gia, tạo động lực để Công ty tiếp tục đổi mới và phát triển bền vững trong giai đoạn tới.

QUÁ TRÌNH HÌNH THÀNH VÀ PHÁT TRIỂN

1972



Tiền thân là Công ty kỹ nghệ hóa phẩm Huân Huân, một công ty tư nhân được thiết kế theo công nghệ của Ý.

1977



Trong quá trình cải tạo công thương nghiệp, nhà máy chuyển sang hình thức xí nghiệp hợp doanh và lấy tên là Nhà máy Công tư hợp doanh Linh Xuân.

1978



Nhà máy được sát nhập vào nhà máy bột giặt Viso.

1980



Tách khỏi Nhà máy bột giặt Viso và lấy tên gọi mới là Nhà máy Quốc doanh Bột giặt Linh Xuân, trực thuộc Công ty Bột giặt Miền Nam.

1992



Chuyển thành Công ty Bột giặt Lix, thuộc Tổng công ty Hóa chất công nghiệp và Hóa chất tiêu dùng.

2003



Chính thức chuyển thành CTCP Bột giặt LIX với số vốn điều lệ 36 tỷ đồng theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4103001845 do Sở Kế hoạch và Đầu tư TPHCM cấp.

2008



Thành lập Chi nhánh Bình Dương. Triển khai xây dựng nhà máy sản xuất chất tẩy rửa dạng lỏng có công suất 60.000 tấn/năm.

2009



Ngày 10/12 chính thức được niêm yết cổ phiếu tại Sở GDCK TP. Hồ Chí Minh (HOSE).

2011



Tháng 12/2011 nhà máy LIX Bình Dương đã bắt đầu hoạt động và cho ra những lô sản phẩm đầu tiên.

2016



Ngày 30/12/2016 Khánh thành Chi nhánh LIX Bắc Ninh.

2019



Ra mắt nhãn hiệu On1 – Sản phẩm “cảm hứng từ thiên nhiên”.

2020



Giới thiệu ra công chúng nhãn hiệu dành riêng cho nam giới Iron & Stone; Đầu tư xưởng sản xuất mỹ phẩm tại Thủ Đức; Đầu tư dây chuyền đóng gói tự động hộp bột giặt công suất 25.000 tấn/năm; Năm 2020 nâng công suất chi nhánh Bình Dương lên 150.000 tấn/năm.

2024



Công ty phát hành cổ phiếu để tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu tỷ lệ 100%, tăng vốn điều lệ từ 324 tỷ đồng lên 648 tỷ đồng. Đồng thời, trong năm 2024, LXCO cũng ra mắt thương hiệu mỹ phẩm chăm sóc gia đình mới - Bondy Care.

2025



LIXCO ghi dấu mốc 20 năm liên tiếp (2006–2025) được người tiêu dùng bình chọn “Hàng Việt Nam Chất Lượng Cao”, khẳng định vị thế thương hiệu Việt bền vững trong lĩnh vực chăm sóc gia đình và cá nhân.

NGÀNH NGHỀ VÀ ĐỊA BÀN KINH DOANH

LĨNH VỰC KINH DOANH

“Công ty được phép hoạt động theo ngành nghề của Công ty đã được công bố trên cổng thông tin đăng ký doanh nghiệp quốc gia và Điều lệ của Công ty, phù hợp với quy định của pháp luật hiện hành và thực hiện các biện pháp thích hợp để đạt được các mục tiêu của Công ty.

-  Sản xuất mỹ phẩm, xà phòng, chất tẩy rửa, làm bóng và chế phẩm vệ sinh. (Chi tiết: Sản xuất chất tẩy rửa tổng hợp và mỹ phẩm).
-  Sản xuất hoá chất cơ bản. (Chi tiết: Sản xuất các loại hoá chất (trừ hoá chất có tính độc hại mạnh)
-  Buôn bán chuyên doanh khác chưa được phân vào đầu. (Chi tiết: Kinh doanh các loại hoá chất (trừ hoá chất có tính độc hại mạnh), bao bì. Kinh doanh xuất nhập khẩu)

THỊ TRƯỜNG XUẤT KHẨU



Phân phối tới hơn **20** thị trường

LIXCO tiếp tục mở rộng hoạt động xuất khẩu với danh mục sản phẩm đa dạng như bột giặt, nước giặt, nước xả vải, nước rửa chén, nước lau sàn, nước tẩy Javel... Sản phẩm của Công ty hiện đã được phân phối tới hơn 20 thị trường, tập trung chủ yếu tại châu Á và từng bước mở rộng sang châu Đại Dương, châu Phi và châu Mỹ. Đồng thời, LIXCO được đối tác tin tưởng lựa chọn sản xuất OEM cho một số thị trường có yêu cầu cao như Nhật Bản, Hàn Quốc, Singapore, New Zealand và Úc, qua đó khẳng định năng lực sản xuất và kiểm soát chất lượng theo tiêu chuẩn quốc tế.

Năm 2025, Công ty đã ký kết với 7 khách hàng mới tại Úc, Singapore, New Zealand, Tanzania, Philippines và Campuchia; các nhãn hàng Lix,

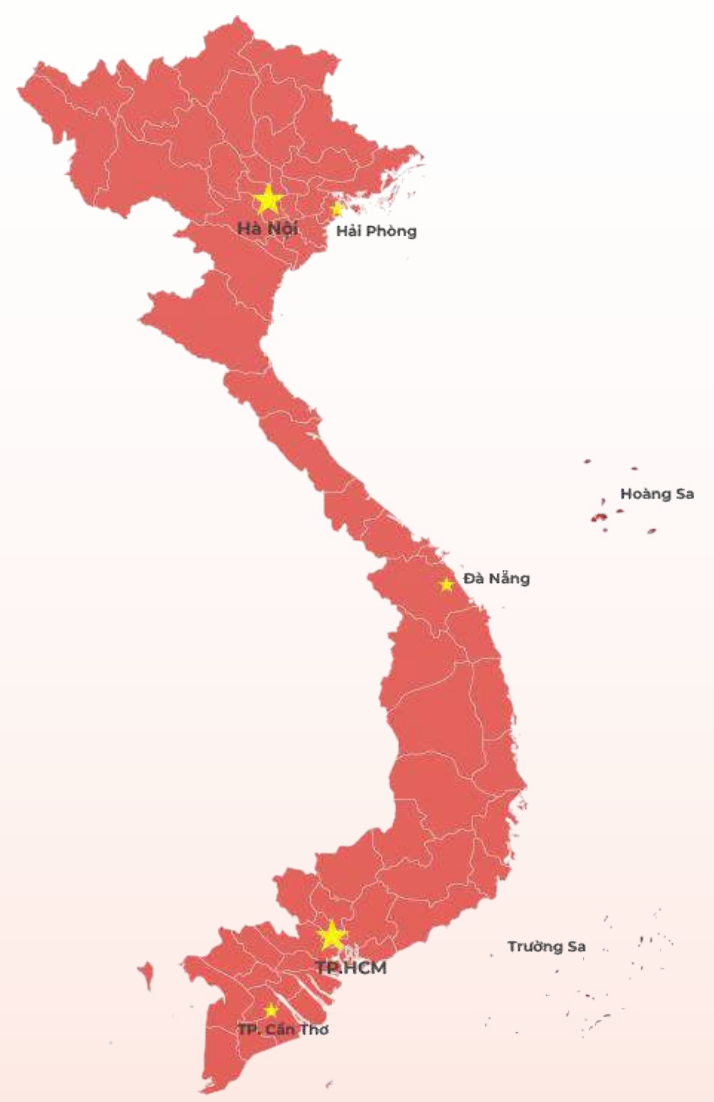
On1, Iron&Stone và Bondy Care tiếp tục được xuất khẩu ổn định. Mạng OEM duy trì cung ứng cho khách hàng tại Nhật Bản, Úc, Campuchia và Thái Lan. Một số thị trường tăng trưởng tốt gồm Campuchia, Nhật Bản, Philippines và các thị trường thuộc châu Úc, châu Phi, châu Mỹ. Tuy vậy, hoạt động xuất khẩu vẫn chịu tác động từ biến động địa chính trị và chi phí logistics toàn cầu. Đối với sản phẩm OEM, mức độ chủ động thấp hơn do phụ thuộc vào kế hoạch bán hàng và Marketing của đối tác, vì vậy Công ty tiếp tục ưu tiên đa dạng hóa khách hàng, tối ưu kế hoạch sản xuất – giao hàng và lựa chọn đối tác phù hợp nhằm duy trì tăng trưởng bền vững.

THỊ TRƯỜNG NỘI ĐỊA

Kênh bán hàng hiện đại: Với tốc độ phát triển của thương mại điện tử và xu hướng tiêu dùng hiện đại, LIXCO nhận ra rằng không chỉ tập trung vào kênh bán hàng truyền thống mà còn phải tận dụng kênh bán hàng hiện đại. Đến nay, LIXCO đã có mặt tại tất cả các hệ thống siêu thị lớn như: Saigon Co.op, Bách Hóa Xanh, MM Mega Market, Central Retail, Lotte, Aeon, Wincommerce, Satra, Emart... nhằm mục đích mở rộng thị trường để phục vụ cho nhu cầu của người tiêu dùng kịp thời và nhanh chóng nhất. Ngoài ra Công ty cũng sản xuất nhãn hàng riêng cho Saigon Co.op, MM Mega Market, Central Retail, Lotte, Wincommerce, Bách Hóa Xanh, Satra,...

Kênh bán hàng truyền thống: Với sự phát triển lâu đời và sự nỗ lực không ngừng của toàn thể Ban lãnh đạo và cán bộ công nhân viên LIXCO, đến nay mạng lưới phân phối của LIXCO rộng và trải đều khắp cả nước. Năm 2025, LIXCO tập trung tăng cường mở điểm bán mới tại khu vực miền Bắc, bổ sung khoảng 11.000 điểm bán, nâng tổng số điểm bán hàng toàn quốc lên 131.000 điểm bán, giúp đưa sản phẩm của LIXCO đến tận tay người tiêu dùng.

Kênh Horeca và kênh thương mại điện tử: Việc chuyển đổi số để thích nghi với nền kinh tế là điều tất yếu đối với mỗi doanh nghiệp, và LIXCO cũng không ngoại lệ. Nhận thấy thách thức và tiềm năng phát triển từ các kênh này, LIXCO đã đẩy mạnh việc phân phối sản phẩm qua các nền tảng thương mại điện tử như Shopee, Lazada và Tiktok. Đồng thời, Công ty cũng mở rộng kênh phân phối Horeca, cung cấp sản phẩm cho các chuỗi nhà hàng, khách sạn và quán cà phê uy tín.



CÁC SẢN PHẨM NỔI BẬT



Với sứ mệnh “Chăm sóc gia đình Việt”, LIXCO không ngừng nghiên cứu và phát triển danh mục sản phẩm đa dạng, đáp ứng toàn diện các nhu cầu thiết yếu trong sinh hoạt hằng ngày. Các dòng sản phẩm mang thương hiệu LIX như bột giặt, nước giặt, nước làm mềm vải, nước rửa chén, nước lau sàn, nước tẩy Javel, nước lau kính, nước tẩy toilet... đã và đang hiện diện rộng khắp trên thị trường, trở thành người bạn quen thuộc của nhiều thế hệ gia đình Việt.

Sự nhất quán về chất lượng, tính an toàn và hiệu quả sử dụng là nền tảng giúp thương hiệu LIX khẳng định vị thế vững chắc trong ngành hàng chăm sóc gia đình, đồng thời lan tỏa giá trị của một thương hiệu Việt gắn bó lâu dài với người tiêu dùng.

SẢN PHẨM LIX

BỘT GIẶT LIX

- Bột giặt LIX được sản xuất theo công nghệ hiện đại với nguồn nguyên liệu chất lượng cao, đáp ứng các tiêu chuẩn đầu vào và đầu ra nghiêm ngặt.
- Thích hợp với mọi nguồn nước kể cả nước phèn, nước nhiễm mặn.
- Tính năng đa dạng đáp ứng nhiều nhu cầu sử dụng của khách hàng.
- Sản phẩm thân thiện với môi trường.
- Lưu giữ hương thơm lên đến 24h.



NƯỚC GIẶT LIX

- Nước giặt LIX với khả năng hòa tan nhanh, thấm sâu vào từng sợi vải giúp loại bỏ vết bẩn và không để lại bột cặn trên quần áo sau khi giặt.
- Thích hợp cho cả giặt tay và giặt máy, giúp bảo vệ máy giặt tốt hơn.
- Lưu giữ hương thơm lên đến 24h.
- An toàn cho sức khỏe người dùng, an toàn, không gây dị ứng, mẫn ngứa cho da tay.



VIÊN GIẶT XẢ LIX

- Chỉ với một bước thả viên giặt vào máy giặt, quần áo của bạn sẽ được tẩy sạch nhanh vết bẩn cứng đầu, xả mềm mại thơm ngát hương hoa và bảo vệ màu sắc quần áo bền đẹp.
- Dễ dàng sử dụng chỉ với một bước thả.
- Bảo quản gọn gàng và tiết kiệm diện tích cất trữ.
- Phù hợp cho cả máy giặt cửa trên và cửa trước.



CÁC SẢN PHẨM NỔI BẬT

NƯỚC RỬA CHÉN LIX

- Nước rửa chén LIX với công thức đậm đặc giúp cho chén đĩa, xoong nồi,... sạch bóng hết mùi tanh trong thời gian nhanh nhất.
- Hương chanh thơm mát và vitamin E giúp bảo vệ da tay.



TẮY RỬA GIA DỤNG LIX

- Danh mục sản phẩm đa dạng gồm nước lau sàn, nước tẩy Javel, nước tẩy toilet và nước lau kính, đáp ứng đầy đủ nhu cầu vệ sinh trong gia đình.
- Các sản phẩm được phát triển với công thức làm sạch hiệu quả, giúp loại bỏ bụi bẩn, vết ố, mảng bám, đồng thời diệt khuẩn và khử mùi trên nhiều bề mặt khác nhau.
- Sự tiện lợi, an toàn và hương thơm dễ chịu giúp mang lại không gian sống sạch sẽ, thoáng mát và hỗ trợ tối ưu cho công việc nội trợ hằng ngày.



NƯỚC XẢ LÀM MỀM VẢI LIX SẠCH THƠM

- Sử dụng nước xả làm mềm vải LIX với công thức cải tiến làm quần áo trở nên mềm mại hơn.
- Nước xả làm mềm vải LIX với công nghệ lưu hương thế hệ mới với hàng ngàn hạt lưu hương tinh tế, quý phái và đầy quyến rũ giúp cho quần áo của bạn thơm tho suốt cả ngày.
- Mang đến hiệu quả làm mềm vải, dễ ủi, chống nhăn đúng ý.



XỊT THƠM PHÒNG LIX

- Xịt thơm phòng LIX với công nghệ 6in1 mang hương thơm tự nhiên vào tổ ấm, giúp khử mùi nhanh, lan tỏa hương thơm rộng khắp gian phòng, làm thanh mát không khí và lưu hương dài lâu cho căn nhà của bạn.
- Đặc biệt phù hợp với nhiều không gian như: Phòng khách, phòng ngủ, bếp, nhà vệ sinh,...



BÌNH XỊT DIỆT CÔN TRÙNG LIX

- Xịt diệt côn trùng LIX với công thức tác động nhanh và đầu xịt kép giúp lan tỏa rộng, tiêu diệt hiệu quả nhiều loại côn trùng như muỗi, ruồi, kiến, gián.
- Sản phẩm có hai hương tự nhiên Cam và Chanh, mang lại cảm giác dễ chịu khi sử dụng, phù hợp cho gia đình và các môi trường yêu cầu vệ sinh cao.



CÁC SẢN PHẨM NỔI BẬT

SẢN PHẨM ON1

NƯỚC LAU BẾP ON1

- Sản phẩm Nước lau bếp On1, kết hợp tinh dầu chanh Yuzu cùng công thức cải tiến hoàn toàn mới giúp tẩy sạch mảng bám dầu mỡ cứng đầu, trả lại vẻ ngoài sáng bóng như mới cho các bề mặt trong không gian bếp và khử mùi hiệu quả.



NƯỚC RỬA CHÉN ON1

- Với công nghệ Shining Pro, Nước rửa chén On1 giúp chén đĩa nhà bạn sạch sáng bóng. Sản phẩm không chất tạo màu, không parabens và không hóa chất độc hại.
- Nước rửa chén On1 có hương thơm dịu nhẹ từ thiên nhiên, vừa giúp khử mùi tanh hiệu quả vừa mang lại cảm giác dễ chịu khi sử dụng. Ngoài ra, sản phẩm còn giúp bạn tiết kiệm thời gian và chi phí. Vì chỉ cần một ít nước rửa chén On1 là dễ dàng đánh bay dầu mỡ. Chén đĩa được làm sạch nhanh chóng, việc nhà nhàn tênh.
- Sản phẩm có 3 loại, phù hợp nhu cầu nhiều người dùng khác nhau, bao gồm: Trà Xanh & Muối Hồng; Kiwi & Aloe Vera; Chanh & Sả.



BỘT RỬA TAY ON1

- Nổi bật với công thức tạo bột sánh mịn, tinh chất Aloe Vera kết hợp với Glycerin tăng cường dưỡng ẩm cùng khả năng làm sạch đa tầng giúp đôi tay luôn sạch sẽ và mềm mịn.
- Công thức sạch khuẩn 99,9%* nhanh chóng chỉ trong 30 giây tiếp xúc.
- An toàn cả cho da em bé.

(*) Dựa trên kết quả kiểm nghiệm các vi khuẩn gây bệnh: S.typhi, S.aureus, E.coli, P.aeruginosa trong điều kiện phòng thí nghiệm.



NƯỚC RỬA TAY ON1

- Sử dụng nước rửa tay nhất là sau khi trở về nhà từ bên ngoài luôn là cách đơn giản nhưng hiệu quả để tạo nên lớp bảo vệ vững chắc cho cơ thể trước sự tấn công của vi khuẩn gây bệnh.
- Từ sự kết hợp giữa công thức chứa hoạt chất kháng khuẩn, thành phần bổ sung Aloe Vera dưỡng ẩm cho làn da luôn mềm mịn và mùi hương tươi mát lấy cảm hứng từ thiên nhiên, Nước rửa tay On1 là lựa chọn kháng khuẩn đúng chuẩn giúp làm sạch và bảo vệ bạn và người thân yêu trong gia đình mỗi ngày.

(*) Dựa trên kết quả kiểm nghiệm các vi khuẩn gây bệnh: S. typhi, S. aureus, E. coli, P. aeruginosa trong điều kiện phòng thí nghiệm.



CÁC SẢN PHẨM NỔI BẬT

NƯỚC RỬA CHÉN ON1 TINH DẦU

- Nhờ khả năng diệt khuẩn(*) từ thiên nhiên được kiểm định an toàn, Sản phẩm Nước rửa chén On1 tinh dầu chắc chắn là 1 sự lựa chọn an tâm cho cả nhà và sạch mọi ưu phiền do nguy cơ từ vi khuẩn.
- Chén đĩa giờ đây không chỉ sạch dầu mỡ, lưu hương tinh dầu mà còn sạch khuẩn và gửi gắm yêu thương của mẹ đến cả nhà từ những điều nhỏ nhất.

(*) Dựa trên kết quả kiểm nghiệm các vi khuẩn: *S.typhi*, *S.aureus*, *E.coli*, *P.aeruginosa*, *S.flexneri*, *B.subtilis* trong điều kiện thí nghiệm



NƯỚC GIẶT ON1

- Không chỉ chứa các hoạt chất kháng khuẩn tiêu diệt tận gốc 99,9% vi khuẩn (*), Nước giặt On1 còn kết hợp tinh dầu thiên nhiên mang đến cảm giác tươi mát suốt ngày dài. Bạn sẽ thoải mái hoạt động không lo mùi hôi trên quần áo vì đã có On1 chuyên trị vi khuẩn gây mùi.
- Nước giặt On1 bao gồm các loại như: Nước giặt (3 hương); Nước giặt xả, Nước giặt chống lem màu và Nước giặt matic.

(*) Diệt 99.9% vi khuẩn *S.aureus*, *P.aeruginosa*, *S.flexneri*, *B.Subtilis*, *M.tuberculosis* và nấm *C.albicans* trong điều kiện thí nghiệm.



NƯỚC XẢ LÀM MỀM VẢI

- On1 lần đầu ra mắt Nước xả làm mềm vải On1 mới với các tính năng toàn diện: Công nghệ lưu hương thế hệ mới làm tăng khả năng lưu hương gấp nhiều lần, lưu hương hoa thiên nhiên dịu nhẹ giúp loại bỏ hiệu quả mùi hôi trên áo quần, công thức Không nhân - Dễ ủi được kiểm định cho áo quần luôn mềm mịn, chống nhăn dễ ủi tức thì, hiệu quả kháng khuẩn tối ưu với thành phần tinh dầu thiên nhiên.



NƯỚC TẮY QUẦN ÁO MÀU ON1

- Nước tẩy quần áo màu On1 mới - Trợ thủ tăng cường hiệu quả giặt tẩy khi kết hợp với Bột giặt/ Nước giặt nhờ: Bột Oxy giúp loại bỏ 99,9%* vi khuẩn, giữ màu sắc sợi vải luôn sáng mới với hoạt chất an toàn Oxygen Active, lưu hương thơm mát cùng khả năng đánh bay mùi ẩm mốc hiệu quả.
- Trải nghiệm quá trình giặt giữ thật dễ dàng và nhàn nhã cùng Nước Tẩy Quần Áo Màu On1 với 2 mùi hương thanh mát Tropical Blossom và Purple Freshness.

(*) Dựa trên kết quả kiểm nghiệm các vi khuẩn gây bệnh: *S.typhi*, *S.aureus*, *E.coli*, *P.aeruginosa* (trong điều kiện thí nghiệm)



CÁC SẢN PHẨM NỔI BẬT

GEL TẨY BỒN CẦU VÀ NHÀ TẮM ON1

- Từ công nghệ cải tiến thế hệ mới, nổi bật với khả năng diệt 99.9% vi khuẩn* gây bệnh một cách toàn diện bằng cách xoáy bay vết bẩn và mảng bám nhanh chóng, Gel tẩy bồn cầu và nhà tắm On1 là giải pháp hiệu quả giúp trả lại lớp men sáng bóng như mới cho bồn cầu và nhà vệ sinh của gia đình bạn suốt 24/7.
- Lựa chọn bảo vệ và chăm sóc sức khỏe gia đình toàn diện!

(*) Dựa trên kết quả kiểm nghiệm các vi khuẩn gây bệnh: *S.typhi*, *S.aureus*, *E.coli*, *P.aeruginosa* (trong điều kiện thí nghiệm)



NƯỚC LAU KÍNH ON1

- Nước lau kính với công thức cải tiến, giải quyết 3 vấn đề ưu tiên: Giúp bề mặt sạch và sáng bóng vượt trội trong tích tắc, tạo nên một màng ngăn bám bụi hiệu quả. Nhờ đó, giữ lớp kính sạch đẹp trong khoảng thời gian dài trước bụi mịn từ môi trường xung quanh.
- Hương thơm từ tinh dầu trà trà sẽ là điểm cộng giúp bề mặt kính gia đình “thăng hạng”.



NƯỚC LAU SÀN ON1

- Một chút hương thơm dịu nhẹ sẽ giúp bạn thư giãn đầu óc, giảm căng thẳng mệt mỏi sau một ngày dài “chiến đấu” với công việc. Sẽ thật tuyệt nếu không gian nhà bạn có thể trở nên trong trẻo và dịu mát như mang spa về nhà.
- Từ sự kết hợp hoàn hảo của các loại thảo mộc cao cấp như đinh hương & hoắc hương hay sả trong Nước lau sàn On1, sàn nhà giờ đây không đơn giản chỉ là sạch mát mà còn lưu hương tinh dầu, còn là chất xúc tác tạo nên bầu không khí thư giãn, thoải mái như spa ngay trong chính ngôi nhà bạn.



TINH DẦU ON1

- Nếu bạn đã cố gắng sắp xếp đồ dùng gọn gàng, trang trí không gian thật tinh tế nhưng vẫn chưa tìm được cảm hứng thì có lẽ điều bạn đang cần bây giờ là mùi hương. Một mùi hương hoàn toàn thiên nhiên, vừa giúp tâm trạng thoải mái vừa mang lại “sinh khí” cho không gian.
- Với liệu pháp tinh dầu Aromatherapy, tinh dầu On1 không chỉ giúp bạn thư giãn tinh thần và tái tạo năng lượng tích cực mà còn có khả năng kháng khuẩn, khử mùi và ngăn muỗi hiệu quả.
- Tinh dầu On1 thích hợp dùng cho nhiều không gian như: gia đình, văn phòng làm việc hoặc để khử mùi hôi trong những không gian khó chịu. Ngoài ra, bạn còn có thể dùng Tinh dầu On1 cho những buổi tiệc ngoài trời hoặc đi cắm trại để vừa mang lại cảm giác thoải mái vừa xua đuổi côn trùng.



SẢN PHẨM IRON & STONE

NƯỚC HOA IRON & STONE

Phân loại: 2 nhóm hương

- Blue Ocean: Hương thanh mát và khoáng đạt từ biển cả giúp bạn thêm tự tin chinh phục thách thức.
- Aroma Santal: Hương trầm vững chãi và cuốn hút cho một phong thái đỉnh đặc, quyết đoán.



DẦU GỘI, SỮA TẮM, DẦU TẮM GỘI TÍNH DẦU IRON & STONE

- Dầu gội tinh dầu Iron & Stone kết hợp từ chiết suất 100% tinh dầu thiên nhiên cùng hương nước hoa được chọn lọc tỉ mỉ, thông qua quá trình nghiên cứu chuyên sâu về liệu pháp mùi hương để mang đến những sản phẩm tinh túy nhất tôn lên “chất riêng” của người đàn ông.
- Bí quyết làm nên sản phẩm không chỉ là mong muốn mang đến giá trị thể chất giúp người đàn ông lưu giữ được mùi hương của riêng mình mà sâu hơn là được cảm nhận sự chăm sóc chu đáo về tinh thần.
- Inspiration và Innovation chính là thành quả nghiên cứu đầu tiên nằm trong bộ sưu tập dầu gội tinh dầu của Iron & Stone.



CÁC SẢN PHẨM NỔI BẬT

SẢN PHẨM BONDY CARE

DẦU GỘI BONDY CARE

Bondy Care ra mắt 2 sản phẩm dầu gội hoàn toàn mới đáp ứng nhu cầu cơ bản và cần thiết nhất của mọi gia đình:

- Dầu gội Sạch gàu: Công thức làm sạch và kháng khuẩn giúp da đầu khỏe mạnh, loại bỏ gàu hiệu quả ngay từ lần gội đầu tiên.
- Dầu gội Suôn mượt: Chứa Hydrolyzed Keratin giúp nuôi dưỡng, bảo vệ tóc trước tác động từ môi trường và hóa chất, mang lại mái tóc suôn mềm và chắc khỏe.



SỮA TẮM BONDY CARE

Bondy Care ra mắt 2 sản phẩm Sữa tắm hoàn toàn mới đáp ứng nhu cầu cơ bản và cần thiết nhất của mọi gia đình:

- Sữa tắm Kháng khuẩn: Làm sạch lành tính, loại bỏ đến 99,9% vi khuẩn, bảo vệ da trước bụi bẩn và tác động môi trường.
- Sữa tắm Ngăn mùi cơ thể: Làm sạch sâu, loại bỏ vi khuẩn gây mùi, giúp da sạch khỏe và khô thoáng suốt ngày dài.



XÀ BÔNG THƠM BONDY CARE

Bondy Care lần đầu ra mắt 2 sản phẩm Xà Bông Thơm mới với 2 tính năng:

- Ngăn mùi cơ thể: Với hoạt chất Zinc Ricinoleate kết hợp với Nano bạc giúp khử mùi, ngăn ngừa mùi và bảo vệ cơ thể khô thoáng suốt ngày dài.
- Kháng khuẩn: Với hoạt chất Nano bạc kháng khuẩn mới, giúp làm sạch sâu, loại bỏ vi khuẩn hiệu quả giúp bạn một làn da khỏe mạnh.



DẦU TẮM GỘI RỬA MẶT BONDY CARE

- Giải pháp toàn diện cho nam giới với hương nước hoa mạnh mẽ, cuốn hút và hiện đại, giúp làm sạch cơ thể – gội đầu – rửa mặt chỉ trong một bước, mang lại làn da sạch sâu và mái tóc chắc khỏe.
- Công thức chứa Pro Vitamin B5 và Aloe Vera 100% nguồn gốc thiên nhiên, hỗ trợ nuôi dưỡng tóc, giảm gãy rụng, dưỡng ẩm suốt 24h; kết hợp hương nước hoa cao cấp lưu hương lâu, mang đến cảm giác tự tin suốt cả ngày.



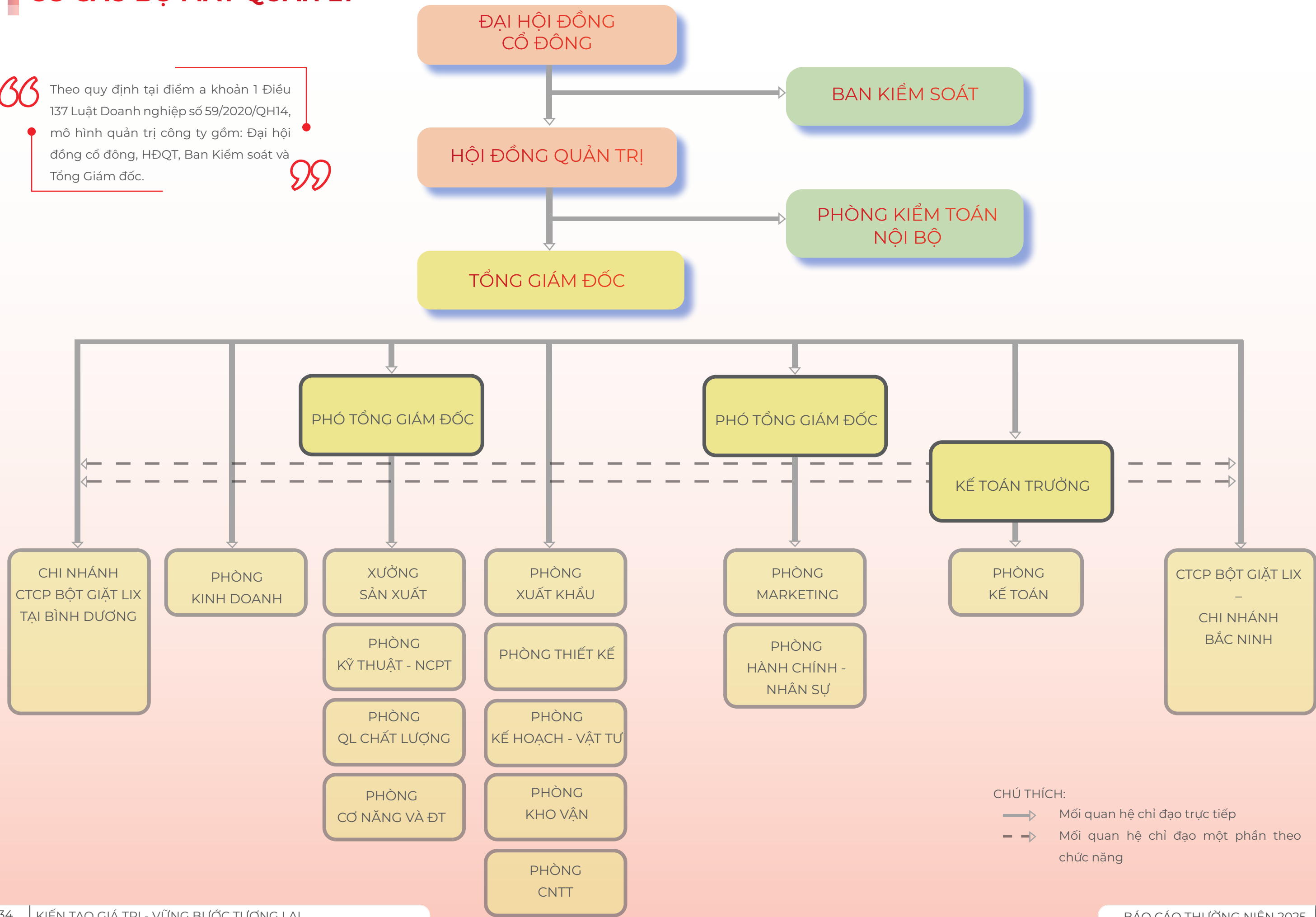
HAIR & BODY MIST BONDY CARE

- Xịt thơm tóc và cơ thể với hương thơm tươi sáng, lưu hương nhẹ nhàng nhưng bền bỉ, phù hợp sử dụng hàng ngày.
- Công thức an toàn, không gây khô tóc hay kích ứng da, giúp mang đến cảm giác thơm mát và dễ chịu trong nhiều giờ.



CƠ CẤU BỘ MÁY QUẢN LÝ

66 Theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 137 Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14, mô hình quản trị công ty gồm: Đại hội đồng cổ đông, HĐQT, Ban Kiểm soát và Tổng Giám đốc.
 99



CÔNG TY, CÔNG TY LIÊN KẾT, CHI NHÁNH

CÔNG TY CỔ PHẦN BỘT GIẶT LIX

Địa Chỉ	Số 3 đường số 2, Khu phố 28, Phường Linh Xuân, Thành phố Hồ Chí Minh
Diện tích	: 22.000 m ²
Nhân Viên	: 518 nhân viên
Công suất	: 150.000 tấn/năm
Sản phẩm	: Bột giặt, Mỹ phẩm



Văn phòng đại diện tại TP.HCM

Địa Chỉ	LD-02.05, Tòa nhà Lexington, 67 Mai Chí Thọ, Phường Bình Trưng, Thành phố Hồ Chí Minh.
Diện tích	: 116m ²
Nhân Viên	: 136 nhân viên
Chức năng	: Văn phòng Kinh doanh



Chi nhánh Công ty Cổ phần Bột giặt LIX tại Bình Dương

Địa Chỉ	A-6, A-12, Khu công nghiệp Đại Đăng, Phường Bình Dương, Tp. Hồ Chí Minh
Diện tích	: 50.000 m ²
Nhân Viên	: 255 nhân viên
Công suất	: 150.000 tấn/năm
Sản phẩm	: Chất tẩy rửa dạng lỏng



Công ty Cổ phần Bột giặt LIX - Chi nhánh Bắc Ninh

Địa Chỉ	Lô II-1.1, Khu công nghiệp Quế Võ 2, Phường Đào Viên, tỉnh Bắc Ninh.
Diện tích	: 20.000 m ²
Nhân Viên	: 224 nhân viên
Công suất	Bột giặt và chất tẩy rửa dạng lỏng 85.000 tấn/năm
Sản phẩm	: Bột giặt, chất tẩy rửa dạng lỏng



Công ty TNHH Xalivico - Công ty liên kết

Địa Chỉ	: Số 233 Nguyễn Trãi, Phường Thanh Xuân, TP Hà Nội
Ngành nghề kinh doanh	: Kinh doanh bất động sản, hoạt động của các câu lạc bộ thể thao, tổ chức giới thiệu và xúc tiến thương mại, quảng cáo, ...
Vốn điều lệ:	: 211.538.000.000 đồng
Giá trị vốn góp của LIX	: 55.000.000.000 đồng tương đương 26% VDL

ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN TRONG TƯƠNG LAI

KINH TẾ THẾ GIỚI

Năm 2025, kinh tế thế giới tiếp tục trong giai đoạn điều chỉnh trước những thay đổi về chính sách thương mại, tài khóa và tiền tệ tại các nền kinh tế lớn. Theo IMF, các yếu tố mang tính hỗ trợ tăng trưởng ngắn hạn trong nửa đầu năm 2025 đang dần suy yếu, trong khi môi trường kinh tế toàn cầu vẫn tiềm ẩn nhiều bất định. IMF dự báo tăng trưởng kinh tế toàn cầu giảm từ 3,3% năm 2024 xuống 3,2% năm 2025 và 3,1% năm 2026, trong đó nhóm các nền kinh tế phát triển tăng trưởng khoảng 1,5%, còn nhóm các nền kinh tế mới nổi và đang phát triển duy trì trên 4%. Lạm phát toàn cầu tiếp tục xu hướng giảm nhưng diễn biến không đồng đều giữa các khu vực. Fitch Ratings cũng nhận định tăng trưởng kinh tế thế giới năm 2025 ở mức 2,5%, phản ánh đà tăng trưởng chậm lại nhưng ổn định hơn so với giai đoạn trước, đồng thời cảnh báo các rủi ro giảm vẫn hiện hữu do bất ổn chính sách kéo dài, xu hướng bảo hộ thương mại và biến động trên thị trường tài chính toàn cầu.

Trong bối cảnh đó, khu vực Đông Á – Thái Bình Dương được World Bank dự báo tăng trưởng giảm từ 5,0% năm 2024 xuống 4,5% trong năm 2025, chịu tác động từ cầu bên ngoài suy yếu và rào cản thương mại gia tăng. Trung Quốc được dự báo tăng trưởng khoảng 4,5%, trong khi các nền kinh tế có độ mở cao như Việt Nam, Thái Lan và Campuchia đối mặt triển vọng tăng trưởng thận trọng hơn. Tuy vậy, việc đẩy mạnh đầu tư công và các chính sách hỗ trợ tài khóa tại nhiều quốc gia, trong đó có Việt Nam, được kỳ vọng sẽ góp phần hỗ trợ tăng trưởng trong ngắn hạn.

KINH TẾ VIỆT NAM

Trong năm 2025, kinh tế Việt Nam tiếp tục ghi nhận đà tăng trưởng mạnh mẽ trong bối cảnh kinh tế toàn cầu còn nhiều bất định. Theo Tổng cục thống kê, tăng trưởng GDP cả năm 2025 đạt 8,02% so với năm trước, là mức tăng cao nhất kể từ giai đoạn sau COVID-19 và thuộc nhóm mức tăng mạnh trong gần ba thập kỷ qua, phản ánh sự phục hồi đồng đều và linh hoạt của nền kinh tế trước các thách thức quốc tế và trong nước.

Cơ cấu đóng góp cho tăng trưởng năm 2025 cho thấy sự phục hồi mạnh mẽ của cả ba trụ cột kinh tế: khu vực công nghiệp – xây dựng tăng 8,95%, tiếp tục là động lực chính; khu vực dịch vụ tăng 8,62%; và khu vực nông, lâm, thủy sản vẫn duy trì tăng trưởng dương ở mức 3,48%. Xuất khẩu hàng hóa và dịch vụ tăng 16,27% và nhập khẩu tăng 17,12%, phản ánh đà phát triển của sản xuất công nghiệp và nhu cầu nội địa. Việc tiêu dùng cuối cùng tăng 7,95% và đầu tư (tích lũy tài sản cố định) tăng 8,68% cho thấy nội lực tiêu dùng và đầu tư trong nước tiếp tục là động lực vững chắc của tăng trưởng.

Những kết quả này cho thấy nền kinh tế Việt Nam đã tận dụng hiệu quả các động lực tăng trưởng nội tại, đồng thời điều chỉnh chính sách vĩ mô phù hợp để duy trì đà tăng trưởng bền vững trong năm 2025, tạo nền tảng ổn định cho hoạt động sản xuất – kinh doanh của doanh nghiệp.

THEO TỔNG CỤC THỐNG KÊ
GDP VIỆT NAM NĂM 2025



8,02%

cao hơn mức tăng trưởng 7,09% của năm 2024

Tăng trưởng GDP: Năm 2025, kinh tế Việt Nam duy trì đà tăng trưởng cao, với GDP cả năm tăng 8,02% – thuộc nhóm mức tăng cao nhất giai đoạn 2011–2025. Động lực tăng trưởng đến từ khu vực công nghiệp – xây dựng và dịch vụ duy trì mức tăng tích cực, cùng với xuất khẩu tiếp tục khởi sắc, đầu tư công và dòng vốn FDI ổn định, và tiêu dùng cuối cải thiện. Các yếu tố này tạo nền tảng thuận lợi cho hoạt động sản xuất công nghiệp và sức cầu thị trường nội địa trong suốt năm 2025.

Chỉ số sản xuất công nghiệp (IIP): Hoạt động sản xuất công nghiệp năm 2025 duy trì xu hướng tăng trưởng tích cực. Tính chung cả năm 2025, IIP ước tăng 9,2% so với năm trước, cho thấy đà phục hồi và mở rộng sản xuất được duy trì ổn định. Động lực tăng trưởng chủ yếu đến từ ngành công nghiệp chế biến, chế tạo tăng 10,5%, đóng góp 8,4 điểm phần trăm vào mức tăng chung; bên cạnh đó, sản xuất và phân phối điện tăng 6,7% (đóng góp 0,6 điểm phần trăm), cung cấp nước và xử lý rác thải, nước thải tăng 7,8%, trong khi khai khoáng tăng 0,5%. Riêng quý IV/2025, IIP ước tăng 9,9%, trong đó chế biến, chế tạo tăng 10,8%, phản ánh nhịp sản xuất tiếp tục được củng cố về cuối năm.

Hoạt động thị trường bán lẻ: Thị trường tiêu dùng nội địa tiếp tục đóng vai trò là điểm sáng quan trọng của nền kinh tế năm 2025. Theo Tổng cục Thống kê, tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ tiêu dùng cả năm 2025 ước tăng 9,2% so với năm trước, đạt hơn 7.000 nghìn tỷ đồng theo giá hiện hành, cao hơn mức tăng của năm 2024 và phản ánh sức mua nội địa phục hồi bền vững. Trong đó, doanh thu bán lẻ hàng hóa tăng khoảng 8,0%, chiếm hơn 75% tổng mức tiêu dùng, cho thấy sự phục hồi ổn định của nhu cầu tiêu dùng thiết yếu trong nước.

Theo World Bank, mặc dù triển vọng tăng trưởng trong thời gian tới có thể chịu tác động từ căng thẳng thương mại và rủi ro địa chính trị, Việt Nam vẫn được đánh giá có khả năng chống chịu tương đối tốt nhờ nền tảng kinh tế vĩ mô ổn định, dư địa chính sách còn được duy trì và đầu tư công tiếp tục đóng vai trò động lực quan trọng đối với tổng cầu. Về trung và dài hạn, các định hướng phát triển lớn của Chính phủ và Quốc hội đặt ra với mục tiêu tăng trưởng GDP từ 10% trở lên trong năm 2026, tiếp tục tạo nền tảng thuận lợi cho môi trường kinh doanh, đặc biệt đối với các ngành hàng tiêu dùng và sản xuất phục vụ thị trường nội địa. Những yếu tố này được kỳ vọng sẽ tiếp tục hỗ trợ sự ổn định và phát triển của các hoạt động sản xuất, kinh doanh trong nước, bao gồm lĩnh vực hàng tiêu dùng và bán lẻ.



ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN TRONG TƯƠNG LAI

TRIỂN VỌNG NGÀNH CÔNG NGHIỆP HÓA CHẤT, NGÀNH CHĂM SÓC GIA ĐÌNH VÀ CÁ NHÂN TRÊN THẾ GIỚI

Ngành công nghiệp hóa chất toàn cầu được dự báo duy trì xu hướng phục hồi tích cực trong giai đoạn 2024 – 2025, nhờ nền tảng tăng trưởng kinh tế ổn định tại các thị trường lớn. Theo Hội đồng Hóa học Mỹ, sau khi sản lượng hóa chất suy giảm 1,3% trong năm 2023 do quá trình điều chỉnh tồn kho, sản lượng hóa chất được dự báo tăng 2,2% trong năm 2024 và 1,9% trong năm 2025, trong bối cảnh lạm phát dần hạ nhiệt và nhu cầu từ các ngành sử dụng đầu cuối như ô tô, xây dựng và hàng tiêu dùng cải thiện. Hội đồng Hóa học Mỹ nhận định tăng trưởng kinh tế Mỹ tiếp tục đóng vai trò quan trọng trong việc thúc đẩy nhu cầu hóa chất, qua đó hỗ trợ triển vọng sản xuất và tiêu thụ của ngành trong trung hạn, đồng thời tạo nền tảng cho sự ổn định của chuỗi cung ứng hóa chất toàn cầu.

Đối với ngành Chăm sóc gia đình (Home Care), nhu cầu tiêu dùng các sản phẩm tẩy rửa, giặt giũ và vệ sinh gia đình tiếp tục duy trì đà tăng trưởng nhờ nhận thức về vệ sinh và sức khỏe được duy trì ở mức cao sau đại dịch. Theo Statista Market Outlook, chi tiêu toàn cầu cho nhóm hàng hóa và dịch vụ gia đình được dự báo tăng trưởng với tốc độ CAGR 5,7%, cao nhất trong các nhóm tiêu dùng, phản ánh xu hướng ưu tiên chi tiêu cho các sản phẩm thiết yếu. Riêng thị trường chất tẩy rửa chén bát toàn cầu đạt quy mô doanh thu 27,66 tỷ USD trong năm 2024 và dự kiến tăng trưởng với tốc độ CAGR 3,22% trong giai đoạn 2024 - 2029, cho thấy dư địa tăng trưởng ổn định của phân khúc này. Bên cạnh đó, xu hướng phát triển các sản phẩm thân thiện môi trường, tiết kiệm nước và sử dụng nguyên liệu bền vững tiếp tục định hình định hướng phát triển của ngành Home Care trong thời gian tới.

Đối với ngành Chăm sóc cá nhân (Personal Care), thị trường tiếp tục được thúc đẩy mạnh mẽ bởi sự mở rộng của thương mại điện tử và thay đổi trong hành vi tiêu dùng. Theo Statista, doanh thu toàn cầu của phân khúc Personal Care trên các nền tảng thương mại điện tử được dự báo tăng thêm khoảng 59,4 tỷ USD trong giai đoạn 2024 – 2029, tương đương mức tăng 46,67%, và đạt đỉnh mới vào năm 2029. Song song đó, theo Deloitte, các doanh nghiệp hàng tiêu dùng đang đẩy mạnh đầu tư vào các kênh bán hàng và nền tảng số, với 79% lãnh đạo doanh nghiệp cho biết sẽ gia tăng đầu tư vào kênh kỹ thuật số nhằm tiếp cận người tiêu dùng hiệu quả hơn trong bối cảnh hành vi mua sắm ngày càng phân mảnh. Những xu hướng này tiếp tục tạo điều kiện thuận lợi cho sự phát triển của các ngành hàng chăm sóc cá nhân, đồng thời đặt ra yêu cầu ngày càng cao về đổi mới sản phẩm, danh mục hàng hóa và mô hình phân phối.



TRIỂN VỌNG NGÀNH CÔNG NGHIỆP HÓA CHẤT, NGÀNH CHĂM SÓC GIA ĐÌNH VÀ CÁ NHÂN TẠI VIỆT NAM

Thị trường Chăm sóc gia đình và Chăm sóc cá nhân (Home & Personal Care – HPC) tại Việt Nam được đánh giá có triển vọng tăng trưởng ổn định trong trung và dài hạn, nhờ quy mô dân số lớn, cơ cấu dân số trẻ, thu nhập cải thiện và quá trình đô thị hóa diễn ra nhanh chóng. Theo DKSH Việt Nam, thị trường làm đẹp và chăm sóc cá nhân Việt Nam dự kiến tăng từ khoảng 2,68 tỷ USD năm 2023 lên 3,57 tỷ USD vào năm 2030, tương ứng tốc độ tăng trưởng kép (CAGR) khoảng 4,6%. Trong khi đó, nhóm sản phẩm chăm sóc nhà cửa, bao gồm chất tẩy rửa, bột giặt và chất khử trùng, được dự báo đạt gần 953,1 triệu USD vào năm 2033, với CAGR khoảng 4,28% trong giai đoạn 2025–2033. Những con số này phản ánh nhu cầu tiêu dùng bền vững đối với các sản phẩm thiết yếu, ít chịu tác động bởi các chu kỳ kinh tế ngắn hạn.

Trong phân khúc chăm sóc gia đình, đặc biệt là giặt tẩy, Việt Nam tiếp tục là một trong những thị trường năng động trong khu vực. Theo B&Company và Statista Market Insight, năm 2025, phân khúc giặt tẩy (bao gồm bột giặt, nước giặt và nước xả vải ước đạt khoảng 1,34 tỷ USD, chiếm tỷ trọng lớn nhất trong tổng giá trị thị trường chăm sóc gia đình khoảng 2,92 tỷ USD, với tốc độ tăng trưởng dự kiến 4,18%/năm giai đoạn 2025–2030. Song song với thị trường sản phẩm, dịch vụ giặt ủi thương mại cũng phát triển nhanh chóng, với tốc độ tăng trưởng khoảng 6%/năm, cao hơn mức trung bình khu vực châu Á. Quá trình đô thị hóa, không gian sống thu hẹp và nhịp sống ngày càng nhanh đã thúc đẩy nhu cầu đối với các sản phẩm tiện lợi, dễ sử dụng cũng như các dịch vụ giặt ủi chuyên nghiệp tại khu vực đô thị.



Trong bối cảnh đó, ngành Chăm sóc gia đình và Chăm sóc cá nhân tại Việt Nam được kỳ vọng tiếp tục duy trì đà tăng trưởng tích cực trong những năm tới. Sự kết hợp giữa quy mô thị trường mở rộng, nhu cầu tiêu dùng thiết yếu ổn định, xu hướng đô thị hóa, cùng với sự dịch chuyển sang các sản phẩm an toàn, thân thiện với môi trường và tiện lợi hơn, đang tạo nền tảng thuận lợi cho sự phát triển bền vững của ngành. Bên cạnh đó, quá trình số hóa kênh phân phối và thương mại điện tử ngày càng đóng vai trò quan trọng trong việc mở rộng khả năng tiếp cận người tiêu dùng, qua đó góp phần nâng cao tiềm năng tăng trưởng dài hạn của thị trường HPC tại Việt Nam.

PHÂN TÍCH SWOT



Với các tác động mạnh mẽ từ các yếu tố vĩ mô, ngành và từ các đối thủ cạnh tranh trong ngành, việc nhận diện, đánh giá, phân tích các tác động thế mạnh, cơ hội và rủi ro là vấn đề quan trọng. Từ đó, Công ty có thể chủ động xây dựng và thiết lập các định hướng chiến lược, hình thành hệ thống giải pháp phù hợp để chinh phục các mục tiêu chiến lược này. Đây là một công tác được thực hiện thường xuyên và liên tục tại LIXCO.



ĐIỂM MẠNH

Thương hiệu lâu đời và uy tín: LIXCO đã có gần 50 năm hoạt động và xây dựng thương hiệu bột giặt hàng đầu tại Việt Nam. Công ty có được sự tin tưởng và ủng hộ từ người tiêu dùng nhờ vào chất lượng sản phẩm ổn định và sự uy tín trong ngành. Sự công nhận từ các giải thưởng như “Thương hiệu Quốc gia” cho thấy vị thế mạnh mẽ của thương hiệu LIXCO.

Nhân sự và Văn hóa doanh nghiệp: Nhân sự lãnh đạo quản lý cấp cao có trình độ và tầm nhìn quản lý doanh nghiệp, CB-CNV năng động, sáng tạo và chủ động công việc. Tạo lập được văn hóa doanh nghiệp, tập hợp được sức mạnh tập thể đoàn kết hướng tới mục tiêu chung của toàn Công ty. Ngoài ra, Công ty luôn duy trì đánh giá, tái cấu trúc và sắp xếp lại cơ cấu tổ chức, chức năng nhiệm vụ của các bộ phận theo tình hình thực tế sản xuất kinh doanh của Công ty.

Mối quan hệ với các bên liên quan: Luôn nhận được sự chia sẻ, hỗ trợ của Tập đoàn Hóa chất Việt Nam và các đơn vị thành viên, các đơn vị trong và ngoài ngành. Công ty luôn đặt sự uy tín lên hàng đầu khi làm việc và đồng hành cùng với các đối tác của mình.

SWOT

Sản phẩm đa dạng và chất lượng cao: LIXCO không chỉ tập trung vào bột giặt mà còn mở rộng sang các sản phẩm như nước giặt, nước xả, nước lau sàn, mỹ phẩm và các dòng sản phẩm chăm sóc gia đình và cá nhân. Các sản phẩm mang thương hiệu LIX, On1, Iron & Stone và Bondy Care đều có chất lượng cao và đáp ứng được nhu cầu tiêu dùng của nhiều phân khúc khách hàng.

Cở sở hạ tầng và công nghệ: Công suất nhà máy đạt hơn 150.000 tấn/năm ở trụ sở chính, 150.000 tấn/năm tại Chi nhánh Bình Dương và 85.000 tấn/năm ở Chi nhánh Bắc Ninh, đảm bảo nguồn cung cấp ổn định cho thị trường nội địa và xuất khẩu. Công ty đã và đang đẩy mạnh ứng dụng công nghệ và tự động hóa trong sản xuất như hệ thống robot, dây chuyền và đóng gói tự động, góp phần nâng cao năng suất, kiểm soát chất lượng và tối ưu chi phí. Song song đó, các hoạt động nghiên cứu và phát triển sản phẩm cũng được đẩy mạnh để cải tiến chất lượng sản phẩm và đáp ứng nhu cầu của thị trường.

Mạng lưới phân phối rộng khắp: LIXCO sở hữu hệ thống phân phối phủ rộng toàn quốc, hiện diện tại các kênh truyền thống, kênh bán lẻ hiện đại và thương mại điện tử. Việc liên tục mở rộng độ phủ, đặc biệt gia tăng điểm bán tại khu vực miền Bắc trong năm 2025, giúp Công ty nâng cao khả năng tiếp cận người tiêu dùng và củng cố lợi thế cạnh tranh trên thị trường nội địa.

PHÂN TÍCH SWOT



ĐIỂM YẾU

Áp lực cạnh tranh ngày càng gia tăng: Thị trường hàng tiêu dùng nhanh ngày càng cạnh tranh gay gắt với sự tham gia của nhiều doanh nghiệp trong và ngoài nước có tiềm lực tài chính và năng lực Marketing mạnh, tạo áp lực lên việc duy trì thị phần và tốc độ tăng trưởng.

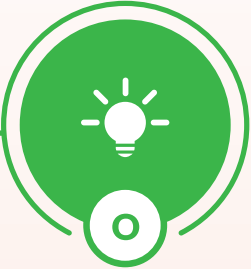
Phụ thuộc vào nguyên liệu nhập khẩu và các yếu tố bên ngoài: Hoạt động sản xuất của LIXCO phụ thuộc lớn vào nguồn nguyên vật liệu nhập khẩu. Trong bối cảnh kinh tế toàn cầu năm 2025 tiếp tục tiềm ẩn nhiều bất định, bao gồm biến động giá dầu, căng thẳng thương mại và rủi ro tỷ giá, chi phí đầu vào của Công ty có thể chịu ảnh hưởng đáng kể, gây áp lực hiệu quả sản xuất kinh doanh.

Thị trường tiêu thụ sản phẩm rộng lớn: Không chỉ thị trường nội địa đang có những tín hiệu tích cực, thị trường xuất khẩu cũng mang lại cho Công ty nhiều cơ hội tiềm năng trong việc mở rộng thị trường tiêu thụ sang các quốc gia trên thế giới.

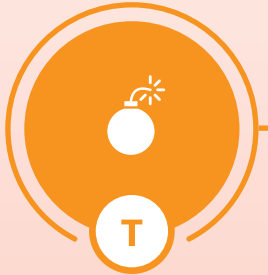
Mở rộng thị trường, tăng sản lượng xuất khẩu: Nhằm tận dụng các tệp khách hàng từ các thị trường lớn, Công ty đang tập trung thâm nhập vào các thị trường đầy tiềm năng này.

Xu hướng tiêu dùng bền vững và thân thiện với môi trường: Người tiêu dùng hiện nay ngày càng ưu tiên các sản phẩm thân thiện với môi trường và không gây hại cho sức khỏe. LIXCO đã chú trọng đến việc phát triển các sản phẩm với các tiêu chí sạch, an toàn và bảo vệ môi trường, phù hợp với xu hướng tiêu dùng hiện đại.

Đa dạng về phương thức, kênh tiếp thị và bán hàng: Với nhu cầu mua sắm trực tuyến ngày càng tăng của người tiêu dùng thông qua các nền tảng mạng xã hội, bên cạnh kênh bán hàng truyền thống, công ty còn đang tập trung phát triển kênh bán hàng Horeca và kênh online.



CƠ HỘI



THÁCH THỨC

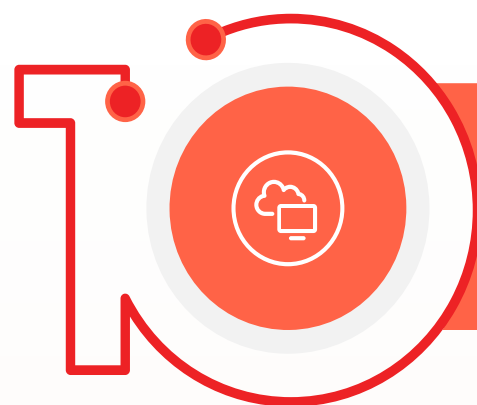
Cạnh tranh khốc liệt trong ngành hàng tiêu dùng nhanh: Sự tham gia ngày càng sâu rộng của các thương hiệu quốc tế, sự mở rộng của nhãn hàng riêng (private labels) và sự phát triển mạnh của thương mại điện tử khiến mức độ cạnh tranh trong ngành giặt tẩy và chăm sóc gia đình – cá nhân ngày càng gay gắt.

Thay đổi hành vi tiêu dùng: Người tiêu dùng ngày càng ưu tiên các sản phẩm chất lượng cao, an toàn và thân thiện với môi trường, tạo áp lực cho doanh nghiệp trong việc cải tiến sản phẩm và kiểm soát chi phí đầu tư.

Bất ổn kinh tế vĩ mô và thị trường hàng hóa: Tăng trưởng kinh tế toàn cầu chậm lại, căng thẳng thương mại và biến động địa chính trị tiếp tục ảnh hưởng đến chuỗi cung ứng, giá nguyên vật liệu, chi phí logistics và công tác dự báo của doanh nghiệp.

Yêu cầu pháp lý và môi trường ngày càng cao: Các quy định về hóa chất, môi trường và tiêu chuẩn thị trường xuất khẩu ngày càng được siết chặt, có thể làm gia tăng chi phí tuân thủ và ảnh hưởng đến khả năng mở rộng thị trường.

MỤC TIÊU CHỦ YẾU CỦA CÔNG TY



Xây dựng LIXCO phát triển bền vững, không ngừng mở rộng thị phần và củng cố vị thế là một trong những doanh nghiệp sản xuất, kinh doanh chất tẩy rửa hàng đầu Việt Nam, dựa trên nền tảng chất lượng sản phẩm, năng lực quản trị và uy tín thương hiệu.



Đẩy mạnh nghiên cứu, phát triển và đa dạng hóa sản phẩm, đáp ứng nhu cầu ngày càng cao của người tiêu dùng, phù hợp với định hướng phát triển bền vững, qua đó tạo ra giá trị gia tăng và lan tỏa giá trị thương hiệu Việt trong đời sống hiện đại.



Bảo đảm hài hòa lợi ích và thực hiện đầy đủ trách nhiệm đối với các bên liên quan, bao gồm cổ đông, nhà đầu tư, người lao động, đối tác và cộng đồng, gắn tăng trưởng kinh doanh với trách nhiệm xã hội và phát triển dài hạn của doanh nghiệp.

KHẮNG ĐỊNH VỊ THẾ LAN TỎA GIÁ TRỊ THƯƠNG HIỆU VIỆT



ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN TRUNG VÀ DÀI HẠN

Trong giai đoạn 2026–2030, LIXCO xác định phát triển bền vững, nâng cao năng lực cạnh tranh và củng cố vị thế thương hiệu Việt là định hướng xuyên suốt. Trên nền tảng 50 năm hình thành và phát triển, Công ty tập trung vào các trụ cột chiến lược sau:



CHIẾN LƯỢC PHÁT TRIỂN THỊ TRƯỜNG

LIXCO tập trung mở rộng quy mô và gia tăng độ phủ tại thị trường nội địa thông qua việc nâng cao hiệu quả hệ thống phân phối, tối ưu kênh bán hàng hiện đại và đẩy mạnh thương mại điện tử. Công ty chủ động khai thác các khu vực tiềm năng nhằm gia tăng thị phần và củng cố vị thế cạnh tranh.

Trên thị trường quốc tế, LIXCO định hướng mở rộng hiện diện tại các thị trường trọng điểm, đồng thời chủ động thâm nhập các thị trường mới có tiềm năng tăng trưởng. Hoạt động xuất khẩu được triển khai theo chiến lược xây dựng thương hiệu riêng song song với hợp tác OEM có chọn lọc, nhằm tối ưu công suất, nâng cao giá trị gia tăng và đa dạng hóa nguồn doanh thu.

Chiến lược thị trường được xây dựng theo nguyên tắc linh hoạt, thích ứng nhanh với biến động thương mại toàn cầu và xu hướng tiêu dùng đang thay đổi mạnh mẽ.



CHIẾN LƯỢC PHÁT TRIỂN SẢN PHẨM

Đổi mới và phát triển sản phẩm là động lực tăng trưởng cốt lõi của LIXCO trong trung và dài hạn. Công ty đẩy mạnh đầu tư cho hoạt động nghiên cứu và phát triển (R&D), nâng cao năng lực đội ngũ chuyên môn và tăng cường nền tảng kỹ thuật phục vụ đổi mới sáng tạo.

Danh mục sản phẩm được phát triển theo hai hướng chiến lược:

- Củng cố và đa dạng hóa ngành hàng Chăm sóc gia đình – lĩnh vực nền tảng của Công ty.
- Đẩy mạnh phát triển ngành hàng Chăm sóc cá nhân, từng bước hoàn thiện hệ sinh thái sản phẩm đáp ứng nhu cầu chăm sóc toàn diện của người tiêu dùng.

Song song đó, LIXCO chủ động cải tiến công thức, nâng cao trải nghiệm sử dụng và đổi mới thiết kế bao bì theo hướng hiện đại, thân thiện môi trường, qua đó gia tăng giá trị thương hiệu và củng cố lợi thế cạnh tranh dài hạn.



CHIẾN LƯỢC ĐẦU TƯ VÀ CHUYỂN ĐỔI SỐ

LIXCO tập trung hoàn thiện tự động hóa các dây chuyền sản xuất, nâng cấp hạ tầng nhà máy theo định hướng dài hạn và từng bước xây dựng mô hình vận hành theo hướng nhà máy thông minh.

Đồng thời, Công ty đẩy mạnh chuyển đổi số toàn diện trong các lĩnh vực sản xuất, chất lượng, bán hàng, nhân sự và tài chính, nhằm tăng tính liên kết dữ liệu, nâng cao hiệu quả quản trị và hỗ trợ ra quyết định nhanh chóng, chính xác.



CHIẾN LƯỢC PHÁT TRIỂN NGUỒN NHÂN LỰC VÀ VĂN HÓA DOANH NGHIỆP

LIXCO xác định con người là yếu tố trung tâm của chiến lược phát triển bền vững. Công ty tập trung nâng cao năng lực chuyên môn và kỹ năng quản lý cho đội ngũ cán bộ nhân viên, chuẩn hóa hệ thống đào tạo và đánh giá theo hướng hiện đại, minh bạch và hiệu quả.

Song song đó, văn hóa doanh nghiệp được củng cố dựa trên các giá trị cốt lõi, đề cao tinh thần trách nhiệm, chuyên nghiệp và gắn kết. Đây là nền tảng để bảo đảm sự ổn định nội bộ, gia tăng sức mạnh tổ chức và duy trì tăng trưởng dài hạn.

ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN TRUNG VÀ DÀI HẠN



CHIẾN LƯỢC MARKETING

Giai đoạn 2026–2030, LIXCO định vị Marketing là đòn bẩy chiến lược nhằm củng cố vị thế trong ngành Chăm sóc gia đình và tăng tốc mở rộng sang Chăm sóc cá nhân. Trọng tâm chiến lược tập trung vào hai hướng: mở rộng danh mục sản phẩm theo nhu cầu tiêu dùng mới và gia tăng độ phủ truyền thông đa kênh.

Công ty tiếp tục hoàn thiện hệ sinh thái sản phẩm ở các ngành hàng gia dụng, cá nhân và chăm sóc chuyên biệt; đồng thời đẩy mạnh đầu tư truyền thông tích hợp (online – offline), nâng cao nhận diện thương hiệu tại các thị trường trọng điểm. Digital Marketing, thương mại điện tử và các nền tảng truyền thông mới được xác định là kênh tăng trưởng chiến lược nhằm tiếp cận thế hệ người tiêu dùng trẻ và nhóm khách hàng mới.



CHIẾN LƯỢC MÔI TRƯỜNG

LIXCO xác định bảo vệ môi trường là một phần không tách rời của chiến lược tăng trưởng dài hạn. Công ty cam kết tuân thủ nghiêm ngặt các quy định pháp luật về môi trường, đồng thời chủ động triển khai các giải pháp giảm phát thải, tiết kiệm năng lượng và tối ưu tài nguyên trong toàn bộ chuỗi giá trị sản xuất.

Định hướng trọng tâm bao gồm: giảm lượng chất thải phát sinh trong sản xuất; kiểm soát và giảm cường độ phát thải khí nhà kính; nâng cao hiệu quả sử dụng năng lượng và từng bước mở rộng sử dụng năng lượng tái tạo. Song song đó, LIXCO tiếp tục phát triển các dòng sản phẩm theo hướng thân thiện môi trường, bao bì tái chế và nguyên liệu có nguồn gốc bền vững.

CÁC MỤC TIÊU ĐỐI VỚI MÔI TRƯỜNG XÃ HỘI CỘNG ĐỒNG

MỤC TIÊU ĐỐI VỚI MÔI TRƯỜNG

- Tại LIXCO, phát triển kinh tế đi đôi với bảo vệ môi trường nhằm hướng tới phát triển bền vững là kim chỉ nam xuyên suốt trong gần 50 năm phát triển Công ty.
- Hoạt động trong lĩnh vực sản xuất mỹ phẩm, hóa chất (trừ hóa chất có tính độc hại mạnh), vấn đề bảo vệ môi trường luôn là một trong những điều mà LIXCO ưu tiên hàng đầu. Chính vì vậy, Công ty không ngừng đẩy mạnh nghiên cứu các sản phẩm có thành phần an toàn đối với thiên nhiên, đầu tư vào trang thiết bị hiện đại, thân thiện với môi trường. Bên cạnh đó, LIXCO còn xây dựng các công trình xử lý bụi, mùi tập trung và lắp đặt hệ thống xử lý khí thải và nước thải.



MỤC TIÊU ĐỐI VỚI XÃ HỘI VÀ CỘNG ĐỒNG

LIXCO cố gắng hoàn thành đầy đủ nghĩa vụ và trách nhiệm với xã hội thông qua thực hiện các mục tiêu:

- Công ty thực hiện Chính sách phát triển bền vững đảm bảo hài hòa các lợi ích về hoạt động sản xuất nhưng vẫn đảm bảo hạn chế tối thiểu tác động với môi trường, lợi ích xã hội và cộng đồng.
- Đảm bảo các khoản đóng góp đối với cộng đồng như: Thuế, các nghĩa vụ và đóng góp xã hội khác. Ngoài ra, LIXCO luôn lắng nghe và đón nhận các phản hồi, đóng góp từ phía công chúng cũng như từ người lao động. Cụ thể:
- LIXCO thực thi chính sách trách nhiệm với người tiêu dùng đi kèm với việc đảm bảo môi trường làm việc trong lành, thân thiện cao.
- Nghiên cứu và cải thiện thêm các chính sách phúc lợi cho cán bộ và công nhân viên công ty.
- Triển khai nhiều chính sách đảm bảo việc làm, quan tâm, chăm sóc và hỗ trợ người lao động. Đồng thời đầu tư thêm các thiết bị tự động hóa, cơ giới hóa, giúp hạn chế tới mức tối đa những khâu nặng nhọc, độc hại cho người lao động.

RỦI RO ĐẶC THÙ NGÀNH

UY TÍN THƯƠNG HIỆU

Trong ngành hàng tiêu dùng nhanh như bột giặt, nước rửa chén, chất tẩy rửa, chăm sóc gia đình và chăm sóc cá nhân, uy tín thương hiệu là tài sản vô hình có giá trị cốt lõi, quyết định khả năng duy trì thị phần và tăng trưởng dài hạn. Theo Statista Market Insight 2025, trong nhóm sản phẩm Home & Laundry Care, vai trò của thương hiệu đang chịu áp lực gia tăng từ sự mở rộng của các nhãn hàng riêng (private labels), sự phân mảnh hành vi tiêu dùng và yêu cầu ngày càng cao về yếu tố an toàn, sức khỏe và tính bền vững.

Trong bối cảnh đó, rủi ro uy tín thương hiệu có thể phát sinh từ: (1) Sự cố liên quan đến chất lượng sản phẩm hoặc an toàn sử dụng; (2) Thông tin truyền thông không nhất quán hoặc xử lý khủng hoảng truyền thông chưa kịp thời; (3) Phản hồi tiêu cực lan truyền nhanh trên nền tảng số; (4) Cạnh tranh về giá và sự gia tăng của nhãn hàng riêng làm suy giảm mức độ trung thành thương hiệu.

Các rủi ro này, nếu không được kiểm soát hiệu quả, có thể tác động trực tiếp đến niềm tin người tiêu dùng, doanh thu, thị phần và vị thế cạnh tranh, đồng thời ảnh hưởng đến hình ảnh, thương hiệu của Công ty.

Nhận thức rõ tầm quan trọng của việc khẳng định vị thế và bảo vệ giá trị thương hiệu Việt, LIXCO triển khai đồng bộ các giải pháp quản trị rủi ro uy tín:

- Tăng cường kiểm soát chất lượng trong toàn bộ chuỗi sản xuất nhằm hạn chế tối đa sự cố sản phẩm;
- Chuẩn hóa thông điệp truyền thông, đảm bảo tính nhất quán giữa các nhãn hàng và các kênh truyền tải;
- Đẩy mạnh hoạt động truyền thông tích hợp,

đặc biệt trên nền tảng số, nhằm duy trì hình ảnh thương hiệu tích cực và chủ động tương tác với người tiêu dùng;

- Đa dạng hóa danh mục sản phẩm và cải tiến công thức theo hướng an toàn, thân thiện với môi trường, phù hợp với xu hướng tiêu dùng hiện đại.

Trong năm 2025, Công ty tiếp tục ra mắt và truyền thông các sản phẩm mới như nước rửa chén siêu đậm đặc LIX, nước lau sàn tinh dầu On1, nước rửa chén thiên nhiên On1 và dòng Body Mist Bondy Care, qua đó củng cố hình ảnh thương hiệu gắn với chất lượng, an toàn và đổi mới.

THAY ĐỔI HÀNH VI NGƯỜI TIÊU DÙNG

Thị trường tiêu dùng Việt Nam đang ghi nhận sự thay đổi rõ nét trong hành vi mua sắm. Người tiêu dùng ngày càng ưu tiên chất lượng, độ an toàn, tính tiện lợi và uy tín thương hiệu, thay vì chỉ tập trung vào yếu tố giá. Đồng thời, xu hướng tiêu dùng xanh, sản phẩm thân thiện môi trường và các giải pháp tiện lợi trong sinh hoạt ngày càng được quan tâm.

Sự dịch chuyển trong thị hiếu – đặc biệt là xu hướng chuyển từ sản phẩm dạng bột sang dạng lỏng, cũng như sự gia tăng nhu cầu đối với các sản phẩm chăm sóc cá nhân – có thể tạo áp lực cạnh tranh đối với doanh nghiệp nếu không kịp thời thích ứng. Nếu danh mục sản phẩm không đáp ứng xu hướng mới, doanh nghiệp có thể đối mặt với rủi ro suy giảm thị phần, tồn kho tăng và hình ảnh thương hiệu thiếu tính hiện đại.

Trước những thay đổi này, LIXCO xác định việc chủ động nắm bắt xu hướng tiêu dùng và điều chỉnh danh mục sản phẩm là giải pháp cốt lõi nhằm duy trì năng lực cạnh tranh.

Công ty tiếp tục lấy chất lượng sản phẩm và giá trị sử dụng thực tế làm nền tảng phát triển, đồng thời đẩy mạnh hoạt động nghiên cứu – phát triển theo hai hướng: (1) Cải tiến các sản phẩm hiện hữu, nâng cao hiệu quả, tính an toàn và trải nghiệm người dùng; (2) Phát triển các dòng sản phẩm mới phù hợp với xu hướng tiêu dùng hiện đại.

LIXCO tập trung mở rộng nhóm chất tẩy rửa dạng lỏng, đáp ứng xu hướng chuyển dịch từ sản phẩm dạng bột sang dạng nước, đồng thời từng bước đa dạng hóa danh mục sang các sản phẩm chăm sóc cá nhân, nhằm thích ứng với sự thay đổi trong hành vi người tiêu dùng và củng cố vị thế thương hiệu trong hệ sinh thái chăm sóc gia đình và cá nhân.

RỦI RO TỶ GIÁ

Trong năm 2025, tỷ giá USD/VND tiếp tục ghi nhận diễn biến phức tạp và chịu nhiều áp lực từ các yếu tố bên ngoài. Bối cảnh kinh tế toàn cầu vẫn tiềm ẩn nhiều bất ổn, bao gồm xung đột địa chính trị kéo dài, chính sách tiền tệ thận trọng của FED và đặc biệt là các diễn biến mới liên quan đến chính sách thuế quan của Hoa Kỳ đối với các đối tác thương mại lớn, trong đó có Việt Nam. Theo phân tích của UOB Việt Nam, việc Mỹ công bố mức thuế đối ứng cao đối với hàng hóa nhập khẩu từ Việt Nam trong giai đoạn đầu năm 2025 đã làm gia tăng nhu cầu nắm giữ USD trong nước, khi các doanh nghiệp đẩy mạnh nhập khẩu nguyên vật liệu và sản xuất trong thời gian tạm hoãn thuế, qua đó tạo áp lực lên tỷ giá USD/VND. Bên cạnh đó, hoạt động mua ngoại tệ của Kho bạc Nhà nước trong những tháng đầu năm cũng góp phần làm thu hẹp nguồn cung USD

trên thị trường, khiến tỷ giá trong nước tăng dù chỉ số USD Index trên thị trường quốc tế có xu hướng suy yếu.

Bước sang năm 2026, mặt bằng tỷ giá được kỳ vọng sẽ ổn định hơn khi áp lực từ bên ngoài có dấu hiệu giảm dần. Theo báo cáo thị trường tiền tệ của Chứng khoán MBS, đồng USD được dự báo sẽ suy yếu trong năm 2026 khi FED từng bước nới lỏng chính sách tiền tệ, trong khi nguồn cung USD của Việt Nam được hỗ trợ tích cực bởi hoạt động xuất khẩu, dòng vốn FDI và kiều hối. Trên cơ sở đó, MBS dự báo tỷ giá USD/VND trong năm 2026 chỉ tăng khoảng 2,2% – 2,5%, thấp hơn đáng kể so với giai đoạn biến động mạnh trước đó.

Đối với LIXCO, do một phần nguyên vật liệu đầu vào phục vụ sản xuất được nhập khẩu từ các thị trường như Trung Quốc, Nhật Bản và châu Âu, biến động tỷ giá có thể làm gia tăng chi phí sản xuất và ảnh hưởng đến biên lợi nhuận. Nhận diện rõ rủi ro này, Công ty chủ động theo dõi sát diễn biến thị trường ngoại hối, cân đối hợp lý giữa nguồn thu - chi ngoại tệ, linh hoạt lựa chọn thời điểm thanh toán và nhập khẩu nguyên vật liệu. Đồng thời, LIXCO xem xét sử dụng các công cụ phòng ngừa rủi ro tỷ giá phù hợp và chủ động điều chỉnh kế hoạch tồn kho nhằm hạn chế tác động bất lợi của biến động tỷ giá đến hoạt động sản xuất kinh doanh.

CÁC YẾU TỐ RỦI RO

RỦI RO MÔI TRƯỜNG

Ngành sản xuất hóa chất và chất tẩy rửa, dù đóng vai trò quan trọng trong tăng trưởng công nghiệp và tiêu dùng nội địa, vẫn tiềm ẩn nhiều rủi ro môi trường do đặc thù sử dụng nhiều nước, năng lượng và hóa chất trong quá trình sản xuất. Hoạt động sản xuất có thể phát sinh nước thải, khí thải, bụi, chất thải rắn và bao bì sau sử dụng, từ đó gây áp lực lên môi trường đất, nước và không khí nếu không được kiểm soát hiệu quả.

Trong bối cảnh các tiêu chuẩn môi trường ngày càng được siết chặt, LIXCO chịu sự điều chỉnh trực tiếp của Luật Bảo vệ môi trường năm 2020 và hệ thống quy chuẩn kỹ thuật quốc gia liên quan đến nước thải, khí thải, tiếng ồn và độ rung. Đồng thời, khi mở rộng hoạt động xuất khẩu, Công ty còn phải đáp ứng các yêu cầu ngày càng khắt khe của thị trường quốc tế về truy xuất nguồn gốc nguyên liệu, giảm phát thải, bao bì thân thiện môi trường và trách nhiệm đối với sức khỏe cộng đồng. Việc không đáp ứng kịp thời các yêu cầu này có thể làm gia tăng chi phí tuân thủ, ảnh hưởng đến khả năng cạnh tranh và mở rộng thị trường của Công ty.

Nhận thức được các rủi ro môi trường gắn liền với hoạt động sản xuất, Công ty đã và đang triển khai đồng bộ nhiều biện pháp quản lý, kiểm soát và phòng ngừa, cụ thể như sau:

- **Vận hành và kiểm soát hệ thống xử lý môi trường:** Tổ chức vận hành, theo dõi và kiểm soát thường xuyên các hệ thống xử lý nước thải, khí thải và bụi tại các nhà máy, đảm bảo các chỉ tiêu môi trường đầu ra tuân thủ đầy đủ các quy chuẩn kỹ thuật quốc gia hiện hành, bao gồm QCVN 40:2011/BTNMT đối với nước thải công nghiệp, QCVN 19:2009/BTNMT đối với khí thải và bụi công nghiệp, QCVN 26:2010/BTNMT về tiếng ồn và QCVN 27:2010/BTNMT về độ rung.
- **Thực hiện quan trắc và báo cáo môi trường định kỳ:** Định kỳ tổ chức lấy mẫu quan trắc môi trường theo quý tại các nhà máy, tổng hợp, đánh giá kết quả và thực hiện đầy đủ các báo cáo về công tác bảo vệ môi trường gửi cơ quan chức năng theo đúng quy định và thời hạn.
- **Bảo trì, bảo dưỡng hệ thống kỹ thuật:** LIXCO thực hiện kiểm tra, duy tu và bảo dưỡng định kỳ hệ thống xử lý, thu gom và thoát nước thải; đồng thời bảo dưỡng, hiệu chuẩn thiết bị nhằm hạn chế tiếng ồn và độ rung trong quá trình vận hành.
- **Đầu tư công nghệ và tự động hóa:** Công ty từng bước áp dụng công nghệ sản xuất hiện đại, tăng cường hệ thống kiểm soát điện tử và tự động hóa trong điều khiển, đóng gói, qua đó nâng cao năng suất, chất lượng sản phẩm và giảm thiểu tác động đến môi trường.

RỦI RO PHÁP LUẬT

Hoạt động của LIXCO chịu sự điều chỉnh của hệ thống pháp luật và chính sách của Việt Nam, bao gồm Luật Doanh nghiệp, Luật Đầu tư, các quy định về thuế, hải quan và khung pháp lý của thị trường chứng khoán đối với doanh nghiệp niêm yết. Việc các văn bản pháp luật, chính sách quản lý được sửa đổi, bổ sung theo hướng tăng yêu cầu tuân thủ hoặc phát sinh chi phí có thể ảnh hưởng đến hiệu quả hoạt động và kế hoạch phát triển của Công ty. Đối với ngành hóa mỹ phẩm và sản phẩm giặt tẩy, các quy định pháp lý ngày càng được hoàn thiện và siết chặt theo hướng tiêu chuẩn hóa, an toàn và bảo vệ môi trường. Theo B&Company, hoạt động sản xuất, kinh doanh chất tẩy rửa chịu sự điều chỉnh của Luật Hóa chất (2007) và Nghị định 113/2017/NĐ-CP, yêu cầu sản phẩm phải đáp ứng đầy đủ quy định về nhãn mác, công bố thông tin và quy chuẩn kỹ thuật trước khi lưu thông. Bên cạnh đó, các chính sách mới như Nghị định 19/2025/NĐ-CP thúc đẩy đơn giản hóa thủ tục đầu tư nhưng đồng thời khuyến khích sản xuất thân thiện với môi trường theo Chiến lược tăng trưởng xanh quốc gia 2021–2030, đặt ra yêu cầu cao hơn đối với doanh nghiệp trong việc đầu tư công nghệ và quy trình sản xuất. Ngoài thị trường trong nước, trong quá trình hội nhập và mở rộng xuất khẩu, Công ty còn đối mặt với các rào cản pháp lý từ thị trường nhập khẩu như quy tắc xuất xứ, tiêu chuẩn môi trường và trách nhiệm xã hội, có thể làm gia tăng chi phí tuân thủ. Để hạn chế rủi ro, LIXCO chủ động kiện toàn công tác pháp chế, thường xuyên cập nhật quy định pháp luật và điều chỉnh hoạt động nhằm bảo đảm tuân thủ, ổn định hoạt động sản xuất – kinh doanh.

RỦI RO VỀ HÀNG NHÁI

Các sản phẩm bột giặt, chất tẩy rửa có mức tiêu thụ lớn, mẫu mã phổ biến và giá bán cạnh tranh nên tiềm ẩn rủi ro cao bị làm giả, làm nhái. Trên thực tế, dù cơ quan chức năng tăng cường kiểm tra, vẫn có trường hợp đối tượng lợi dụng kẽ hở trong quản lý thị trường và hệ thống phân phối để lưu thông sản phẩm giả mạo thương hiệu của Công ty. Rủi ro này có thể gây thiệt hại về doanh thu, thị phần và đặc biệt ảnh hưởng đến uy tín thương hiệu, tài sản quan trọng của Công ty. Bên cạnh đó, sự phát triển của thương mại điện tử làm rủi ro gia tăng do khó kiểm soát nguồn gốc hàng hóa và người bán, đồng thời khuếch đại tác động tiêu cực nếu thông tin lan truyền nhanh trên môi trường số.

Để giảm thiểu rủi ro, LIXCO chủ động phối hợp với cơ quan chức năng trong phát hiện và xử lý vi phạm, tăng cường quản lý hệ thống phân phối, đẩy mạnh truyền thông hướng dẫn nhận diện hàng chính hãng và khuyến nghị người tiêu dùng mua tại kênh chính thức, qua đó bảo vệ quyền lợi khách hàng và duy trì niềm tin đối với thương hiệu trong dài hạn.

CÁC YẾU TỐ RỦI RO

RỦI RO CẠNH TRANH

THỊ TRƯỜNG NỘI ĐỊA

Ngành hóa mỹ phẩm tại Việt Nam có mức độ cạnh tranh cao, với sự tham gia của nhiều doanh nghiệp nội địa và các tập đoàn đa quốc gia có tiềm lực tài chính mạnh, hệ thống phân phối rộng và năng lực Marketing lớn. Bên cạnh đó, thị trường liên tục xuất hiện sản phẩm mới với đa dạng mẫu mã, mùi hương và mức giá, khiến áp lực giữ vững thị phần và tăng trưởng gia tăng. Nếu doanh nghiệp không theo kịp xu hướng tiêu dùng và nâng cấp năng lực cạnh tranh, rủi ro suy giảm thị phần, biên lợi nhuận và mức độ nhận diện thương hiệu có thể xảy ra. Để khẳng định vị thế và duy trì giá trị thương hiệu Việt, LIXCO tập trung vào: (1) đẩy mạnh R&D và đổi mới danh mục sản phẩm; (2) nâng cao chất lượng, tính an toàn và trải nghiệm người dùng; (3) tăng cường dịch vụ khách hàng và truyền thông thương hiệu nhất quán; (4) củng cố quan hệ với đối tác phân phối, mở rộng độ phủ theo hướng đa kênh.

RỦI RO VỀ BẤT KHẢ KHÁNG

Bên cạnh các rủi ro nội tại, hoạt động của LIXCO còn chịu tác động từ các yếu tố bất khả kháng như thiên tai, dịch bệnh, biến đổi khí hậu, bất ổn địa chính trị và những cú sốc bên ngoài khó dự báo. Các yếu tố này có thể ảnh hưởng đến chuỗi cung ứng nguyên liệu, chi phí logistics, hoạt động sản xuất – phân phối cũng như tình hình tiêu thụ sản phẩm trên thị trường.

Trong bối cảnh kinh tế toàn cầu còn nhiều bất định, rủi ro địa chính trị tiếp tục gia tăng và thương mại quốc tế có xu hướng tăng trưởng chậm lại. Theo World Bank, căng thẳng thương mại kéo dài và các xung đột khu vực có thể làm suy giảm đà tăng trưởng kinh tế và gián đoạn dòng chảy thương mại toàn cầu, qua đó tác động gián tiếp đến các doanh nghiệp sản xuất tại Việt Nam khi chi phí đầu vào và hoạt động xuất nhập khẩu biến động khó lường. Trước các yếu tố rủi ro nêu trên, Công ty chủ động xây dựng các kịch bản ứng phó, tăng cường công tác điều phối nội bộ và chuẩn bị các phương án dự phòng nhằm hạn chế tác động tiêu cực đến chi phí, tiến độ sản xuất và sự ổn định trong hoạt động kinh doanh.

THỊ TRƯỜNG XUẤT KHẨU

Trong bối cảnh hội nhập sâu rộng, cạnh tranh trên thị trường quốc tế ngày càng gay gắt do sự tham gia của nhiều doanh nghiệp từ các quốc gia trong khu vực và các thương hiệu toàn cầu. LIXCO có thể đối mặt với áp lực về giá, tiêu chuẩn chất lượng, yêu cầu tuân thủ và chi phí tiếp cận thị trường, từ đó ảnh hưởng đến khả năng mở rộng doanh số và duy trì thị phần tại các thị trường xuất khẩu. LIXCO duy trì lợi thế cạnh tranh thông qua: (1) phát triển sản phẩm đáp ứng tiêu chuẩn thị trường và yêu cầu đối tác; (2) phát huy năng lực sản xuất, kiểm soát chất lượng và tính linh hoạt trong đơn hàng; (3) tối ưu chi phí để giữ mức giá cạnh tranh; và (4) củng cố vị thế tại các thị trường đã có hiện diện, đặc biệt các thị trường có yêu cầu cao như Nhật Bản, Đài Loan và Hàn Quốc, qua đó giảm bớt tác động từ áp lực cạnh tranh trong và ngoài nước.

RỦI RO NGUYÊN VẬT LIỆU

Hoạt động sản xuất của LIXCO phụ thuộc đáng kể vào nguồn nguyên vật liệu nhập khẩu từ nước ngoài, trong đó LAS (Linear Alkylbenzene Sulfonate) là nguyên liệu đầu vào chủ yếu, chiếm tỷ trọng 85.5% trong cơ cấu chi phí sản xuất. LAS là chất hoạt động bề mặt có nguồn gốc từ dầu mỏ, do đó biến động của giá dầu thô trên thị trường thế giới có tác động trực tiếp đến giá nguyên vật liệu đầu vào và hiệu quả sản xuất kinh doanh của Công ty.

Trong năm 2025, thị trường dầu mỏ toàn cầu ghi nhận xu hướng giảm giá trong bối cảnh nguồn cung gia tăng và nhu cầu tăng trưởng chậm lại. Theo các tổ chức kinh tế quốc tế, giá dầu Brent đã giảm đáng kể so với giai đoạn trước do nguồn cung mạnh từ các quốc gia ngoài OPEC+ cùng với việc điều chỉnh chính sách sản lượng của khối này. Diễn biến này phần nào giúp giảm áp lực chi phí nguyên vật liệu trong ngắn hạn, tuy nhiên giá dầu và các nguyên liệu hóa chất cơ bản vẫn tiềm ẩn biến động khó lường do ảnh hưởng của yếu tố địa chính trị, thương mại toàn cầu và chu kỳ cung – cầu năng lượng.

Trước biến động của thị trường dầu mỏ và giá nguyên vật liệu, LIXCO chủ động triển khai các biện pháp quản trị rủi ro nhằm hạn chế tác động đến hoạt động sản xuất kinh doanh. Công ty thường xuyên theo dõi diễn biến giá dầu và các nguyên vật liệu chính như LAS, hạt nhựa, Soude, Sulphate, Soda; đồng thời đa dạng hóa và đánh giá hệ thống nhà cung cấp để đảm bảo nguồn cung ổn định với chi phí hợp lý. Bên cạnh đó, LIXCO xây dựng các kịch bản thị trường và kế hoạch mua, nhập khẩu, dự trữ nguyên vật liệu phù hợp theo từng giai đoạn, qua đó kiểm soát chi phí đầu vào và giảm thiểu rủi ro từ biến động giá.

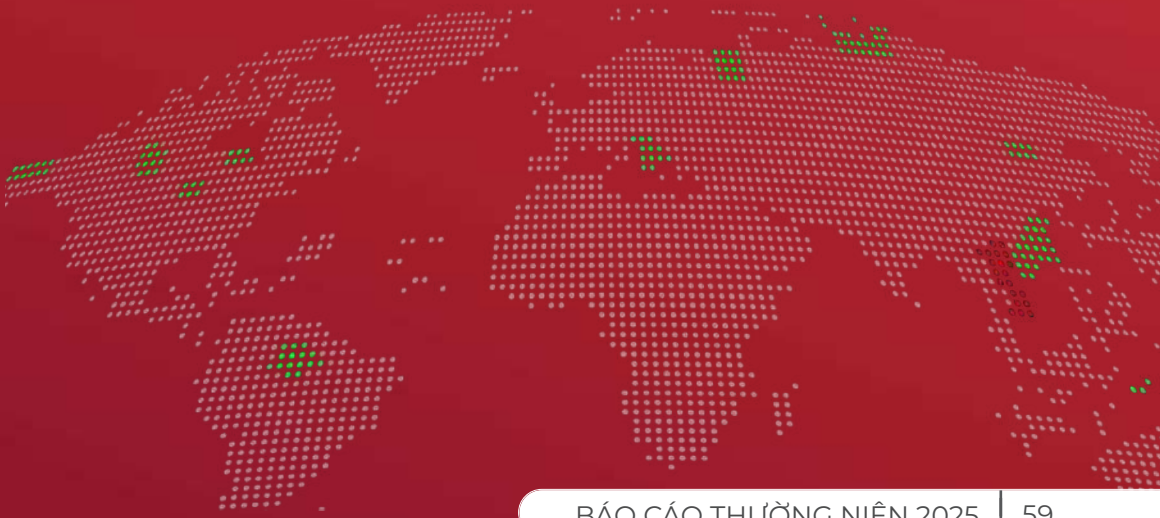




02

TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM

Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2025	60
Tổ chức và nhân sự	66
Tình hình đầu tư	78
Tình hình tài chính	79
Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu	86
Báo cáo tác động liên quan đến môi trường và xã hội của Công ty	88



TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM

KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH TRONG NĂM 2025

ĐVT: Triệu đồng

CHỈ TIÊU	Năm 2025	Năm 2024	% (+/-) năm 2025 so với năm 2024
Doanh thu thuần	3.066.107	2.876.943	6,58%
Lợi nhuận thuần từ HĐKD	252.265	256.028	-1,47%
Lợi nhuận khác	562	525	7,01%
Lợi nhuận trước thuế	252.827	256.554	-1,45%
Lợi nhuận sau thuế	199.810	201.514	-0,85%
Lãi cơ bản trên 1 cổ phiếu (đồng)	2.767	2.793	-0,92%
Tỷ lệ lợi nhuận trả cổ tức (%) (*)	48,65%	48,23% (*)	0,41%

(*) Tỷ lệ được tính dựa trên mức cổ tức năm 2025 dự kiến trình Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026 thông qua (Tỷ lệ chi trả cổ tức dự kiến năm 2025 là 15%).

Năm 2025, LIXCO ghi nhận doanh thu thuần đạt 3.066,11 tỷ đồng, tăng 6,58% so với năm 2024.

Kết quả này phản ánh hiệu quả của cơ cấu sản phẩm tiếp tục tập trung vào nhóm hóa chất tẩy rửa, chiếm khoảng 94,56% doanh thu thuần, với các dòng sản phẩm chủ lực như bột giặt, nước giặt, nước xả vải, nước rửa chén, nước lau sàn, nước lau kính... duy trì mức tiêu thụ ổn định trên thị trường nội địa và đóng vai trò nền tảng trong hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty. Trên cơ sở đó, nhóm sản phẩm chăm sóc cá nhân mang nhãn hàng Bondy Care tiếp tục ghi nhận kết quả khả quan về tiêu thụ nhờ định vị sản phẩm trẻ trung, phù hợp với xu hướng tiêu dùng hiện đại. Bên cạnh các dòng sản phẩm hiện hữu, những sản phẩm mới ra mắt trong năm như viên giặt tiện lợi,

xịt thơm phòng, xịt đuổi côn trùng, cùng các dòng sản phẩm được cải tiến về hương thơm cũng ghi nhận sức tiêu thụ tích cực trên thị trường, qua đó góp phần gia tăng doanh thu và thể hiện sự chủ động của LIXCO trong việc nắm bắt thị hiếu tiêu dùng trong nước. Cùng với hiệu quả tiêu thụ sản phẩm, các hoạt động truyền thông và mở rộng kênh bán hàng được đẩy mạnh trong năm 2025 đã góp phần hỗ trợ tăng trưởng doanh thu. Công ty tăng cường triển khai truyền thông trên các kênh bán hàng hiện đại, thương mại điện tử và các chương trình Marketing khác nhằm nâng cao khả năng tiếp cận người tiêu dùng đối với các dòng sản phẩm chủ lực và sản phẩm mới, qua đó đóng góp tích cực vào kết quả doanh thu chung của Công ty.

Kết thúc năm 2025, lợi nhuận sau thuế của LIXCO đạt 199,81 tỷ đồng, giảm 0,85% so với năm 2024, trong bối cảnh chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp tăng nhằm phục vụ chiến lược mở rộng thị trường, phát triển sản phẩm và gia tăng hiện diện thương hiệu. Dù lợi nhuận sau thuế giảm nhẹ, kết quả này cho thấy Công ty vẫn duy trì khả năng sinh lời ổn định, bảo đảm cân đối giữa mục tiêu tăng trưởng và đầu tư cho phát triển dài hạn, tạo nền tảng quan trọng để LIXCO tiếp tục củng cố vị thế trên thị trường.



Đây là kết quả kinh doanh đáng ghi nhận của LIXCO trong bối cảnh Công ty phải đối mặt với nhiều thách thức trong năm 2025, cụ thể:

- Bất ổn địa chính trị và kinh tế toàn cầu tiếp tục kéo dài, bao gồm xung đột Nga – Ukraine, căng thẳng tại Trung Đông và cạnh tranh thương mại Mỹ – Trung, đã gây áp lực lên chuỗi cung ứng toàn cầu, làm gia tăng biến động giá năng lượng, nguyên vật liệu và chi phí logistics, đặc biệt đối với ngành hóa chất và hàng tiêu dùng nhanh.
- Diễn biến tỷ giá USD/VND phức tạp trong năm 2025, với đồng USD duy trì ở mức cao trong nhiều thời điểm, đã làm tăng chi phí nhập khẩu nguyên vật liệu đầu vào, qua đó ảnh hưởng đến giá vốn sản xuất và đặt ra yêu cầu cao hơn trong việc cân đối dòng tiền và xây dựng kế hoạch sản xuất – kinh doanh.
- Cạnh tranh trên thị trường nội địa ngày càng gay gắt, khi nhiều thương hiệu trong và ngoài nước gia tăng hiện diện, buộc Công ty phải triển khai các chương trình khuyến mãi, chiết khấu thương mại và đầu tư trưng bày tại điểm bán nhằm duy trì sức cạnh tranh, từ đó làm gia tăng chi phí bán hàng.
- Xu hướng tiêu dùng thay đổi nhanh và yêu cầu ngày càng cao về chất lượng, giá cả và tiêu chuẩn môi trường đòi hỏi LIXCO phải liên tục đầu tư cho đổi mới sản phẩm và cải tiến quy trình sản xuất, tạo áp lực nhất định lên chi phí trong ngắn hạn.

TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM

CƠ CẤU DOANH THU

ĐVT: Tỷ đồng

CHỈ TIÊU	Năm 2025		Năm 2024		% (+/-) năm 2025 so với năm 2024
	Giá trị	Tỷ trọng	Giá trị	Tỷ trọng	
Doanh thu theo lĩnh vực	3.066	100,00%	2.877	100,00%	6,57%
LIX	2.761	90,05%	2.594	90,16%	6,44%
Doanh thu Gia công	138	4,50%	149	5,18%	-7,38%
Doanh thu khác (Bán vật tư, phế liệu, vận chuyển,...)	167	5,45%	134	4,66%	24,63%
Doanh thu LIX theo kênh phân phối	2.761	100,00%	2.594	100,00%	6,44%
Kênh xuất khẩu	563	20,39%	409	15,77%	37,65%
Kênh truyền thống	1.073	38,86%	1.040	40,09%	3,17%
Kênh hiện đại (Siêu thị, Horeca, Online)	1.125	40,75%	1.145	44,14%	-1,75%

CƠ CẤU DOANH THU THEO LĨNH VỰC

Năm 2025, tổng doanh thu của LIXCO đạt 3.066 tỷ đồng, tăng 6,57% so với năm 2024. Cơ cấu doanh thu theo từng lĩnh vực cụ thể như sau:

Doanh thu từ sản phẩm mang thương hiệu LIX đạt 2.761 tỷ đồng, chiếm 90,05% tổng doanh thu, tăng 6,44% so với năm 2024. Trong năm, Công ty tiếp tục đẩy mạnh phát triển và mở rộng hệ thống phân phối các sản phẩm mang thương hiệu riêng như LIX, ON1, Iron & Stone và Bondy Care. Đây vẫn là mảng đóng góp chủ lực vào doanh thu của Công ty, phản ánh sự tăng trưởng ổn định trong hoạt động kinh doanh cốt lõi.

Doanh thu từ hoạt động gia công đạt 138 tỷ đồng, chiếm 4,50% tổng doanh thu, giảm 7,38% so với năm trước. Nguyên nhân chủ yếu do biến động nhu cầu gia công từ các đối tác và Công ty chủ động điều chỉnh chiến lược, tập trung nguồn lực cho các sản phẩm mang thương hiệu LIX.

Doanh thu từ các hoạt động khác (bán vật tư, phế liệu, vận chuyển,...) đạt 167 tỷ đồng, chiếm 5,45% tổng doanh thu, tăng 24,63% so với năm 2024. Nguyên nhân giảm chủ yếu là do việc tối ưu hóa chuỗi cung ứng và công tác quản lý hàng tồn kho được diễn ra chặt chẽ hơn. Nhìn chung, doanh thu từ sản phẩm mang thương hiệu LIX tiếp tục duy trì đà tăng trưởng ổn định, trong khi các mảng doanh thu phụ trợ có sự dịch chuyển phù hợp với định hướng chiến lược của Công ty. Điều này cho thấy LIXCO đang tập trung nguồn lực vào việc củng cố hoạt động kinh doanh cốt lõi, nâng cao hiệu quả và chất lượng tăng trưởng, tạo nền tảng vững chắc cho các giai đoạn phát triển tiếp theo.

CƠ CẤU DOANH THU THEO KÊNH PHÂN PHỐI

Trong năm 2025, doanh thu từ các sản phẩm mang thương hiệu LIX của LIXCO đạt 2.761 tỷ đồng, tăng 6,44% so với năm 2024. Cơ cấu doanh thu theo kênh phân phối cụ thể như sau:

- Kênh hiện đại (siêu thị, HORECA, online) đạt 1.125 tỷ đồng, chiếm 40,75% trong cơ cấu doanh thu, giảm 1,75% so với năm trước. Nguyên nhân chủ yếu do sự cạnh tranh gia tăng trên các kênh bán lẻ hiện đại và việc Công ty điều chỉnh chiến lược phân bổ nguồn lực bán hàng.
 - Kênh truyền thống đạt 1.073 tỷ đồng, chiếm 38,86% tổng doanh thu, tăng 3,17% so với năm 2024. Kết quả này cho thấy kênh truyền thống vẫn duy trì vai trò ổn định trong hệ thống phân phối của Công ty.
- Kênh xuất khẩu đạt 563 tỷ đồng, chiếm 20,39% trong cơ cấu doanh thu, tăng 37,65% so với năm 2024. Mức tăng trưởng này cho thấy hoạt động xuất khẩu tiếp tục được mở rộng và đóng góp ngày càng lớn vào doanh thu của LIXCO.



DOANH THU SẢN PHẨM LIX

2.761 Tỷ đồng

▲ 6.44% Tăng trong năm 2025

KÊNH HIỆN ĐẠI

1.125 Tỷ đồng

▼ 1.75% Giảm trong năm 2025

KÊNH XUẤT KHẨU

563 Tỷ đồng

▲ 37.65% Tăng trong năm 2025

TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM

TÌNH HÌNH THỰC HIỆN CHỈ TIÊU KẾ HOẠCH ĐỀ RA

DVT: Triệu đồng

CHỈ TIÊU	Kế hoạch năm 2025	Thực hiện năm 2025	% thực hiện so với kế hoạch
Doanh thu thuần	3.056.000	3.066.107	100,33%
Lợi nhuận trước thuế	242.000	252.827	104,47%

Dưới sự nỗ lực của toàn thể CB-CNV và chỉ đạo từ Ban lãnh đạo Công ty, hoạt động kinh doanh năm 2025 để lại kết quả khả quan, cụ thể:

DOANH THU THUẦN

3.066 tỷ đồng,
hoàn thành 100,33%
so với kế hoạch

Năm 2025, doanh thu thuần của LIXCO đạt 3.066 tỷ đồng hoàn thành 100,33% chỉ tiêu đề ra; lợi nhuận trước thuế đạt 252,83 tỷ đồng hoàn thành 104,47% kế hoạch đã được ĐHĐCĐ thông qua. Kết quả này đạt được trong bối cảnh hoạt động xuất khẩu tiếp tục chịu ảnh hưởng từ tăng trưởng kinh tế toàn cầu chậm lại, xung đột địa chính trị kéo dài và các biện pháp thuế quan đối ứng của Hoa Kỳ trong giai đoạn đầu năm 2025, cho thấy vai trò ngày càng rõ nét của thị trường nội địa trong cơ cấu doanh thu của Công ty. Nhu cầu tiêu dùng trong nước duy trì xu hướng tăng đã giúp LIXCO cải thiện sản lượng tiêu thụ, đồng thời việc đẩy mạnh kênh xuất khẩu đã nâng cao hiệu quả tiếp cận khách hàng và hỗ trợ tích cực cho hoạt động phân phối. Bên cạnh đó, Công ty tiếp tục ra mắt và phát triển các dòng

LỢI NHUẬN TRƯỚC THUẾ

253 tỷ đồng,
hoàn thành 104,47%
so với kế hoạch

sản phẩm mới nhằm củng cố thương hiệu chăm sóc gia đình LIX và mở rộng hiện diện của nhóm sản phẩm chăm sóc cá nhân Bondy Care, phù hợp với xu hướng tiêu dùng, qua đó góp phần cải thiện hiệu quả kinh doanh và giúp doanh thu, lợi nhuận thực hiện vượt mức kế hoạch đề ra trong năm.



Trong năm 2025, chi phí nguyên vật liệu đầu vào của LIXCO nhìn chung được kiểm soát tương đối ổn định trong bối cảnh thị trường năng lượng thế giới có nhiều biến động. Công ty tiếp tục chủ động theo dõi diễn biến giá các nguyên vật liệu chính và xây dựng kế hoạch mua hàng phù hợp theo từng thời điểm, đồng thời đa dạng hóa nguồn cung nhằm đảm bảo nguồn nguyên liệu ổn định cho sản xuất, qua đó hạn chế tác động bất lợi đến giá vốn hàng bán. Bên cạnh đó, LIXCO gia tăng chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp nhằm phục vụ chiến lược mở rộng danh mục sản phẩm và tăng cường hiện diện thương hiệu. Công ty đẩy mạnh đầu tư cho các hoạt động truyền thông, phát triển kênh bán hàng hiện đại và thương mại điện tử, cũng như chi phí trưng bày và phân phối

sản phẩm tại điểm bán. Việc triển khai đồng thời nhiều dòng sản phẩm mới trong cả lĩnh vực chăm sóc gia dụng và chăm sóc cá nhân làm gia tăng chi phí vận hành trong năm. Tuy nhiên, các khoản chi phí này được kiểm soát phù hợp với định hướng phát triển, góp phần đảm bảo kết quả lợi nhuận trước thuế của Công ty vượt kế hoạch mà ĐHĐCĐ đề ra năm 2025.

TỔ CHỨC VÀ NHÂN SỰ

DANH SÁCH BAN LÃNH ĐẠO CÔNG TY

THÀNH VIÊN	CHỨC VỤ	Số lượng, tỷ lệ cổ phần sở hữu (Cổ phiếu, %)			
		Cá nhân sở hữu	Tỷ lệ	Đại diện sở hữu	Tỷ lệ
Hội đồng quản trị					
Phạm Quốc Đại	Chủ tịch HĐQT	0	0%	13.608.000	21%
Cao Thành Tín	Thành viên HĐQT	0	0%	9.720.000	15%
Bùi Công Thản	Thành viên HĐQT	0	0%	9.720.000	15%
Lê Đình Vỹ	Thành viên HĐQT	0	0%	0	0%
Thiều Thị Hồng Minh	Thành viên HĐQT	10.000	0,015%	0	0%
Ban Kiểm soát					
Trương Thị Trâm	Trưởng BKS	0	0%	0	0%
Nguyễn Thị Thúy Vân	Thành viên BKS	7.200	0,011%	0	0%
Phạm Thị Huyền	Thành viên BKS	0	0%	0	0%
Ban Điều hành					
Cao Thành Tín	Tổng Giám đốc	0	0%	9.720.000	15%
Bùi Công Thản	Phó Tổng giám đốc	0	0%	9.720.000	15%
Lê Đình Vỹ	Phó Tổng giám đốc	0	0%	0	0%
Phạm Thị Kim Hồng	Kế toán trưởng	4.880	0,0075%	0	0%



GIẶT XẢ 2 TRONG 1
Áo Quần Trơn Sạch Thơm



DANH SÁCH BAN LÃNH ĐẠO CÔNG TY



Ông PHẠM QUỐC ĐẠI

Chủ tịch HĐQT

- Năm sinh: 1986
- Số lượng cổ phiếu nắm giữ:
Cá nhân: 0 CP, chiếm 0% VDL
Đại diện: 13.608.000 CP, chiếm 21% VDL
- Trình độ chuyên môn:
Kỹ sư Xây dựng năm 2010, chuyên ngành Kinh tế và Quản lý đô thị.

Quá trình công tác

- 03/2010 – 07/2014: Chuyên viên tại phòng Đầu tư – CTCP Xây dựng số 1 (Vinaconex1).
- 07/2014 – 10/2016: Chuyên viên Văn phòng, Thư ký Tổng Giám đốc tại Tập đoàn Hóa chất Việt Nam.
- 10/2016 – 07/2021: Phó Chánh Văn phòng, Thư ký Tổng Giám đốc tại Tập đoàn Hóa chất Việt Nam.
- 07/2021 – 03/2023: Phó Trưởng Ban, phụ trách Ban Tổ chức Nhân sự Tập đoàn Hóa chất Việt Nam.
- 03/2023 – đến nay: Trưởng Ban, phụ trách Ban Tổ chức Nhân sự Tập đoàn Hóa chất Việt Nam.
- 04/2018 – 04/2021: Người đại diện phần vốn của Tập đoàn tại CTCP Hời kỳ nghệ Que hàn, Chủ tịch HĐQT Công ty.
- 04/2021 đến nay: Người đại diện phần vốn của Tập đoàn tại CTCP Bột giặt LIX, Chủ tịch HĐQT Công ty.

Ông CAO THÀNH TÍN

Thành viên HĐQT kiêm TGD

- Năm sinh: 1980
- Số lượng cổ phiếu nắm giữ
Cá nhân: 0 CP, chiếm 0% VDL
Đại diện: 9.720.000 CP, chiếm 15%/VDL
- Trình độ chuyên môn:
Kỹ sư chuyên ngành Hóa Polymer Trường Đại học Bách khoa TP.HCM năm 2003.
Thạc sĩ chuyên ngành Quản trị kinh doanh Columbia Southern University năm 2013.

Quá trình công tác

- 03/2003 – 04/2003: Nhân viên phòng Kỹ thuật & KCS Công ty Cổ phần (CTCP) Bột giặt LIX.
- 05/2003 – 06/2009: Nhân viên phòng Vật tư CTCP Bột giặt LIX.
- 07/2009 – 01/2010: Trợ lý Trưởng phòng Tiêu thụ CTCP Bột giặt LIX.
- 02/2010 – 01/2011: Phó phòng Tiêu thụ CTCP Bột giặt LIX.
- 02/2011 – 12/2014: Trưởng phòng Tiêu thụ CTCP Bột giặt LIX.
- 12/2014 – 07/2015: Giám Đốc Kinh doanh CTCP Bột giặt LIX.
- 08/2015 – 07/2016: Phó Tổng Giám Đốc CTCP Bột giặt LIX.
- 04/2016 – nay: Thành viên HĐQT CTCP Bột giặt LIX.
- 08/2016 – nay: Thành viên HĐQT kiêm Tổng Giám đốc CTCP Bột giặt LIX.

Ông BÙI CÔNG THẦN

Thành viên HĐQT kiêm Phó TGD

- Năm sinh: 1976
- Số lượng cổ phiếu nắm giữ:
Cá nhân: 0 CP, chiếm 0% VDL
Đại diện: 9.720.000 CP, 15%/VDL
- Trình độ chuyên môn:
Cử nhân khoa học, chuyên ngành Hóa Đại học Khoa học tự nhiên năm 1999.
Cử nhân quản lý công nghiệp, ĐH Bách Khoa TP.HCM năm 2004.
Thạc sĩ Quản trị kinh doanh, ĐH Lạc Hồng năm 2025.

Quá trình công tác

- 09/1999 – 04/2002: Nhân viên phòng Kỹ thuật KCS Công ty Bột giặt LIX.
- 05/2002 – 05/2007: Tổ trưởng Kỹ thuật CTCP Bột giặt LIX.
- 06/2008 – 08/2009: Phó phòng Kỹ thuật KCS CTCP Bột giặt LIX.
- 08/2009 – 04/2011: Trưởng Phòng Kỹ thuật KCS CTCP Bột giặt LIX.
- 04/2011 – 12/2014: Thành viên HĐQT kiêm Trưởng phòng Phòng Kỹ thuật KCS CTCP Bột giặt LIX.
- 12/2014 – 07/2015: Thành viên HĐQT kiêm Giám đốc sản xuất CTCP Bột giặt LIX.
- 08/2015 – nay: Thành viên HĐQT kiêm Phó TGD CTCP Bột giặt LIX.

Số CP nắm giữ của những người có liên quan: Bà Trần Phạm Thúy Vy (Vợ): 73.248 cổ phiếu, chiếm 0,113% VDL.

Ông LÊ ĐÌNH VỸ

Thành viên HĐQT kiêm Phó TGD

- Năm sinh: 1977
- Số lượng cổ phiếu nắm giữ cá nhân: 0 CP, chiếm 0% VDL
- Trình độ chuyên môn:
Thạc sĩ kinh tế, chuyên ngành tài chính doanh nghiệp, Trường ĐH Kinh tế TP.HCM năm 2010.
Cử nhân Luật, chuyên ngành Luật Kinh tế, Trường ĐH Kinh tế TP.HCM năm 2016.
Cử nhân kinh tế, chuyên ngành kế toán kiểm toán, Trường ĐH Kinh tế TP.HCM năm 2002.
Chứng chỉ Kiểm toán viên Việt Nam.

Quá trình công tác

- 06/2010 – 02/2011: Trợ lý Tổng giám đốc CTCP Bột giặt LIX.
- 02/2011 – 06/2017: Trưởng phòng Kiểm toán nội bộ kiêm Trưởng phòng Hành chánh Nhân sự CTCP Bột giặt.
- 04/2012 – 04/2016: Trưởng Ban Kiểm soát CTCP Bột giặt LIX.
- 06/2017 – 06/2018: Trưởng phòng Kiểm toán nội bộ kiêm Giám đốc Nhân sự CTCP Bột giặt LIX.
- 06/2018 – nay: Phó Tổng giám đốc CTCP Bột giặt LIX.
- 04/2022 – nay: Thành viên HĐQT kiêm Phó TGD CTCP Bột giặt LIX.
- 07/2023 – nay: Thành viên HĐQT kiêm Phó TGD, Người Phụ trách Quản trị Công ty, Người được Ủy quyền CBTT CTCP Bột giặt LIX.

Bà THIỀU THỊ HỒNG MINH

Thành viên HĐQT

- Năm sinh: 1977
- Số lượng cổ phiếu nắm giữ cá nhân: 10.000 chiếm 0,015% VDL
- Trình độ chuyên môn:
Cử nhân kinh tế ngành Quản trị kinh doanh - Ngoại thương, Trường ĐH Kinh tế TP.HCM năm 2000.
Cử nhân khoa học ngành Ngữ văn Anh, Trường ĐH Khoa học xã hội và Nhân văn TP.HCM năm 2001.
Chứng chỉ Giám đốc điều hành, Trường ĐH Kinh tế TP.HCM năm 2011.

Quá trình công tác

- 05/2000 – 09/2002: Nhân viên tại Công ty Đầu tư Xuất nhập khẩu Cà phê Tây Nguyên.
- 11/2002 – nay: Trưởng phòng kinh doanh tại Công ty Toyota Tsusho Việt Nam.
- 4/2025 – nay: Thành viên HĐQT CTCP Bột Giặt LIX.

DANH SÁCH BAN LÃNH ĐẠO CÔNG TY



Bà TRƯƠNG THỊ TRÂM

Trưởng Ban kiểm soát

- Năm sinh: 1984
- Số lượng cổ phiếu nắm giữ cá nhân: 0 CP, chiếm 0% VDL
- Trình độ chuyên môn: Cử nhân kinh tế, chuyên ngành Kế toán Kiểm toán Đại học Kinh tế Tp.HCM. Cử nhân Luật, chuyên ngành Luật kinh doanh. Chứng chỉ kế toán viên của Bộ Tài chính.

Quá trình công tác

- 08/2007 – 01/2011: Trợ lý Kiểm toán Công ty Kiểm toán KSI Việt Nam.
- 03/2011 – 04/2016: Nhân viên Kiểm toán nội bộ - CTCP Bột giặt LIX.
- 04/2016 – nay: Trưởng ban kiểm soát - CTCP Bột giặt LIX.



Bà NGUYỄN THỊ THÚY VÂN

Thành viên Ban Kiểm soát

- Năm sinh: 1975
- Số lượng cổ phiếu nắm giữ cá nhân: 7.200 CP, chiếm 0,011% VDL
- Trình độ chuyên môn: Cử nhân kinh tế, chuyên ngành Quản trị kinh doanh.

Quá trình công tác

- 04/1996 – 01/2010: Nhân viên Phòng Tiêu thụ CTCP Bột giặt LIX.
- 02/2010 – 06/2017: Phó Phòng Tiêu thụ CTCP Bột giặt LIX.
- 06/2017 – nay: Trưởng phòng Kho vận CTCP Bột giặt LIX.
- 04/2010 – nay: Thành viên Ban kiểm soát CTCP Bột giặt LIX.



Bà PHẠM THỊ HUYỀN

Thành viên Ban Kiểm soát

- Năm sinh: 1989
- Số lượng cổ phiếu nắm giữ cá nhân: 0 CP, chiếm 0% VDL
- Trình độ chuyên môn: Thạc sỹ Quản lý Kinh tế.

Quá trình công tác

- Năm 2013: Kế toán viên Công ty TNHH Jami Việt Nam
- 2014 – 2015: Kế toán tổng hợp, Phụ trách phòng mua hàng, Trợ lý GD Điều hành Công ty TNHH Jami Việt Nam
- 01/2016 – 12/2017: Phụ trách Kiểm soát nội bộ kiêm Trợ lý GD Điều hành Công ty TNHH Jami Việt Nam
- 07/2016 – 12/2017: Trợ lý Tổng Giám đốc, Phụ trách Phòng kế toán, Chủ nhiệm dự án cung ứng nhân lực Công ty TNHH Jami Việt Nam
- 03/2018 – nay: Chuyên viên Ban Kế hoạch Kinh doanh Tập đoàn Hoá chất Việt Nam
- 04/2018 – 04/2021: Người đại diện phần vốn của Tập đoàn tại CTCP Hơi kỹ nghệ Que hàn, Thành viên HĐQT
- 04/2021 – nay: Thành viên Ban Kiểm soát CTCP Bột giặt LIX



Bà PHẠM THỊ KIM HỒNG

Kế Toán Trưởng

- Năm sinh: 1981
- Số lượng cổ phiếu nắm giữ cá nhân: 4.880 CP chiếm, 0,0075%/VDL
- Trình độ chuyên môn: Cử nhân kinh tế, chuyên ngành Kế toán Đại học Kinh tế TP.HCM năm 2003.

Quá trình công tác

- 03/2003 – 2006: Nhân viên kế toán CTCP Bột giặt LIX.
- 2006 – 2009: Kế toán tổng hợp CTCP Bột giặt LIX.
- 2009 – 2010: Kế toán tổng hợp, Trợ lý Trưởng phòng kế toán CTCP Bột giặt LIX.
- 2010 – 2017: Phó phòng kế toán CTCP Bột giặt LIX.
- 01/2018 – 12/2018: Trưởng phòng kế toán – Phụ trách kế toán CTCP Bột giặt LIX.
- 12/2018 – nay: Kế toán trưởng CTCP Bột giặt LIX.

Số CP nắm giữ của những người có liên quan: Ông Phạm Hữu Hiệp (Em ruột): 1.820 cổ phiếu chiếm 0,003%VDL

NHỮNG THAY ĐỔI BAN ĐIỀU HÀNH TRONG NĂM 2025

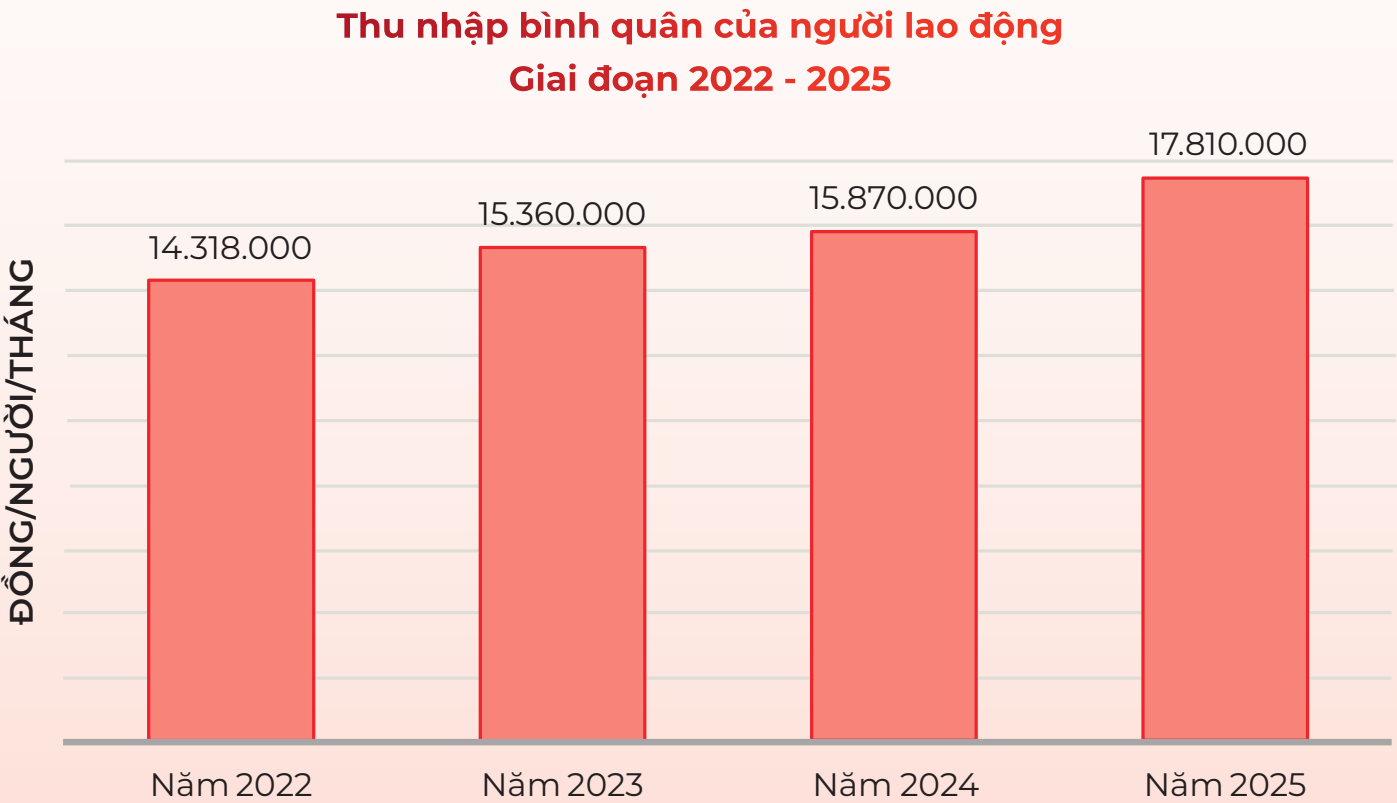
Trong năm 2025, Công ty không có thay đổi nhân sự Ban điều hành.

SỐ LƯỢNG CÁN BỘ NHÂN VIÊN

STT	TIÊU CHÍ	Năm 2024		Năm 2025	
		Số lượng	Tỷ trọng (%)	Số lượng	Tỷ trọng (%)
A	Theo trình độ	1.153	100,00%	1.133	100,00%
1	Trình độ Đại học và trên Đại học	306	26,54%	321	28,33%
2	Trình độ Cao đẳng, trung cấp chuyên ng- hiệp	194	16,83%	196	17,30%
3	Sơ cấp và Công nhân kỹ thuật	26	2,25%	27	2,38%
4	Lao động phổ thông	627	54,38%	589	51,99%
B	Theo tính chất hợp đồng lao động	1.153	100,00%	1.133	100,00%
1	Hợp đồng theo thời vụ (dưới 1 năm)	10	0,87%	37	3,27%
2	Hợp đồng có xác định thời hạn (từ 1 đến 3 năm)	256	22,20%	245	21,62%
3	Hợp đồng không xác định thời hạn	887	76,93%	851	75,11%
C	Theo giới tính	1.153	100,00%	1.133	100,00%
1	Nam	738	64,01%	727	64,17%
2	Nữ	415	35,99%	406	35,83%

THU NHẬP BÌNH QUÂN

CHỈ TIÊU	Năm 2022	Năm 2023	Năm 2024	Năm 2025
Số lao động bình quân (người)	1.100	1.145	1.150	1.114
Thu nhập bình quân (đồng/người/tháng)	14.318.000	15.360.000	15.870.000	17.810.000



TỔ CHỨC VÀ NHÂN SỰ

CHÍNH SÁCH NHÂN SỰ



Với quan điểm con người là giá trị cốt lõi của tổ chức, là tài sản quý giá nhất, đóng vai trò trung tâm vận hành mọi nguồn lực và hoạt động của Công ty. LIXCO luôn nỗ lực xây dựng môi trường làm việc hướng đến sự sáng tạo và truyền cảm hứng, bao hàm bởi nhiều khía cạnh:

MÔI TRƯỜNG LÀM VIỆC

Công ty chú trọng xây dựng môi trường làm việc năng động, an toàn, công bằng và thân thiện, nơi người lao động được ghi nhận là một phần quan trọng trong sự phát triển của LIXCO, đồng thời có điều kiện phát huy tối đa năng lực chuyên môn và khả năng sáng tạo. Thông qua việc hình thành môi trường làm việc hiệu quả, Công ty hướng đến thu hút và giữ chân nguồn nhân lực chất lượng cao, có trình độ chuyên môn và gắn bó lâu dài. Bên cạnh đó, LIXCO từng bước triển khai và áp dụng hệ thống đánh giá hiệu quả công việc dựa trên KPI, nhằm phản ánh đúng mức độ đóng góp của cán bộ công nhân viên, làm cơ sở xây dựng chính sách khen thưởng hợp lý, minh bạch và công bằng, tạo động lực thúc đẩy năng suất và tinh thần làm việc.

Song song với đó, Công ty đẩy mạnh các chương trình đào tạo thường xuyên, giúp người lao động không ngừng nâng cao kỹ năng, hoàn thiện năng lực chuyên môn và mở rộng cơ hội phát triển nghề nghiệp trong dài hạn.



CHÍNH SÁCH TUYỂN DỤNG

Công ty xác định nguồn nhân lực là yếu tố then chốt tạo nên lợi thế cạnh tranh để phát triển bền vững. Theo đó, chính sách tuyển dụng của Công ty tập trung thu hút, lựa chọn và phát triển đội ngũ nhân sự có năng lực, chuyên môn phù hợp với yêu cầu công việc và văn hóa doanh nghiệp. Quy trình tuyển dụng được thực hiện công khai, minh bạch và công bằng, tạo môi trường cạnh tranh lành mạnh giữa các ứng viên. Tùy theo từng vị trí công việc, Công ty xây dựng tiêu chí tuyển dụng phù hợp về trình độ chuyên môn, kiến thức, kỹ năng và kinh nghiệm.

Đối với các vị trí Chuyên viên, Cán bộ quản lý: yêu cầu tuyển dụng được áp dụng chặt chẽ hơn, chú trọng kinh nghiệm thực tiễn, năng lực phân tích, khả năng ra quyết định, tác phong làm việc độc lập và trách nhiệm cá nhân. Bên cạnh việc thu hút đội ngũ lao động có trình độ chuyên môn cao, Công ty đặc biệt quan tâm đến tuyển dụng và ổn định lực lượng công nhân sản xuất, thông qua việc triển khai các chính sách hỗ trợ tiền lương cho lao động mới, cùng nhiều chế độ chăm lo, động viên và khen thưởng kịp thời, góp phần tạo động lực làm việc và gắn bó lâu dài cho người lao động.



VỀ ĐÀO TẠO VÀ PHÁT TRIỂN NGUỒN NHÂN LỰC

Trong năm 2025, công tác đào tạo và phát triển nguồn nhân lực tiếp tục được Công ty triển khai đồng bộ và liên tục, nhằm nâng cao năng lực chuyên môn, kỹ năng quản lý cũng như ý thức tuân thủ quy định cho đội ngũ cán bộ, công nhân viên (CBCNV). Theo đó, Công ty đã tổ chức 62 khóa đào tạo bên ngoài, thu hút 2.084 lượt CBCNV tham gia, trong đó có 06 lớp đào tạo chuyên sâu về kỹ năng quản lý, được thiết kế phù hợp với định hướng phát triển và nhu cầu thực tiễn của Công ty. Hoạt động đào tạo nội bộ tiếp tục được duy trì và phát triển, với tổng thời lượng 680,3 giờ đào tạo, bình quân 57 giờ mỗi tháng, nội dung đào tạo tập trung vào việc cập nhật quy trình, hướng dẫn công việc và nâng cao kỹ năng chuyên môn cho người lao động.

Bên cạnh đó, các nội dung đào tạo chuyên môn, các chương trình đào tạo về an toàn, vệ sinh lao động (ATVSLĐ) và phòng cháy chữa cháy (PCCC) được triển khai nghiêm túc, tuân thủ đầy đủ các quy định pháp luật hiện hành, qua đó góp phần nâng cao nhận thức, kỹ năng cho CBCNV, hướng đến mục tiêu đảm bảo hoạt động sản xuất của Công ty diễn ra an toàn và hiệu quả.



Song song với hoạt động đào tạo, Công ty đã triển khai các dự án nhân sự theo kế hoạch được Ban Lãnh đạo phê duyệt, đảm bảo tiến độ và chất lượng, bao gồm:

- Triển khai 04 đợt huấn luyện trải nghiệm Văn hóa Tận tâm với 530 CBCNV tham gia.
- Tổ chức đánh giá năng lực cho CBNV toàn Công ty.
- Triển khai xây dựng kế hoạch hoạt động hằng năm - AOP 2026.
- Truyền thông văn hóa doanh nghiệp và các hoạt động gắn kết nội bộ.
- Thực hiện công tác thi đua – khen thưởng và công tác cán bộ kịp thời, minh bạch, khách quan và đúng quy định.

TỔ CHỨC VÀ NHÂN SỰ

CHÍNH SÁCH NHÂN SỰ

VỀ NHÂN SỰ

Công ty áp dụng chính sách nhân sự linh hoạt, thực hiện điều động, sắp xếp và bổ nhiệm nhân sự phù hợp nhằm đáp ứng kịp thời nhu cầu sản xuất kinh doanh theo tính chất thời vụ. Công tác đào tạo được chú trọng nhằm nâng cao năng lực, trình độ chuyên môn và tay nghề cho người lao động, qua đó giúp đội ngũ nhân sự chủ động thích ứng với yêu cầu công việc và định hướng phát triển trong giai đoạn tới của Công ty. Chính sách tiền lương cũng được rà soát, điều chỉnh và triển khai theo hướng linh hoạt, phù hợp với diễn biến của thị trường lao động trong ngành, đồng thời phản ánh đúng hiệu quả làm việc và mức độ đóng góp của người lao động.



VỀ LƯƠNG, THƯỞNG, PHÚC LỢI, ĐÃI NGỘ

Công ty thực hiện đầy đủ các chính sách về tiền lương, thưởng và phúc lợi theo đúng cam kết và quy định pháp luật. Chính sách lương, thưởng được xây dựng dựa trên vị trí công việc, năng lực, trình độ chuyên môn và mức độ đóng góp của từng cán bộ – công nhân viên, bảo đảm tính công bằng, minh bạch và khuyến khích hiệu quả lao động. Bên cạnh chế độ tiền lương, Công ty áp dụng các phụ cấp thâm niên, chế độ dành riêng cho lao động nữ và trang bị đầy đủ bảo hộ lao động, góp phần tạo môi trường làm việc an toàn và ổn định.

Ban Lãnh đạo đặc biệt quan tâm đến việc nâng cao đời sống vật chất và tinh thần cho người lao động thông qua các chính sách phúc lợi thiết thực, bao gồm:

- Mua Bảo hiểm chăm sóc sức khỏe toàn diện cho toàn bộ người lao động;
- Tổ chức khám sức khỏe định kỳ hằng năm và tiêm vắc xin cúm mùa;
- Duy trì trạm y tế nội bộ hỗ trợ khám và cấp phát thuốc cho các trường hợp ốm đau thông thường;
- Tổ chức du lịch hằng năm; tổ chức sinh nhật theo tháng; tặng quà vào các dịp lễ, Tết;
- Hỗ trợ chi phí giữ trẻ cho người lao động có con nhỏ dưới 6 tuổi; hỗ trợ sữa cho lao động nữ mang thai;
- Thanh toán tương đương chi phí nghỉ mát đối với lao động nữ đang mang thai hoặc nuôi con nhỏ không tham gia chương trình tập trung;
- Cấp phát tiền trang phục và hỗ trợ chi phí đi lại dịp lễ, Tết;
- Thông qua Công đoàn, triển khai chính sách vay vốn hỗ trợ người lao động gặp khó khăn;
- Tổ chức các câu lạc bộ nội bộ như yoga, thể thao, âm nhạc... nhằm nâng cao đời sống tinh thần.



TÌNH HÌNH ĐẦU TƯ

Trong năm 2025, tổng giá trị đầu tư thực hiện của LIXCO đạt 95,37 tỷ đồng, bao gồm các công trình chuyển tiếp và các dự án đầu tư mới tại Bình Dương, Bắc Ninh và TP. Hồ Chí Minh. Các khoản đầu tư tập trung vào mở rộng năng lực sản xuất, tăng cường tự động hóa, nâng cao chất lượng kiểm soát và đảm bảo an toàn vận hành.

CÔNG TRÌNH CHUYỂN TIẾP

Tại LIX Bình Dương, Công ty đã đầu tư hệ thống robot xếp thùng lên pallet và hệ thống nước nóng năng lượng mặt trời phục vụ sản xuất, giúp tiết kiệm năng lượng và giảm chi phí vận hành, đồng thời nâng cao mức độ tự động hóa.

Tại LIX Bắc Ninh, dự án xưởng sản xuất và kho thành phẩm đã hoàn thành, mở rộng công suất và nâng cao năng lực cung ứng tại khu vực phía Bắc, đồng thời cải thiện hiệu quả trong quản lý và vận hành.

ĐẦU TƯ TRONG NĂM

Tại LIX TP. Hồ Chí Minh, Công ty đã đầu tư hệ thống kiểm tra đo lường Konelab (máy điện phân enzyme), nâng cao năng lực kiểm soát chất lượng sản phẩm, đồng thời đầu tư thêm xe ô tô phục vụ công tác điều hành.

Tại LIX Bình Dương, các hạng mục hệ thống camera kiểm tra tự động, hệ thống máy nén khí trực vít biến tần, hệ thống máy dán nhãn chai tròn, hệ thống máy chiết túi có vôi, cùng các đầu tư khác, giúp tăng năng suất và đáp ứng nhu cầu mở rộng sản phẩm dạng lỏng.

Tại LIX Bắc Ninh, việc đầu tư sàn deck chứa bao bì, cải tạo hệ thống phòng cháy chữa cháy và đầu tư xe nâng dầu đã giúp tăng năng lực lưu trữ, đảm bảo an toàn và tối ưu hoạt động logistics nội bộ.

Các khoản đầu tư trong năm 2025 không chỉ nhằm mở rộng năng lực sản xuất và tối ưu vận hành, mà còn thể hiện định hướng dài hạn của LIXCO trong việc củng cố nền tảng nội lực. Việc tăng cường tự động hóa, nâng cao tiêu chuẩn chất lượng và chú trọng yếu tố an toàn – môi trường là bước đi quan trọng để Công ty tiếp tục khẳng định vị thế trong ngành hàng chăm sóc gia đình và cá nhân. Trên nền tảng đó, LIXCO từng bước lan tỏa giá trị thương hiệu Việt thông qua những sản phẩm đạt chuẩn, ổn định và cạnh tranh hơn trên cả thị trường trong nước và quốc tế.

TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

CÁC CHỈ TIÊU TÀI CHÍNH CHỦ YẾU

CHỈ TIÊU	ĐVT	Năm 2025	Năm 2024
Chỉ tiêu về khả năng thanh toán			
Hệ số thanh toán ngắn hạn (<i>Tài sản ngắn hạn/Nợ ngắn hạn</i>)	Lần	1,96	2,04
Hệ số thanh toán nhanh (<i>Tài sản ngắn hạn - Hàng tồn kho</i>)/ <i>Nợ ngắn hạn</i>)	Lần	1,36	1,52
Chỉ tiêu về cơ cấu vốn			
Hệ số Nợ/Tổng tài sản	%	35,63	32,90
Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu	%	55,35	49,04
Chỉ tiêu về năng lực hoạt động			
Vòng quay hàng tồn kho (<i>Giá vốn hàng bán/Hàng tồn kho bình quân</i>)	Vòng	8,35	9,58
Vòng quay khoản phải thu (<i>Doanh thu thuần/Khoản phải thu bình quân</i>)	Vòng	13,05	13,56
Vòng quay tổng tài sản (<i>Doanh thu thuần/Tổng tài sản bình quân</i>)	Vòng	2,04	2,13
Số ngày phải thu	Ngày	27,97	26,92
Số ngày tồn kho	Ngày	43,69	38,10
Chỉ tiêu về khả năng sinh lời			
Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	%	6,52	7,00
Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu bình quân	%	20,23	22,15
Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản bình quân	%	13,28	14,91
Hệ số Lợi nhuận từ hoạt động SXKD/Doanh thu thuần	%	8,23	8,90

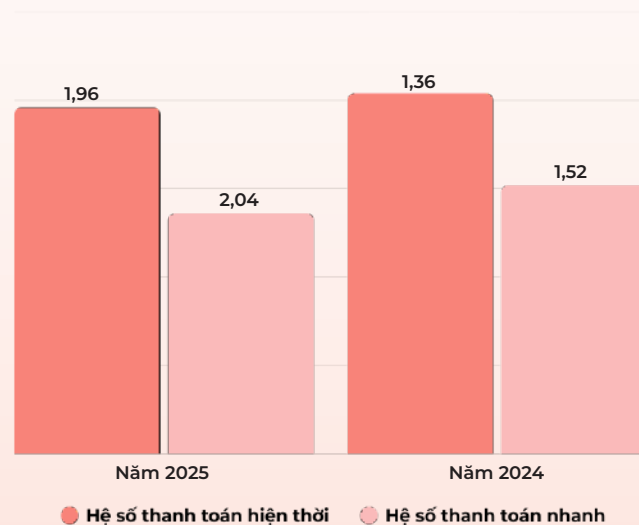
CHỈ TIÊU VỀ KHẢ NĂNG THANH TOÁN

Năm 2025, các chỉ tiêu về khả năng thanh toán của LIXCO có xu hướng giảm nhẹ so với năm 2024, phản ánh sự gia tăng nhu cầu vốn lưu động trong bối cảnh Công ty mở rộng danh mục sản phẩm và đẩy mạnh hoạt động sản xuất – kinh doanh, tuy nhiên nền tảng thanh khoản nhìn chung vẫn được duy trì ở mức ổn định. Cụ thể, hệ số thanh toán ngắn hạn đạt 1,96 lần, tương ứng giảm khoảng 3,9% so với mức 2,04 lần của năm 2024; hệ số thanh toán nhanh đạt 1,36 lần, giảm khoảng 10,5% so với mức 1,52 lần của năm trước. Mặc dù các chỉ tiêu này giảm so với năm 2024, việc duy trì các hệ số trên 1 lần cho thấy Công ty vẫn có đủ năng lực tài chính để đáp ứng các nghĩa vụ nợ ngắn hạn, ngay cả trong giai đoạn gia tăng đầu tư cho hoạt động kinh doanh.

Nguyên nhân chủ yếu của sự sụt giảm nhẹ các hệ số thanh toán đến từ việc nợ ngắn hạn tăng nhanh hơn tài sản ngắn hạn trong năm 2025. Tài sản ngắn hạn của Công ty tăng từ 918,55 tỷ đồng lên 1.113 tỷ đồng, tương ứng tăng khoảng 21,2%, chủ yếu nhờ Công ty gia tăng tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn nhằm đảm bảo khả năng thanh toán đúng hạn cho các nhà cung cấp và các bên liên quan, đồng thời đáp ứng nhu cầu vốn lưu động cho hoạt động sản xuất kinh doanh. Tuy nhiên, nợ ngắn hạn tăng mạnh hơn, từ 451,10 tỷ đồng lên 566,73 tỷ đồng, tương ứng tăng khoảng 25,6%, phản ánh việc Công ty chủ động mở rộng quy mô thu mua nguyên vật liệu và gia tăng nguồn cung đầu vào để phục vụ danh mục sản phẩm ngày càng đa dạng.

Bên cạnh đó, hàng tồn kho tăng chủ yếu là do việc bổ sung nguyên vật liệu để phục vụ sản xuất làm gia tăng tỷ trọng tài sản trong cơ cấu tài sản ngắn hạn. Nhìn chung, các chỉ tiêu về khả năng thanh toán cho thấy LIXCO vẫn duy trì được dòng tiền ổn định và kiểm soát tốt nghĩa vụ nợ, dù chịu áp lực nhất định từ chiến lược mở rộng hoạt động trong năm 2025.

KHẢ NĂNG THANH TOÁN



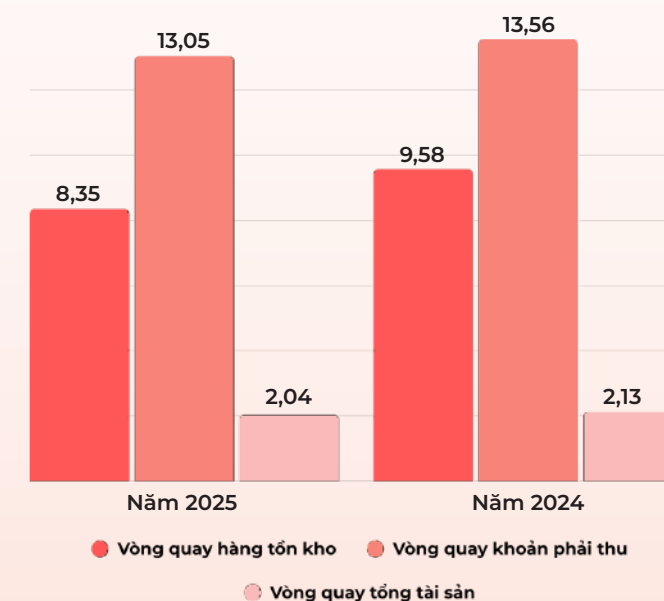
CHỈ TIÊU VỀ NĂNG LỰC HOẠT ĐỘNG

Vòng quay hàng tồn kho năm 2025 đạt 8,35 vòng, giảm 12,8% so với mức 9,58 vòng của năm 2024, trong khi số ngày tồn kho bình quân tăng từ 38,10 ngày lên 43,69 ngày, tương ứng tăng 14,7%. Diễn biến này phản ánh sự thay đổi trong chiến lược mở rộng danh mục sản phẩm, đặc biệt là các dòng sản phẩm mới phục vụ chiến lược phát triển nhãn hàng, dẫn đến yêu cầu gia tăng công tác quản lý tồn kho. Mặc dù tốc độ luân chuyển hàng tồn kho chậm hơn so với năm trước, các chỉ tiêu vòng quay và số ngày tồn kho của LIXCO vẫn duy trì ở mức hợp lý, cao hơn mặt bằng trung bình ngành, thể hiện năng lực kiểm soát hàng tồn kho của Công ty hiệu quả.

Vòng quay khoản phải thu trong năm 2025 đạt 13,05 vòng, tương ứng giảm khoảng 3,8% so với mức 13,56 vòng của năm 2024. Theo đó, số ngày khoản phải thu bình quân tăng từ 26,92 ngày lên 27,97 ngày, tương ứng tăng 3,9%. Sự biến động này chủ yếu xuất phát từ việc Công ty tiếp tục mở rộng hệ thống phân phối, gia tăng hợp tác với các kênh bán lẻ hiện đại và đối tác phân phối mới, đồng thời áp dụng chính sách bán hàng linh hoạt nhằm hỗ trợ tiêu thụ sản phẩm. Việc gia tăng thời gian thu hồi công nợ vẫn nằm trong tầm kiểm soát, phù hợp với định hướng mở rộng thị trường và không gây áp lực đáng kể lên dòng tiền của Công ty.

Vòng quay tổng tài sản năm 2025 đạt 2,04 vòng, tương ứng giảm khoảng 4,2% so với mức 2,13 vòng của năm 2024. Mức giảm này phản ánh sự gia tăng quy mô tài sản nhằm phục vụ cho hoạt động sản xuất – kinh doanh và chiến lược phát triển dài hạn của Công ty, trong khi doanh thu tăng trưởng ở mức phù hợp với bối cảnh thị trường. Nhìn chung, chỉ số vòng quay tổng tài sản vẫn duy trì ở mức ổn định, cho thấy LIXCO tiếp tục sử dụng tài sản hiệu quả và tập trung nguồn lực phục vụ cho hoạt động cốt lõi.

NĂNG LỰC HOẠT ĐỘNG



TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

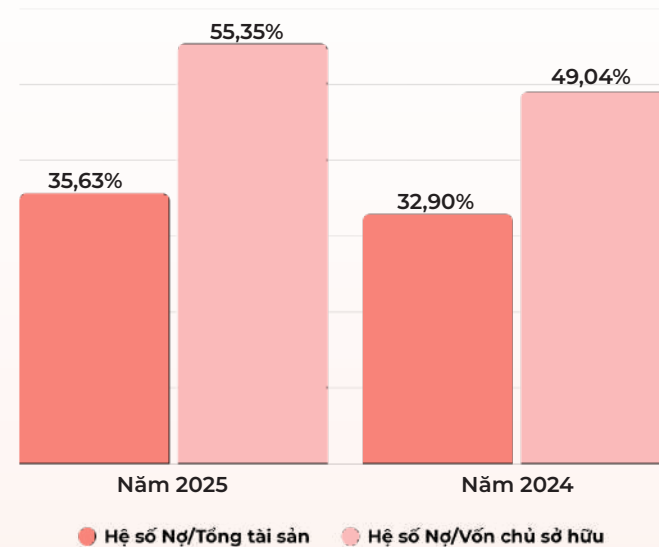
CÁC CHỈ TIÊU TÀI CHÍNH CHỦ YẾU

CHỈ TIÊU VỀ CƠ CẤU VỐN

Tỷ lệ nợ trên tài sản và tỷ lệ nợ trên vốn chủ sở hữu của LIXCO trong năm 2025 có sự thay đổi theo hướng gia tăng tỷ trọng nợ nhưng vẫn được duy trì ở mức an toàn và ổn định. Cụ thể, hệ số Nợ/Tổng tài sản năm 2025 đạt 35,63%, so với mức 32,90% của năm 2024; tương ứng, hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu tăng từ 49,04% lên 55,35% năm 2025. Sự gia tăng này chủ yếu xuất phát từ việc tổng nợ của Công ty tăng mạnh hơn so với quy mô tài sản và vốn chủ sở hữu, trong đó nợ ngắn hạn tăng đáng kể nhằm đáp ứng nhu cầu bổ sung nguồn cung nguyên vật liệu, mở rộng danh mục sản phẩm và phục vụ hoạt động sản xuất – kinh doanh trong bối cảnh thị trường nội địa duy trì mức tiêu thụ tích cực. Mặc dù các tỷ lệ cơ cấu vốn có xu hướng tăng so với năm trước, cơ cấu nguồn vốn của LIXCO trong năm 2025 vẫn được duy trì ở mức an toàn và ổn định.

Vốn chủ sở hữu tiếp tục gia tăng, trong đó phần tăng chủ yếu được bổ sung vào Quỹ đầu tư phát triển, phù hợp với định hướng chiến lược của Công ty trong việc đầu tư cho phát triển sản phẩm và mở rộng các nhân hàng. Việc gia tăng nợ trong năm chủ yếu đến từ các khoản phải trả nhà cung cấp và đối tác lâu năm nhằm phục vụ nhu cầu vốn lưu động cho hoạt động sản xuất – kinh doanh, thay vì các khoản vay chịu rủi ro lãi suất. Tại thời điểm 31/12/2025, Công ty không chịu rủi ro lãi suất do các khoản tiền gửi có kỳ hạn và khoản vay áp dụng lãi suất cố định. Nhìn chung, LIXCO tiếp tục duy trì cơ cấu vốn hợp lý, bảo đảm an toàn tài chính và tạo nền tảng cho chiến lược phát triển dài hạn.

CHỈ TIÊU VỀ CƠ CẤU VỐN



CHỈ TIÊU VỀ KHẢ NĂNG SINH LỜI

Trong năm 2025, các chỉ tiêu phản ánh khả năng sinh lời của LIXCO ghi nhận xu hướng giảm nhẹ so với năm 2024, phù hợp với diễn biến lợi nhuận trong bối cảnh Công ty gia tăng chi phí nhằm thực hiện chiến lược mở rộng thị trường, phát triển danh mục sản phẩm và tăng cường hiện diện thương hiệu. Cụ thể, lợi nhuận sau thuế năm 2025 đạt 199,81 tỷ đồng, giảm 0,85% so với năm 2024. Theo đó, hệ số LNST/Doanh thu thuần đạt 6,52%, giảm khoảng 6,9% so với mức 7,00% của năm trước. Sự sụt giảm này chủ yếu xuất phát từ việc chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp tăng nhằm phục vụ chiến lược mở rộng danh mục sản phẩm, đẩy mạnh hoạt động truyền thông, thương mại điện tử và phát triển các dòng sản phẩm mới, trong khi biên lợi nhuận ngành hàng tiêu dùng nhanh chịu áp lực cạnh tranh ngày càng cao. Các chỉ tiêu phản ánh hiệu quả sử dụng vốn cũng ghi nhận xu hướng tương tự. Hệ số LNST/Vốn chủ sở hữu bình quân (ROE) năm 2025 đạt 20,23%, tương ứng giảm khoảng 8,7% so với mức 22,15% của năm 2024. Hệ số LNST/Tổng tài sản bình quân (ROA) đạt 13,28%, giảm khoảng 10,9% so với năm trước. Mức giảm của ROE và ROA phản ánh việc lợi nhuận sau thuế giảm nhẹ trong khi quy mô vốn chủ sở hữu và tổng tài sản tiếp tục tăng. Dù các chỉ số này giảm so với năm

2024, ROE vẫn duy trì trên mức 20% và ROA ở mức trên 13%, cho thấy hiệu quả sử dụng vốn của Công ty vẫn ở mức tích cực so với mặt bằng chung của ngành.

Đối với hiệu quả sinh lời từ hoạt động sản xuất kinh doanh, hệ số Lợi nhuận từ hoạt động SXKD/Doanh thu thuần năm 2025 đạt 8,23%, giảm 0,67 điểm phần trăm, tương ứng giảm khoảng 7,5% so với mức 8,90% của năm 2024. Nguyên nhân chủ yếu đến từ việc Công ty gia tăng chi phí cho các hoạt động bán hàng, truyền thông, trưng bày tại điểm bán, logistics và đầu tư cho sản phẩm mới trong bối cảnh chi phí vận chuyển chịu tác động từ các yếu tố bất ổn kinh tế - chính trị. Tuy vậy, lợi nhuận trước thuế năm 2025 vẫn đạt 252,83 tỷ đồng, vượt kế hoạch đề ra, cho thấy hiệu quả hoạt động tổng thể của Công ty vẫn được kiểm soát tốt.

Nhìn chung, dù các chỉ tiêu sinh lời năm 2025 giảm nhẹ so với năm 2024, biến động này chủ yếu phản ánh chiến lược chủ động đầu tư cho tăng trưởng dài hạn hơn là sự suy giảm hiệu quả hoạt động cốt lõi. Việc duy trì biên lợi nhuận ổn định, ROE và ROA ở mức tích cực cùng cơ cấu vốn lành mạnh giúp LIXCO tiếp tục bảo đảm khả năng sinh lời và tạo nền tảng cho phát triển bền vững trong thời gian tới.

TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

TÌNH HÌNH TÀI SẢN

ĐVT: Triệu đồng

CHỈ TIÊU	31/12/2025		31/12/2024		% Tăng giảm
	Giá trị	Tỷ trọng	Giá trị	Tỷ trọng	
Tài sản ngắn hạn	1.112.998	68.99%	918.555	65,78%	21,17%
Tài sản dài hạn	500.293	31.01%	477.913	34,22%	4,68%
Tổng tài sản	1.613.291	100%	1.396.468	100%	15,53%

1.613,29

Tỷ đồng

TỔNG TÀI SẢN CỦA LIXCO NĂM 2025

Tính đến ngày 31/12/2025, tổng tài sản của LIXCO đạt 1.613,29 tỷ đồng, tăng 15,53% so với mức 1.396,47 tỷ đồng tại thời điểm 31/12/2024.

Tài sản ngắn hạn tiếp tục chiếm tỷ trọng chủ đạo trong cơ cấu tổng tài sản, đạt 1.113 tỷ đồng, tương ứng 68,99% tổng tài sản, tăng 21,17% so với cuối năm 2024. Sự gia tăng của tài sản ngắn hạn chủ yếu đến từ việc Công ty bổ sung các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn 6 tháng, nhằm bảo đảm khả năng thanh toán các khoản phải trả ngắn hạn cho nhà cung cấp và duy trì tính chủ động trong quản lý dòng tiền phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh. Bên cạnh đó, hàng tồn kho tăng do danh mục sản phẩm ngày càng được mở rộng, góp phần làm gia tăng tỷ trọng tài sản ngắn hạn trong cơ cấu tài sản chung. Đối với các khoản phải thu, phần lớn phát sinh từ các nhà phân phối quen thuộc và đối tác lâu năm của LIXCO, có lịch sử thanh toán tốt và khả năng thu hồi cao, qua đó phản ánh chính sách tín dụng thương mại thận trọng và hiệu quả của Công ty.

Tài sản dài hạn đạt 500,29 tỷ đồng, chiếm 31,01% tổng tài sản, tăng 4,68% so với thời điểm 31/12/2024. Trong cơ cấu tài sản dài hạn, tài sản cố định vẫn chiếm tỷ trọng lớn, phù hợp với đặc thù doanh nghiệp sản xuất. Trong năm, Công ty tiếp tục duy trì đầu tư ở mức hợp lý cho việc nâng cấp máy móc, thiết bị và cải thiện năng lực sản xuất, qua đó phục vụ định hướng phát triển sản phẩm và nâng cao hiệu quả vận hành trong dài hạn.

TÌNH HÌNH NỢ PHẢI TRẢ

ĐVT: Triệu đồng

CHỈ TIÊU	31/12/2025		31/12/2024		% Tăng giảm
	Giá trị	Tỷ trọng	Giá trị	Tỷ trọng	
Nợ phải trả	574.785	35,63%	459.504	32,90%	25,09%
- Nợ ngắn hạn	566.731	98,60%	451.099	98,17%	25,63%
- Nợ dài hạn	8.054	1,40%	8.405	1,83%	-4,18%
Vốn chủ sở hữu	1.038.506	64,37%	936.964	67,10%	10,84%
Tổng Nguồn vốn	1.613.291	100,00%	1.396.468	100,00%	15,53%

1.038,51

Tỷ đồng

VỐN CHỦ SỞ HỮU CỦA LIXCO NĂM 2025

Tổng nguồn vốn của Công ty đạt 1.613,29 tỷ đồng, tăng 15,53% so với thời điểm 31/12/2024. Trong đó: Nợ phải trả chiếm 35,63%, tương đương 574,79 tỷ đồng tăng 25,09% so với thời điểm 31/12/2024. Vốn chủ sở hữu chiếm 64,37%, đạt 1.038,51 tỷ đồng tăng 10,84% so với thời điểm 31/12/2024.

Trong cơ cấu nợ phải trả, nợ ngắn hạn tiếp tục chiếm tỷ trọng chủ yếu, đạt 566,73 tỷ đồng, tương đương 98,60% tổng nợ phải trả và tăng 25,63% so với cuối năm 2024. Sự gia tăng này chủ yếu xuất phát từ việc Công ty mở rộng quy mô sản xuất kinh doanh và gia tăng sản lượng nguồn cung đầu vào nhằm phục vụ danh mục sản phẩm ngày càng đa dạng, dẫn đến các khoản phải trả cho nhà cung cấp tăng theo. Do đặc thù kinh doanh, các khoản nợ ngắn hạn này phần lớn không chịu lãi suất, vì vậy không tạo áp lực về chi phí sử dụng vốn cho Công ty. Nợ dài hạn tiếp tục được duy trì ở mức thấp, đạt 8,05 tỷ đồng, chiếm 1,40% tổng nợ phải trả và giảm 4,18% so với thời điểm 31/12/2024, cho thấy Công ty không gia tăng sử dụng vốn vay dài hạn trong năm.

Tại thời điểm 31/12/2025, Công ty không chịu rủi ro lãi suất do các khoản tiền gửi có kỳ hạn và các khoản vay đều áp dụng lãi suất cố định; đồng thời, Công ty không phát sinh các khoản vay ngoại tệ nên không chịu ảnh hưởng từ biến động tỷ giá. Với dòng tiền từ hoạt động kinh doanh được duy trì ổn định cùng công tác kiểm soát công nợ chặt chẽ, LIXCO luôn đảm bảo khả năng thanh toán đúng hạn cho các nhà cung cấp và không phát sinh nợ quá hạn, nợ xấu trong năm. Với mục tiêu ưu tiên sử dụng nguồn vốn chủ sở hữu và các nguồn vốn không sinh lãi để tài trợ cho hoạt động sản xuất kinh doanh, nhằm giảm thiểu áp lực lãi vay và hạn chế ảnh hưởng từ các biến động vĩ mô bên ngoài, tỷ trọng vốn chủ sở hữu của Công ty tiếp tục được duy trì ở mức cao trong cơ cấu nguồn vốn.

CƠ CẤU CỔ ĐÔNG, THAY ĐỔI VỐN ĐẦU TƯ CỦA CHỦ SỞ HỮU

CỔ PHẦN: CỔ PHIẾU CTCP BỘT GIẶT LIX

- Tổng số cổ phần đã phát hành: 64.800.000 cổ phiếu, trong đó:
 - Số lượng cổ phiếu đang lưu hành: 64.800.000 cổ phiếu
 - Số lượng cổ phiếu quỹ: 0 cổ phiếu
- Loại cổ phần đang lưu hành: Cổ phần phổ thông
- Mệnh giá cổ phần: 10.000 đồng/cổ phiếu

CƠ CẤU CỔ ĐÔNG

STT	LOẠI CỔ ĐÔNG	Số cổ phần	Tỷ lệ sở hữu
I	Cổ đông trong nước	62.887.427	97,05%
1	Cá nhân	26.391.487	40,73%
2	Tổ chức	36.495.940	56,32%
II	Cổ đông nước ngoài	1.912.573	2,95%
1	Cá nhân	987.299	1,53%
2	Tổ chức	925.274	1,42%
Tổng cộng		64.800.000	100,00%

Căn cứ công văn số 3470/UBCK-PTTT ngày 09/06/2023, tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa của Công ty là: 50%

GIAO DỊCH CỔ PHIẾU QUỸ

Không có

CÁC CHỨNG KHOÁN KHÁC

Không có

TÌNH HÌNH THAY ĐỔI VỐN ĐẦU TƯ CỦA CHỦ SỞ HỮU

STT	Thời điểm tăng vốn	VĐL tăng thêm (Triệu đồng)	VĐL sau khi tăng (Triệu đồng)	Hình thức tăng vốn	Cơ sở pháp lý
1	Cổ phần hóa	-	36.000	-	-
2	2008	36.000	72.000	Phát hành cổ phiếu thưởng, tỷ lệ 1:1	Nghị quyết ĐHĐCĐ số 01/2008/NQ-ĐHĐCĐ năm 2008; Giấy chứng nhận ĐKDN số 0301444263 do Sở Kế hoạch và Đầu tư TP. HCM cấp, thay đổi lần 03 ngày 06/06/2008.
3	2009	18.000	90.000	Phát hành cổ phiếu trả cổ tức, tỷ lệ 5:1	Nghị quyết ĐHĐCĐ số 01/2009/NQ-ĐHĐCĐ năm 2009; Giấy chứng nhận ĐKDN số 0301444263 do Sở Kế hoạch và Đầu tư TP. HCM cấp, thay đổi lần 04 ngày 26/10/2009.
4	2012	18.000	108.000	Phát hành cổ phiếu trả cổ tức, tỷ lệ 2:1	Nghị quyết ĐHĐCĐ số 01/2012/NQ-ĐHĐCĐ ngày 30/03/2012; Giấy chứng nhận ĐKDN số 0301444263 do Sở Kế hoạch và Đầu tư TP. HCM cấp, thay đổi lần 05 ngày 28/06/2012
5	2013	108.000	216.000	Phát hành cổ phiếu trả cổ tức, tỷ lệ 1:1	Nghị quyết ĐHĐCĐ số 02/2012/NQ-ĐHĐCĐ ngày 29/04/2013; Giấy chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp số 0301444263 do Sở Kế hoạch và Đầu tư TP. HCM cấp, thay đổi lần 06 ngày 22/08/2013.
6	2016	108.000	324.000	Phát hành cổ phiếu để tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu, tỷ lệ 2:1	Nghị quyết ĐHĐCĐ số 01/2016/NQ-ĐHĐCĐ ngày 28/04/2016; Giấy chứng nhận ĐKDN số 0301444263 do Sở Kế hoạch và Đầu tư TP. HCM cấp, thay đổi lần 09 ngày 05/09/2016.
7	2024	324.000	648.000	Phát hành cổ phiếu để tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu, tỷ lệ 1:1	Nghị quyết ĐHĐCĐ số 01/NQ-ĐHĐCĐ ngày 26/04/2024; Công văn số 4325/UBCK-QLCB ngày 12/07/2024. Giấy chứng nhận ĐKDN số 0301444263 do Sở Kế hoạch và Đầu tư TP. HCM cấp, thay đổi lần 13 ngày 30/07/2024

BÁO CÁO TÁC ĐỘNG LIÊN QUAN ĐẾN MÔI TRƯỜNG VÀ XÃ HỘI

TÁC ĐỘNG LÊN MÔI TRƯỜNG



Là doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực hóa mỹ phẩm, LIXCO nhận thức rõ những tác động môi trường phát sinh trong quá trình sản xuất, đặc biệt liên quan đến chất lượng nguồn nước, không khí và công tác quản lý chất thải. Trên cơ sở đó, Công ty đã và đang triển khai chiến lược quản lý môi trường một cách đồng bộ và toàn diện, xuyên suốt toàn bộ chuỗi giá trị, từ khâu lựa chọn nguyên vật liệu đầu vào đến quá trình sản xuất và xử lý đầu ra.

Chiến lược phát triển theo hướng bền vững không chỉ góp phần xây dựng môi trường làm việc xanh – sạch – an toàn, bảo vệ sức khỏe người lao động, mà còn mang lại các giá trị gia tăng thiết thực cho hoạt động sản xuất kinh doanh. Việc tối ưu hóa quy trình sản xuất theo hướng thân thiện với môi trường giúp Công ty tiết kiệm chi phí vận hành, hạn chế các rủi ro môi trường phát sinh và từng bước nâng cao hình ảnh, uy tín thương hiệu trên thị trường.



Cam kết bảo vệ môi trường của LIXCO được thực hiện song hành với việc tuân thủ đầy đủ các quy định pháp luật hiện hành, đồng thời đáp ứng các tiêu chuẩn ngày càng cao của đối tác quốc tế và nhà đầu tư chú trọng yếu tố ESG. Đây là nền tảng quan trọng giúp Công ty gia tăng năng lực cạnh tranh, mở rộng thị trường và hướng đến mục tiêu phát triển bền vững trong dài hạn.



Nhằm hạn chế các tác động tiêu cực đến môi trường, trong năm 2025, Công ty tiếp tục duy trì và tăng cường triển khai các biện pháp quản lý, kiểm soát và xử lý chất thải theo đúng quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường, cụ thể như sau:

STT	Loại Chất thải	Biện pháp quản lý	Kết quả/Chỉ tiêu đạt được
1	Chất thải rắn sinh hoạt	- Phân loại chất thải tại nguồn và bố trí thùng rác phân loại tại các khu vực sản xuất, văn phòng. - Tăng cường tuyên truyền, đào tạo cán bộ công nhân viên về phân loại, thu gom và giảm thiểu chất thải. - Ký hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải theo đúng quy định pháp luật.	Tổng lượng chất thải năm 2025 giảm 10,09% so với năm 2024
2	Chất thải nguy hại	- Phân loại chất thải tại nguồn; thu gom tập trung theo tiêu chuẩn 3M (đặc, miêng kín, mã nhận dạng). - Lưu trữ tại kho chuyên dụng có sàn chống thấm, mái che và biển nhận diện theo quy định. - Tăng cường tuyên truyền, đào tạo cán bộ công nhân viên về quy trình quản lý chất thải nguy hại. - Thực hiện kiểm tra định kỳ hàng ngày đối với khu vực lưu giữ chất thải. - Ký hợp đồng và chuyển giao cho đơn vị xử lý được cấp phép; cập nhật đầy đủ hồ sơ, chứng từ theo quy định pháp luật.	100% chất thải rắn sinh hoạt được phân loại tại nguồn, thu gom và chuyển giao cho đơn vị có chức năng xử lý đúng quy định. 100% cán bộ công nhân viên được tuyên truyền, hướng dẫn thực hiện phân loại và quản lý chất thải.

Quản lý và giảm nhẹ phát thải khí nhà kính, trong năm 2025, mặc dù các nhà máy của Công ty chưa thuộc đối tượng bắt buộc kiểm kê khí nhà kính, Công ty vẫn chủ động xây dựng và theo dõi định mức sử dụng nhiên liệu, năng lượng, kiểm soát tiêu hao định kỳ hàng tháng nhằm sử dụng năng lượng hiệu quả và hạn chế phát thải.

BÁO CÁO TÁC ĐỘNG LIÊN QUAN ĐẾN MÔI TRƯỜNG VÀ XÃ HỘI

QUẢN LÝ NGUỒN NGUYÊN VẬT LIỆU

Nguyên vật liệu là yếu tố đầu vào có vai trò then chốt đối với hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp, đặc biệt đối với các đơn vị có quy mô sản xuất lớn như LIXCO. Việc quản lý hiệu quả nguồn nguyên vật liệu không chỉ ảnh hưởng trực tiếp đến hiệu quả sản xuất mà còn tác động đến chi phí, chất lượng sản phẩm và các yếu tố môi trường. Các nguyên vật liệu chính được Công ty sử dụng bao gồm LAS, Soude, Sulphate, Soda, các chất hoạt động bề mặt, bao bì, ... Trong quá trình lựa chọn và đưa nguyên vật liệu vào sản xuất, Công ty thực hiện đánh giá, sàng lọc dựa trên các tiêu chí về hàm lượng chất thải thấp, khả năng tái chế và mức độ thân thiện với môi trường, góp phần hạn chế tác động tiêu cực đến hệ sinh thái.

Bên cạnh đó, Công ty duy trì mối quan hệ hợp tác ổn định với các nhà cung cấp uy tín trên thị trường, qua đó đảm bảo tính chủ động trong nguồn cung, đồng thời linh hoạt điều chỉnh cơ cấu nguyên vật liệu phù hợp với yêu cầu sản xuất và định hướng phát triển bền vững. Nguyên vật liệu và năng lượng chính trong quá trình sản xuất của Công ty bao gồm:

LOẠI VẬT TƯ	Thủ Đức	CN Bình Dương	CN Bắc Ninh	Tổng cộng
Nhãn giấy (cái)	5.468.671	50.946.187	7.091.363	63.506.221
Bao bì màng (mét)	10.331.811	80.720	736.718	11.149.249
Bao bì túi (cái)	848.212	11.479.584	1.430.494	13.758.290
Bao bì thùng giấy (cái)	3.421.079	7.705.008	1.363.440	12.489.527
Bao bì chai nhựa (cái)	5.361.442	49.947.242	6.952.317	62.261.001
Nguyên liệu lỏng (kg)	19.634.544	18.781.979	4.251.413	42.667.936
Nguyên liệu rắn (kg)	37.503.894	881.519	6.947.715	45.333.128
Chất thơm (kg)	212.186	346.760	70.155	629.101
Tổng cộng	82.781.839	140.168.999	28.843.615	251.794.453



BÁO CÁO TÁC ĐỘNG LIÊN QUAN ĐẾN MÔI TRƯỜNG VÀ XÃ HỘI

QUẢN LÝ NGUỒN NGUYÊN VẬT LIỆU

Ngoài ra, để đảm bảo trách nhiệm tái chế các nguyên vật liệu, bao bì sử dụng trong quá trình sản xuất và đóng gói sản phẩm, trong năm 2025, Công ty đã triển khai một số biện pháp như sau:

- Thực hiện tổng hợp và khai báo kế hoạch tái chế năm 2025 trên Cổng thông tin điện tử EPR quốc gia vào ngày 28/3/2025 đối với các mã bao bì theo quy định.
- Đối với bao bì giấy carton, Công ty tiếp tục ký hợp đồng thuê với đơn vị có năng lực thực hiện thu gom và tái chế, đảm bảo quy trình xử lý đáp ứng các yêu cầu về bảo vệ môi trường.
- Đối với các mã bao bì còn lại, bao gồm bao bì PET cứng; bao bì HDPE, LDPE, PP, PS cứng; bao bì nhựa mềm (bao bì đơn vật liệu mềm và bao bì đa vật liệu mềm), Công ty lựa chọn hình thức đóng góp tài chính vào Quỹ Bảo vệ Môi trường Quốc gia theo hệ số Fs quy định tại Thông tư 07/2025/TT-BTNMT.



Trong năm 2025, tỷ lệ phần trăm nguyên vật liệu được tái chế được Công ty sử dụng để sản xuất sản phẩm và dịch vụ chính:

STT	LOẠI NGUYÊN VẬT LIỆU	Tổng khối lượng sử dụng (ĐVT: tấn)	Khối lượng sử dụng được tái chế (ĐVT: Tấn)	Tỷ lệ Khối lượng được tái chế/ Tổng khối lượng sử dụng (%)
1	Bao bì giấy, carton	5.218,33	2.077,29	39,8%
2	Bao bì HDPE, LDPE, PP, PS cứng	3.517,74	-	0%
3	Bao bì PET cứng	255,85	-	0%
4	Bao bì đa vật liệu mềm	973,36	-	0%
5	Bao bì đơn vật liệu mềm	11,67	-	0%
6	Bao bì sắt và kim loại khác	24,06		
Tổng Cộng		10.001,01	2.077,29	20,8%

TIÊU THỤ NĂNG LƯỢNG

Ban lãnh đạo Công ty luôn định hướng và chỉ đạo hoạt động sản xuất kinh doanh theo hướng tối ưu hóa việc sử dụng năng lượng và nhiên liệu, qua đó kiểm soát chi phí vận hành và hạn chế các tác động tiêu cực đến môi trường. Trên cơ sở đó, Công ty đã và đang triển khai nhiều giải pháp cụ thể nhằm nâng cao hiệu quả sử dụng năng lượng, bao gồm:

- Đầu tư, cải tiến và thay thế máy móc, thiết bị có hiệu suất cao, ưu tiên công nghệ tiết kiệm năng lượng tại các nhà máy theo hướng tiết kiệm năng lượng; đồng thời thực hiện kiểm tra, bảo dưỡng định kỳ đối với hệ thống máy móc, thiết bị đang vận hành nhằm giảm tổn thất năng lượng và nâng cao hiệu quả sử dụng.
- Rà soát, tối ưu quy trình sản xuất nhằm giảm tiêu hao điện năng, nhiên liệu và hạn chế thất thoát năng lượng.
- Đầu tư hệ thống nước nóng năng lượng mặt trời sử dụng sản xuất tại Lix Bình Dương: Trong năm 2025, dự án hệ thống nước nóng năng lượng mặt trời phục vụ sản xuất tại Nhà máy Lix Bình Dương đã chính thức đi vào vận hành, góp phần nâng cao hiệu quả sử dụng năng lượng sạch, bền vững trong hoạt động sản xuất, đồng thời giảm đáng kể lượng nhiên liệu DO tiêu thụ.
- Lắp đặt hệ thống điện mặt trời áp mái: Công ty tiếp tục phối hợp với các đơn vị chuyên môn để nghiên cứu và khảo sát hiệu quả lắp đặt hệ thống điện mặt trời áp mái tại nhà máy Lix Bình Dương. Dự án này sẽ được đưa vào kế hoạch xin phê duyệt đầu tư trong thời gian tới, nhằm tăng cường sử dụng năng lượng tái tạo và giảm phụ thuộc vào nguồn năng lượng không tái tạo.
- Đẩy mạnh công tác truyền thông nội bộ về sử dụng năng lượng tiết kiệm và bảo vệ môi trường, thông qua các chương trình được triển khai thường xuyên với hình thức đa dạng, giúp nâng cao nhận thức và trách nhiệm của cán bộ công nhân viên trong việc xây dựng môi trường làm việc xanh, sạch và bền vững.

STT	NĂNG LƯỢNG	Đơn vị tính	Số lượng sử dụng 2025
1	Dầu DO	Lít	772.970
2	Dầu FO	Lít	816.661
3	Điện	kWh	9.502.675
4	Khí CNG	Sm3	2.421.872
5	Xăng	Lít	28.218

BÁO CÁO TÁC ĐỘNG LIÊN QUAN ĐẾN MÔI TRƯỜNG VÀ XÃ HỘI

TIÊU THỤ NƯỚC

Công ty phân công bộ phận chuyên môn theo dõi cân bằng nước mỗi ngày, kịp thời phát hiện các sự cố khi có chênh lệch, kiểm soát lượng nước sử dụng, tránh thất thoát.

STT	NHÀ MÁY	NGUỒN NƯỚC	ĐƠN VỊ CẤP NƯỚC
1	Lix Hồ Chí Minh	Nước thủy cục (nước máy)	Chi nhánh cấp nước Dĩ An - Công ty Cổ phần - Tổng Công ty Nước - Môi trường Bình Dương
2	CN Bình Dương	Nước thủy cục (nước máy)	Chi nhánh cấp nước Thủ Dầu Một - Công ty Cổ phần - Tổng Công ty Nước - Môi trường Bình Dương
3	CN Bắc Ninh	Nước thủy cục (nước máy)	Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Đô thị và KCN Quế Võ IDICO

Lượng nước sử dụng trong năm 2025: Tổng lượng nước thủy cục (nước máy) sử dụng trong năm 2025 là 168.447 m³, giảm 3,46% so với năm 2024 (lượng nước sử dụng năm 2024: 174.493 m³).

Đối với nước thải: Tăng cường kiểm tra, kiểm soát, theo dõi tình trạng thiết bị xử lý, đảm bảo 100% lượng nước thải phát sinh được thu gom, xử lý đạt Tiêu chuẩn trước khi xả thải ra môi trường.

Tổng lượng nước tái chế và tái sử dụng năm 2025 là 37.932 m³, chiếm 22,52% lượng nước thủy cục sử dụng trong năm 2025.



BÁO CÁO TÁC ĐỘNG LIÊN QUAN ĐẾN MÔI TRƯỜNG VÀ XÃ HỘI

TUÂN THỦ PHÁP LUẬT VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG



Là doanh nghiệp hàng đầu trong ngành hóa mỹ phẩm, LIXCO luôn đề cao trách nhiệm tuân thủ pháp luật về bảo vệ môi trường, đồng thời từng bước xây dựng và lan tỏa văn hóa doanh nghiệp hướng đến phát triển xanh và bền vững. Công ty đã triển khai các chương trình nâng cao nhận thức về môi trường một cách đồng bộ, xuyên suốt từ đội ngũ quản lý đến toàn thể người lao động, qua đó đưa các yêu cầu về bảo vệ môi trường trở thành một nội dung gắn liền với hoạt động sản xuất kinh doanh.

Bên cạnh việc thực hiện nghiêm túc các quy định pháp luật hiện hành về môi trường, LIXCO còn chủ động nghiên cứu, áp dụng các tiêu chuẩn và thông lệ môi trường tiên tiến, qua đó thể hiện cam kết lâu dài trong việc giảm thiểu tác động đến môi trường và hướng đến mục tiêu phát triển bền vững.

Hưởng ứng các ngày, chiến dịch môi trường và tuân thủ quy định pháp luật về bảo vệ môi trường:

Hưởng ứng Ngày Nước thế giới, Ngày Khí tượng thế giới, Chiến dịch Giờ Trái đất và các chiến dịch bảo vệ môi trường khác, trong năm 2025, LIXCO tiếp tục tích cực tham gia và triển khai nhiều hoạt động thiết thực nhằm nâng cao nhận thức bảo vệ môi trường, thể hiện cam kết của Công ty đối với mục tiêu phát triển bền vững.

Công ty đã tổ chức các hoạt động hưởng ứng các sự kiện môi trường quốc tế quan trọng như Ngày Nước thế giới, Ngày Khí tượng thế giới, Chiến dịch Giờ Trái đất, Ngày Môi trường Thế giới và Chiến dịch Làm cho thế giới sạch hơn thông qua nhiều hình thức đa dạng. Cụ thể, Công ty thực hiện treo băng rôn tuyên truyền, tổ chức ra quân dọn dẹp vệ sinh các tuyến đường xung quanh Công ty vào các ngày 07/6/2025 và 13/6/2025, đồng thời tắt đèn và các

thiết bị điện không cần thiết trong thời gian hưởng ứng Giờ Trái đất từ 20 giờ 30 phút đến 21 giờ 30 phút ngày 22/03/2025. Bên cạnh đó, Công ty tổ chức tập huấn các chuyên đề về bảo vệ môi trường và phân loại chất thải rắn cho cán bộ, công nhân viên vào các ngày 25 và 26/08/2025, kết hợp thực hiện phóng sự và đăng tải thông tin trên Trang Truyền thông nội bộ nhằm tuyên truyền, lan tỏa ý thức bảo vệ môi trường trong toàn Công ty.



Tuân thủ Luật Bảo vệ môi trường số 72/2020/QH14 của Quốc Hội, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP của Chính phủ, Thông tư 02/2022/TT-BTNMT của Bộ Tài nguyên và Môi trường:

Công ty tiếp tục thực hiện nghiêm túc việc áp dụng, kiểm soát và tuân thủ các quy định của Luật Bảo vệ môi trường, các nghị định, thông tư hướng dẫn và Quy chế Bảo vệ môi trường trong Tập đoàn Công nghiệp Hóa chất Việt Nam, đảm bảo hoạt động sản xuất – kinh doanh phù hợp với yêu cầu pháp luật hiện hành.



Tuân thủ Nghị định 45/2022/NĐ-CP của Chính phủ về xử phạt vi phạm hành chính lĩnh vực bảo vệ môi trường:

LIXCO duy trì việc tuyên truyền, nâng cao ý thức bảo vệ môi trường cho toàn thể người lao động thông qua các hành động cụ thể như: tiết kiệm năng lượng với thông điệp “tắt khi không sử dụng”; phân loại rác thải đúng quy định tại các điểm thu gom; hạn chế sử dụng nhựa dùng một lần, khuyến khích sử dụng các vật dụng thân thiện với môi trường; giữ gìn vệ sinh khu vực làm việc theo nguyên tắc 5S; và xây dựng môi trường làm việc không khói thuốc.

Các quy định liên quan đến lĩnh vực môi trường đều được Công ty tuân thủ và triển khai đồng bộ nên không có vi phạm nào liên quan đến lĩnh vực môi trường trong năm 2025.

BÁO CÁO TÁC ĐỘNG LIÊN QUAN ĐẾN MÔI TRƯỜNG VÀ XÃ HỘI

CHÍNH SÁCH LIÊN QUAN ĐẾN NGƯỜI LAO ĐỘNG



Tại LIXCO, nguồn nhân lực được xác định là yếu tố cốt lõi, đóng vai trò nền tảng cho sự phát triển ổn định và bền vững của Công ty. Trên cơ sở đó, LIXCO chú trọng xây dựng môi trường làm việc chuyên nghiệp, an toàn và công bằng, tạo điều kiện để người lao động phát huy năng lực chuyên môn, từng bước phát triển nghề nghiệp và gắn bó lâu dài với doanh nghiệp.

Bảo đảm an toàn của người lao động:

Trong năm 2025, Công ty tiếp tục chú trọng công tác an toàn – vệ sinh lao động (ATVSLĐ), nhằm bảo đảm sức khỏe, tính mạng của người lao động, phòng ngừa tai nạn lao động và bệnh nghề nghiệp, cụ thể như sau:

- Trang bị đầy đủ phương tiện bảo hộ lao động phù hợp với từng vị trí, công việc và điều kiện làm việc tại các nhà máy.
- Tổ chức quan trắc môi trường lao động định kỳ, kịp thời đánh giá và kiểm soát các yếu tố nguy cơ ảnh hưởng đến sức khỏe người lao động.
- Thực hiện kiểm định, bảo dưỡng định kỳ đối với các máy móc, thiết bị và vật tư có yêu cầu nghiêm ngặt về ATVSLĐ theo quy định.
- Tổ chức huấn luyện ATVSLĐ cho cán bộ, công nhân viên làm công việc có yêu cầu nghiêm ngặt về an toàn lao động (nhóm 1 theo Nghị định 113/2017/NĐ-CP và nhóm 3, 4, 5 theo Nghị định 44/2016/NĐ-CP).
- Duy trì kiểm tra, giám sát hàng ngày các hành động và điều kiện làm việc không an toàn tại các đơn vị sản xuất, kịp thời phát hiện và khắc phục rủi ro.
- Xây dựng và cập nhật các quy trình làm việc an toàn, phân công nhiệm vụ rõ ràng, nâng cao ý thức tuân thủ quy định ATVSLĐ cho người lao động.



Bảo đảm sức khỏe và phúc lợi của người lao động:

Năm 2025, LIXCO tiếp tục kiên định cam kết lấy người lao động làm trung tâm trong chiến lược phát triển, thông qua việc duy trì và hoàn thiện các chính sách về sức khỏe, phúc lợi và điều kiện làm việc. Các chính sách này được triển khai đồng bộ, hướng tới việc nâng cao chất lượng đời sống vật chất, tinh thần cho người lao động, qua đó góp phần xây dựng môi trường làm việc ổn định, nhân văn và bền vững.

Chính sách chăm sóc sức khỏe toàn diện

LIXCO duy trì triển khai hệ thống chăm sóc sức khỏe đa tầng, bao gồm bảo hiểm sức khỏe toàn diện cho 100% người lao động, đồng thời tổ chức khám sức khỏe định kỳ hàng năm nhằm theo dõi và bảo vệ sức khỏe cho cán bộ công nhân viên. Người lao động khi ốm đau thông thường được khám và cấp phát thuốc kịp thời tại trạm y tế của Công ty. Bên cạnh đó, chương trình tiêm vắc-xin cúm mùa tiếp tục được triển khai định kỳ, góp phần phòng ngừa dịch bệnh và đảm bảo an toàn sức khỏe trong môi trường làm việc.

Chương trình phúc lợi và hỗ trợ người lao động

Công ty thực hiện đầy đủ các chính sách tiền lương, thưởng và phụ cấp theo cam kết, xây dựng cơ chế đãi ngộ phù hợp với từng vị trí công việc, kỹ năng và trình độ chuyên môn của người lao động. Ngoài ra, LIXCO áp dụng nhiều chính sách hỗ trợ thiết thực như phụ cấp thâm niên, phụ cấp trách nhiệm, hỗ trợ chi phí giữ trẻ cho người lao động có con nhỏ dưới 6 tuổi, hỗ trợ sữa cho lao động nữ mang thai, ...

Hoạt động văn hóa doanh nghiệp

Hàng năm, LIXCO tổ chức các chương trình du lịch, nghỉ mát cho người lao động với chi phí do Công ty đài thọ, góp phần tái tạo sức lao động và tăng cường sự gắn kết nội bộ. Bên cạnh đó, Công đoàn Công ty triển khai nhiều hoạt động hỗ trợ thiết thực như cho vay vốn đối với người lao động gặp khó khăn và tổ chức đa dạng các câu lạc bộ văn hóa – thể thao gồm yoga, guitar, nhảy hiện đại, khiêu vũ, bóng đá, cầu lông, pickleball..., tạo sân chơi lành mạnh và nâng cao đời sống tinh thần cho người lao động.

Chính sách an toàn thực phẩm và dinh dưỡng

Công ty duy trì và áp dụng hệ thống quản lý an toàn thực phẩm với các quy trình kiểm soát chặt chẽ xuyên suốt từ khâu lựa chọn nguyên liệu, chế biến đến phục vụ bữa ăn cho người lao động. Việc tuân thủ nghiêm các tiêu chuẩn về vệ sinh an toàn thực phẩm giúp bảo đảm chất lượng dinh dưỡng trong các suất ăn, đồng thời duy trì tỷ lệ 100% thực phẩm đáp ứng yêu cầu an toàn và không phát sinh trường hợp ngộ độc thực phẩm.

BÁO CÁO TÁC ĐỘNG LIÊN QUAN ĐẾN MÔI TRƯỜNG VÀ XÃ HỘI

CHÍNH SÁCH LIÊN QUAN ĐẾN NGƯỜI LAO ĐỘNG

GẮN KẾT NGƯỜI LAO ĐỘNG

Chuỗi hoạt động gắn kết người lao động

Trong năm 2025, công tác truyền thông nội bộ tiếp tục phát huy vai trò truyền thông, gắn kết nội bộ cho toàn thể CB-CNV, người lao động trong Công ty thông qua tổ chức, thực hiện các hoạt động, chương trình và truyền thông thông tin về chương trình, sự kiện quan trọng của Công ty trong năm: Hoạt động gắn kết nội bộ được triển khai thông qua các chương trình định kỳ và chương trình triển khai theo sự kiện tháng như: bản tin nội bộ định, sinh nhật tập thể theo quý cho toàn thể CB-CNV; phối hợp tổ chức chương trình chào mừng ngày quốc tế Phụ nữ 8/3; tổ chức Tri ân thâm niên cho CB-CNV nghỉ hưu; triển khai hoạt động chào mừng ngày 30/4 với Bức tường độc lập; tổ chức cuộc thi Thiết kế logo mừng kỷ niệm 50 năm ngày truyền thống; tổ chức cuộc thi Cùng Lixco Rạng Rỡ Việt Nam chào mừng ngày 2/9; cuộc thi Môi trường làm việc tôi yêu chào mừng 22 năm ngày cổ phần hóa; tổ chức hoạt động chào mừng Ngày phụ nữ Việt Nam 20/10.



Truyền thông nội bộ

Công tác đưa tin được cập nhật kịp thời và nhanh chóng với 350 tin bài về các chương trình, sự kiện của Công ty được đăng tải trên các kênh truyền thông nội bộ và báo đài, tiêu biểu như: Hội nghị tổng kết năm 2024 và Triển khai nhiệm vụ năm 2025; Công ty và Công đoàn tặng quà Tết cho người lao động nhân dịp Tết Ất Ty; Các hoạt động YEP 2025; phiên chợ 0 đồng "Tết nhân ái"; dựng và truyền thông video tổng kết Đại hội Đảng bộ Công ty nhiệm kỳ 2020-2025; viết bài Lixco thuộc Top 50 thương hiệu chủ lực TP.HCM đăng báo; Phát động hướng dẫn mua hàng Lix trên nền tảng shopee, truyền thông cuộc thi tìm hiểu pháp luật 2025;

Truyền thông hoạt động Lix Bình Dương tổ chức hội thi an toàn vệ sinh viên giỏi năm 2025, truyền thông phát động thi đua sáng kiến giải pháp cải tiến năm 2025; truyền thông Hội thao cụm thi đua số 5; Truyền thông chương trình Trung Thu; Các khóa đào tạo nội bộ; truyền thông chuỗi chương trình Huấn luyện VHTT 4 đợt (quay/ dựng, chụp ảnh, tin bài) và các bài viết tuyên truyền những chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước,... đến toàn thể CBNV, NLĐ trong toàn Công ty.

Triển khai đa dạng hình thức và nội dung mới như: chuỗi chúc buổi sáng, bài viết tạo động lực, mỗi ngày một điều hay đăng tải

hàng tuần; Bản tin nội bộ tuần dưới dạng file thiết kế; podcast Đọc sách cùng Lixco.

Sự gắn gửi từ các hoạt động nội bộ và thông tin được cập nhật kịp thời, nhanh chóng đã góp phần giúp các trang thông tin truyền thông nội bộ thu hút đông đảo CB-CNV, người lao động Công ty tham gia với số lượng thành viên 1.100 người, tổng lượt tương tác bình quân đạt 730 lượt/bài đăng trong nhóm facebook Truyền thông nội bộ Lixco, chiếm tỷ lệ 66,0% so với tổng số thành viên của nhóm. Các hoạt động truyền thông nội bộ được triển khai đã góp phần gia tăng sự gắn kết nội bộ của toàn thể CB-CNV và người lao động trong toàn Công ty.



BÁO CÁO TÁC ĐỘNG LIÊN QUAN ĐẾN MÔI TRƯỜNG VÀ XÃ HỘI

CHÍNH SÁCH LIÊN QUAN ĐẾN NGƯỜI LAO ĐỘNG

GẮN KẾT NGƯỜI LAO ĐỘNG

Hoạt động đào tạo người lao động

Công tác đào tạo năm 2025 tiếp tục được Công ty quan tâm triển khai với nhiều nội dung, chương trình và hình thức đào tạo đa dạng, đáp ứng nhu cầu nâng cao năng lực, kỹ năng chuyên môn cho đội ngũ CB-CNV và phù hợp với định hướng phát triển nguồn nhân lực của Công ty. Trong năm, Công ty đã tổ chức 62 lớp đào tạo, thu hút 2.084 lượt CB-CNV tham gia, với chi phí đào tạo ước thực hiện 1,5 tỷ đồng, đạt 90% kế hoạch đề ra.

Hoạt động đào tạo tập trung vào đào tạo theo nhu cầu thực tế của các đơn vị, đặc biệt là các vị trí liên quan đến các Luật, Bộ luật mới được Nhà nước điều chỉnh, bổ sung nhằm hạn chế sai sót trong quá trình thực hiện chuyên môn. Công ty đẩy mạnh đào tạo, huấn luyện An toàn – Vệ sinh lao động cho các Nhóm 2, 3, 4 và 6, đồng thời triển khai rộng khắp các chương trình PCCC và cứu nạn cứu hộ tại tất cả các phòng ban, đơn vị. Trong năm, Công ty đã tổ chức đào tạo sơ cấp cứu cho 46 thành viên Đội Sơ cấp cứu, đào tạo chuyên sâu cho đội PCCC gồm 191 thành viên, cùng các chương trình diễn tập PCCC, sơ tán khẩn cấp cho toàn thể CB-CNV và diễn tập định kỳ cho đội PCCC Chi nhánh Lix Bình Dương với 65 thành viên.

Bên cạnh đó, Công ty triển khai đào tạo nhận thức Văn hóa “Tận tâm” cho toàn Công ty và lựa chọn các CB-CNV tiêu biểu tham gia chương trình huấn luyện trải nghiệm “Câu chuyện từ trái tim” với 530 CB-CNV tham gia. Chương trình góp phần chuyển hóa giá trị cốt lõi thành nhận thức và hành động cụ thể, nâng cao hiệu suất làm việc, tăng cường gắn kết nội bộ và củng cố lợi thế cạnh tranh, phát triển thương hiệu LIX trên thị trường.



Một số hình ảnh hoạt động đào tạo trong năm 2025



BÁO CÁO TÁC ĐỘNG LIÊN QUAN ĐẾN MÔI TRƯỜNG VÀ XÃ HỘI

BÁO CÁO LIÊN QUAN ĐẾN TRÁCH NHIỆM CỘNG ĐỒNG ĐỊA PHƯƠNG

Trách nhiệm đối với cộng đồng địa phương luôn được LIXCO xác định là một trong những nhiệm vụ trọng tâm trong chiến lược phát triển bền vững, xuất phát từ quan điểm cho rằng sự thành công của doanh nghiệp không chỉ được đo lường bằng hiệu quả tài chính mà còn bằng những giá trị tích cực và lâu dài mang lại cho xã hội.

Trên cơ sở đó, trong năm 2025, LIXCO đã chủ động bố trí nguồn kinh phí phù hợp từ ngân sách hoạt động để triển khai các chương trình an sinh xã hội, thể hiện rõ cam kết đồng hành cùng cộng đồng và chia sẻ trách nhiệm xã hội với địa phương nơi doanh nghiệp hoạt động.

LIXCO đã tích cực tham gia và hỗ trợ nhiều hoạt động ý nghĩa dành cho các hộ gia đình có hoàn cảnh khó khăn, hộ nghèo, hộ cận nghèo và người cao tuổi trên địa bàn phường Linh Xuân thông qua phong trào “Ngày hội vì cộng đồng Phường Linh Xuân lần 1 năm 2025”. Đồng thời, Công ty triển khai chương trình hỗ trợ các hộ dân gặp khó khăn tại phường An Bình trong khuôn khổ Tháng Nhân đạo năm 2025 với mô hình “Gian hàng không đồng”, trao tặng 300 phần quà là các sản phẩm thiết yếu do Công ty sản xuất. Đặc biệt, nhân dịp Tết Ất Tỵ 2025, LIXCO đã trao tặng 100 phần quà Tết cho các hộ nghèo tại phường Tân Phước Khánh, góp phần chia sẻ khó khăn, động viên tinh thần và giúp người dân đón Tết trong không khí ấm áp, đủ đầy hơn.



Thông qua những hoạt động trong năm 2025, LIXCO tiếp tục khẳng định tinh thần trách nhiệm xã hội và vai trò tích cực của doanh nghiệp trong việc chung tay xây dựng cộng đồng địa phương ổn định, gắn kết và phát triển bền vững.



CHIẾN LƯỢC TĂNG TRƯỞNG BỀN VỮNG



03

BÁO CÁO VÀ ĐÁNH GIÁ CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh	108
Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý	114
Kết hoạch sản xuất kinh doanh năm 2026	117

TỔNG QUAN KINH TẾ THẾ GIỚI NĂM 2025

Năm 2025, kinh tế thế giới tiếp tục trong giai đoạn điều chỉnh khi các yếu tố hỗ trợ tăng trưởng ngắn hạn dần suy yếu, trong bối cảnh môi trường chính sách thương mại, tài khóa và tiền tệ tại các nền kinh tế lớn vẫn tiềm ẩn nhiều bất định. Theo Quỹ Tiền tệ Quốc tế (IMF), tăng trưởng kinh tế toàn cầu được dự báo giảm nhẹ từ 3,3% năm 2024 xuống khoảng 3,2% trong năm 2025, phản ánh xu hướng tăng trưởng chậm lại nhưng ổn định hơn. Nhóm các nền kinh tế phát triển duy trì mức tăng trưởng thấp, trong khi các nền kinh tế mới nổi và đang phát triển tiếp tục đóng vai trò là động lực chính của tăng trưởng toàn cầu. Lạm phát toàn cầu được dự kiến giảm xuống khoảng 4,2% năm 2025, tuy vẫn diễn biến không đồng đều giữa các khu vực và một số nền kinh tế lớn như Hoa Kỳ còn duy trì áp lực giá cao hơn mục tiêu trung hạn.

Bên cạnh đó, các bất ổn địa chính trị tiếp tục tác động đáng kể đến triển vọng kinh tế toàn cầu. Xung đột Nga - Ukraine kéo dài ảnh hưởng đến nguồn cung năng lượng và một số nguyên liệu cơ bản; căng thẳng tại Trung Đông làm gia tăng lo ngại về an ninh năng lượng và biến động giá dầu; cạnh tranh chiến lược giữa Mỹ và Trung Quốc tiếp tục gây sức ép lên thương mại và chuỗi cung ứng toàn cầu, đặc biệt đối với các ngành công nghiệp và hóa chất. Trong bối cảnh này, khu vực Đông Á – Thái Bình Dương được dự báo tăng trưởng chậm hơn so với năm trước, nhất là tại các nền kinh tế có độ mở thương mại cao. Nhìn chung, kinh tế thế giới năm 2025 được kỳ vọng duy trì tăng trưởng ở mức trung bình, song môi trường kinh doanh vẫn chịu tác động từ các yếu tố địa chính trị và biến động vĩ mô, đòi hỏi các doanh nghiệp chủ động thích ứng và quản trị rủi ro trong quá trình triển khai hoạt động sản xuất kinh doanh.

3,2%
TĂNG TRƯỞNG
GDP TOÀN CẦU



TÌNH HÌNH KINH TẾ VIỆT NAM NĂM 2025

Trong năm 2025, kinh tế Việt Nam ghi nhận những kết quả tăng trưởng tích cực trong bối cảnh kinh tế thế giới tiếp tục đối mặt với nhiều bất định liên quan đến địa chính trị, thương mại và xu hướng thắt chặt - nới lỏng chính sách tiền tệ không đồng đều giữa các khu vực. Với sự chỉ đạo quyết liệt, linh hoạt của Chính phủ cùng nỗ lực của cộng đồng doanh nghiệp và người dân, nền kinh tế duy trì được đà phục hồi rõ nét, đặc biệt trong các lĩnh vực sản xuất, xuất khẩu, đầu tư và tiêu dùng trong nước.

Bên cạnh các kết quả kinh tế tích cực, năm 2025 cũng ghi nhận nhiều dấu ấn quan trọng trong hoạt động đối ngoại và hội nhập quốc tế của Việt Nam. Các hoạt động đối ngoại cấp cao được triển khai chủ động, thực chất, góp phần mở rộng không gian hợp tác kinh tế và nâng cao vị thế quốc gia. Việt Nam đã nâng cấp quan hệ lên đối tác chiến lược toàn diện với 5 quốc gia, đồng thời mở rộng mạng lưới đối tác chiến lược và đối tác toàn diện với nhiều nước trên thế giới, qua đó tạo điều kiện thuận lợi cho thu hút đầu tư, mở rộng thị trường và tăng cường liên kết chuỗi cung ứng. Trong bối cảnh triển vọng kinh tế toàn cầu còn tiềm ẩn nhiều rủi ro, các tổ chức quốc tế đánh giá Việt Nam vẫn duy trì khả năng chống chịu tương đối tốt nhờ nền tảng kinh tế vĩ mô ổn định, dư địa chính sách còn được giữ vững và vai trò dẫn dắt của đầu tư công. Những định hướng phát triển trung và dài hạn của Chính phủ và Quốc hội, gắn với đổi mới mô hình tăng trưởng, thúc đẩy công nghiệp chế biến, chế tạo và phát triển thị trường trong nước, được kỳ vọng sẽ tiếp tục tạo nền tảng thuận lợi cho hoạt động sản xuất – kinh doanh và tăng trưởng bền vững trong các năm tiếp theo.

8,02%
TĂNG TRƯỞNG
GDP VIỆT NAM



THUẬN LỢI VÀ KHÓ KHĂN CỦA LIXCO NĂM 2025

THUẬN LỢI

- 1 Nhu cầu đối với các sản phẩm tiêu dùng thiết yếu trên thị trường thế giới duy trì ổn định, tạo điều kiện để LIXCO duy trì hoạt động sản xuất – kinh doanh và xuất khẩu trong bối cảnh kinh tế toàn cầu tăng trưởng chậm lại.
- 2 Kinh tế Việt Nam năm 2025 tiếp tục tăng trưởng tích cực với sự phục hồi đồng bộ của xuất khẩu, sản xuất công nghiệp và tiêu dùng trong nước, là nền tảng thuận lợi cho việc mở rộng sản xuất và thị trường tiêu thụ.
- 3 Kênh bán hàng GT và MT được kiểm soát hiệu quả, nhãn hàng tiếp tục giữ vị thế tốt trong hệ thống siêu thị nhờ chiến lược phát triển sản phẩm phù hợp thị trường.
- 4 Những bước tiến trong hoạt động đối ngoại và hội nhập quốc tế của Việt Nam 2025 góp phần cải thiện môi trường thương mại, mở rộng không gian hợp tác và tạo điều kiện thuận lợi cho doanh nghiệp tận dụng các hiệp định thương mại tự do (FTA).
- 5 Hệ thống phân phối nội địa của Công ty tiếp tục được duy trì ổn định và phủ rộng trên phạm vi toàn quốc thông qua mạng lưới nhà phân phối trải dài nhiều khu vực, cùng sự hiện diện tại hầu hết các hệ thống siêu thị và chuỗi bán lẻ lớn nhỏ trên cả nước. Việc đa dạng hóa kênh bán hàng, sản phẩm và phân khúc khách hàng giúp LIXCO nâng cao khả năng tiếp cận thị trường và thích ứng linh hoạt với biến động nhu cầu.
- 6 Xu hướng tiêu dùng xanh và phát triển bền vững ngày càng được chú trọng, tạo điều kiện thuận lợi để LIXCO nghiên cứu, phát triển và mở rộng các dòng sản phẩm thân thiện với môi trường, an toàn cho người tiêu dùng. Đây được xem là phân khúc có tiềm năng tăng trưởng dài hạn, phù hợp với định hướng phát triển bền vững của Công ty.
- 7 Thương hiệu LIXCO tiếp tục được củng cố khi Công ty được vinh danh là một trong “50 doanh nghiệp - đơn vị tiêu biểu TP. Hồ Chí Minh”, qua đó khẳng định uy tín, vị thế và đóng góp tích cực của doanh nghiệp đối với sự phát triển kinh tế – xã hội.
- 8 Việc ứng dụng công nghệ, thương mại điện tử và các nền tảng số trong hoạt động Marketing, bán hàng và chăm sóc khách hàng ngày càng phổ biến, giúp các sản phẩm của LIXCO dễ dàng tiếp cận người tiêu dùng, nâng cao độ nhận diện thương hiệu và mở rộng kênh tiêu thụ với chi phí hợp lý hơn.

KHÓ KHĂN

- 1 Bối cảnh kinh tế thế giới năm 2025 tiếp tục tiềm ẩn nhiều bất định khi tăng trưởng toàn cầu có xu hướng chậm lại, các xung đột địa chính trị kéo dài như Nga – Ukraine, căng thẳng tại Trung Đông và cạnh tranh thương mại Mỹ – Trung vẫn chưa được giải quyết triệt để. Các biến động về năng lượng, nguyên vật liệu và logistics gia tăng, qua đó ảnh hưởng đến chuỗi cung ứng toàn cầu, đặc biệt trong ngành hóa chất và hàng tiêu dùng nhanh.
- 2 Biến động tỷ giá USD/VND trong năm 2025 tiếp tục tạo áp lực lên chi phí nhập khẩu nguyên vật liệu. Việc đồng USD duy trì ở mức cao trong nhiều thời điểm khiến giá vốn sản xuất tăng, ảnh hưởng trực tiếp đến hiệu quả tài chính và yêu cầu doanh nghiệp phải thận trọng hơn trong việc cân đối dòng tiền và xây dựng kế hoạch sản xuất – kinh doanh.
- 3 Thị trường tiêu dùng trong nước tuy duy trì tăng trưởng nhưng cạnh tranh ngày càng gay gắt, với sự tham gia của nhiều thương hiệu trong và ngoài nước, buộc Công ty phải đẩy mạnh các chương trình khuyến mãi, chiết khấu thương mại và đầu tư trưng bày, làm gia tăng chi phí bán hàng.
- 4 Sự thay đổi nhanh của xu hướng tiêu dùng và yêu cầu ngày càng cao về chất lượng, giá cả và tiêu chuẩn môi trường khiến Công ty phải liên tục đầu tư cho đổi mới sản phẩm và cải tiến quy trình, tạo thêm áp lực về chi phí trong ngắn hạn.

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH NĂM 2025

Hơn **613 nghìn**

lượt theo dõi Fanpage

Hơn **558 triệu**

lượt tiếp cận bài viết LIX

Phủ sóng thương hiệu đến mọi gia đình Việt

Trong năm 2025, Ban Tổng Giám đốc đánh giá công tác Marketing của LIXCO tiếp tục được triển khai đồng bộ, có trọng tâm và bám sát định hướng phát triển thương hiệu trong bối cảnh thị trường hàng tiêu dùng cạnh tranh ngày càng gay gắt. Công ty tập trung đẩy mạnh truyền thông trên các nền tảng số như Facebook, YouTube, TikTok, kết hợp với truyền thông báo chí và hoạt động quảng bá trực tiếp tại các sự kiện, hội chợ, triển lãm nhằm gia tăng độ phủ thương hiệu và hỗ trợ hoạt động bán hàng.

Trong năm, LIXCO đã thực hiện 510 bài viết quảng bá sản phẩm cho các nhãn hàng Lix, ON1, Iron & Stone và Bondy Care trên các nền tảng mạng xã hội, đạt hơn 558 triệu lượt tiếp cận và trên 613 nghìn lượt theo dõi các trang fanpage. Kết quả này cho thấy hiệu quả rõ nét của chiến lược truyền thông số, góp phần nâng cao mức độ nhận diện thương hiệu, duy trì sự hiện diện thường xuyên của sản phẩm LIXCO trong tâm trí người tiêu dùng. Bên cạnh đó, Công ty tăng cường truyền thông trên các kênh báo chí, tạp chí chuyên ngành và tham gia các hội chợ, triển lãm quy mô quốc gia như Triển lãm Thành tựu Kinh tế – Xã hội kỷ niệm 80 năm Quốc khánh và Hội chợ Mùa Thu 2025. Thông qua các hoạt động này, LIXCO không chỉ giới thiệu sản phẩm mới mà còn củng cố hình ảnh thương hiệu gắn liền với chất lượng, uy tín và giá trị Việt.



LIXCO tiếp tục duy trì công tác nghiên cứu và ra mắt sản phẩm mới, bắt kịp với nhu cầu ngày càng tăng của người tiêu dùng

LIXCO tiếp tục đẩy mạnh công tác nghiên cứu, phát triển và thử nghiệm các công thức sản phẩm mới nhằm đáp ứng ngày càng tốt hơn nhu cầu đa dạng của người tiêu dùng, hướng đến mục tiêu chăm sóc toàn diện cho các gia đình Việt. Trong năm 2025, Công ty đã nghiên cứu và đưa ra thị trường nhiều sản phẩm mới thuộc các dòng Bondy care, Bondy Mist, On1 và LIX, góp phần mở rộng danh mục sản phẩm và gia tăng sự hiện diện của thương hiệu trên các phân khúc tiêu dùng khác nhau, cụ thể như sau:

Dòng On1: Nước Lau Sàn Tinh Dầu On1 (2,6 lít và 3,3 lít); Nước Rửa Chén Bát On1 Thiên Nhiên; Nước rửa tay On1 (4 mùi hương); Bột rửa tay On1 (4 mùi hương); Bột làm sạch da 3in1 On1 (2 mùi hương).

Dòng LIX: Xịt thơm phòng Lix (5 mùi hương, 280ml/chai); Bình Xịt Diệt Côn Trùng Lix (2 mùi hương); Nước rửa chén Lix Siêu Đậm Đặc (chai 750g, can 1,4kg, can 3,5kg, túi chặm thêm 3,2kg); Viên tẩy bồn cầu Lix sạch khuẩn khử mùi (55g x 4 viên); Bột tẩy lồng máy giặt Lix; Nước rửa xe bột tuyết Lix; Nước vệ sinh và khử mùi nội thất Lix; Nước dưỡng da nội thất Lix; Nước lau kính xe hơi Lix.

Dòng Bondy Care, Bondy Mist: Bondy Care Men tắm gội rửa mặt (8 mùi hương No.1–No.8); Dầu tắm gội Bondy Care hương hoa hồng (2 mùi hương); Sữa tắm Bondy Care cho nữ (5 mùi hương); Xịt thơm toàn thân Hair & Body Mist (8 mùi hương) và phiên bản cho nữ (5 mùi hương).

Nhóm sản phẩm giặt tẩy và chăm sóc gia đình khác: Bột giặt Siêu Sạch; Bột giặt Yes Tiết kiệm; Nước giặt Siêu Sạch (3 mùi hương); Nước rửa chén Siêu Sạch (4 mùi hương); Nước rửa chén Yes Tiết kiệm (3 mùi hương); Nước lau sàn Siêu Sạch (7 mùi hương).

Việc liên tục nghiên cứu và phát triển các sản phẩm mới trong năm 2025 không chỉ giúp LIXCO đa dạng hóa danh mục sản phẩm, đáp ứng linh hoạt nhu cầu sử dụng của người tiêu dùng, mà còn góp phần nâng cao giá trị gia tăng, mở rộng tệp khách hàng mục tiêu và tăng cường năng lực cạnh tranh của Công ty trên thị trường hàng tiêu dùng nhanh.



BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

NHỮNG CẢI TIẾN VỀ CƠ CẤU TỔ CHỨC, CHÍNH SÁCH, QUẢN LÝ



Về công tác Marketing

Trong năm 2025, hoạt động Marketing của LIXCO được triển khai bám sát định hướng phát triển thương hiệu và hỗ trợ hoạt động kinh doanh trong bối cảnh thị trường hàng tiêu dùng tiếp tục cạnh tranh gay gắt. Công ty tập trung vào việc mở rộng độ phủ thương hiệu, gia tăng mức độ nhận diện sản phẩm và tăng cường sự kết nối với người tiêu dùng, thông qua việc triển khai đồng bộ các hoạt động Marketing truyền thống và Digital Marketing cho các nhãn hàng Lix, ON1, Iron & Stone và Bondy Care.



Đối với công tác Marketing truyền thống:

LIXCO tiếp tục duy trì và mở rộng các hoạt động truyền thông thông qua báo chí, tạp chí chuyên ngành và các sự kiện xúc tiến thương mại. Trong năm, Công ty đã thực hiện truyền thông trên nhiều cơ quan báo chí uy tín như Thế Giới Hội Nhập, Tạp chí Công Thương, Báo Kiểm Toán, Báo Kinh Tế & Đô Thị, Tuổi Trẻ Thủ Đô và Tạp chí Vinachem. Bên cạnh đó, LIXCO tham gia Triển lãm Thành tựu Kinh tế – Xã hội kỷ niệm 80 năm Quốc khánh và Hội chợ Mùa Thu 2025 tại Trung tâm Triển lãm Quốc gia, qua đó giới thiệu sản phẩm, tăng cường kết nối với người tiêu dùng và đối tác, đồng thời góp phần nâng cao hình ảnh thương hiệu gắn liền với chất lượng và uy tín.

Đối với công tác Digital Marketing:

Phòng Marketing tập trung mạnh vào việc quảng bá và truyền thông trên các nền tảng mạng xã hội như Facebook, YouTube, TikTok, triển khai đồng bộ cho các nhãn hàng Lix, ON1, Iron & Stone và Bondy Care. Các hoạt động digital marketing được thiết kế để phù hợp với xu hướng tiêu dùng trực tuyến, nâng cao mức độ nhận diện thương hiệu và duy trì sự hiện diện thường xuyên của các nhãn hàng LIXCO trên các nền tảng số. Công ty đã triển khai nhiều chiến dịch quảng bá, giúp gia tăng sự chú ý đến sản phẩm, đồng thời hỗ trợ mạnh mẽ cho các hoạt động bán hàng qua các kênh phân phối hiện đại.



Về công tác chuyển đổi số

Tiếp tục triển khai thực hiện các dự án phần mềm, hệ thống ERP theo kế hoạch chuyển đổi số của công ty năm 2025:

- Tập trung vào việc tích hợp, chuẩn hóa nguồn dữ liệu từ các phần mềm hiện có. Nghiên cứu áp dụng các công cụ phân tích dữ liệu thông minh để xây dựng hệ thống dashboard báo cáo quản trị tổng quan nhằm hỗ trợ Ban Lãnh đạo ra quyết định nhanh chóng, chính xác dựa trên số liệu thời gian thực.
- Phối hợp chặt chẽ với Tập đoàn để vận hành, nâng cấp các tính năng nâng cao cho sàn thương mại điện tử Vinachemmart, hướng tới sự tiện lợi và tối ưu hóa trải nghiệm khách hàng.
- Duy trì đầu tư hạ tầng, nâng cấp hệ thống an toàn thông tin, thường xuyên tổ chức diễn tập ứng cứu sự cố an ninh mạng.
- Tăng cường công tác bảo trì và hỗ trợ vận hành đảm bảo tính sẵn sàng cao của hệ thống thông qua việc thực hiện quy trình bảo trì, bảo dưỡng định kỳ cho toàn bộ trang thiết bị CNTT. Rút ngắn thời gian khắc phục sự cố kỹ thuật để tối ưu hóa hiệu suất làm việc của toàn Công ty.



Về nghiên cứu và phát triển sản phẩm

Công ty tiếp tục ưu tiên và tạo điều kiện thuận lợi cho công tác nghiên cứu và phát triển sản phẩm (R&D) nhằm đảm bảo sự đổi mới liên tục, nâng cao chất lượng sản phẩm và đáp ứng kịp thời nhu cầu ngày càng đa dạng của thị trường. Việc tiếp cận các công nghệ mới, cải tiến công thức và xu hướng tiêu dùng hiện đại được đẩy mạnh thông qua quá trình nghiên cứu nội bộ kết hợp với sự hợp tác chặt chẽ cùng các đối tác và khách hàng, qua đó góp phần nâng cao năng lực cạnh tranh của sản phẩm.

Đội ngũ Kỹ thuật – R&D với chuyên môn cao và tinh thần chủ động, sáng tạo đã tập trung nghiên cứu, thử nghiệm và hoàn thiện các công thức sản phẩm, đồng thời tối ưu hóa hiệu quả sử dụng và tính an toàn cho người tiêu dùng. Nhờ đó, Công ty có thể nhanh chóng đưa các sản phẩm mới ra thị trường, đáp ứng tốt hơn nhu cầu của nhiều phân khúc khách hàng khác nhau và tiếp tục củng cố vị thế thương hiệu trong ngành hàng chăm sóc gia đình và hóa mỹ phẩm.

Năm 2025, LIXCO tiếp tục đẩy mạnh hoạt động R&D, mở rộng danh mục sản phẩm và gia tăng độ phủ trên các phân khúc chăm sóc gia đình và cá nhân. Các sản phẩm mới được phát triển với mục tiêu đa dạng mùi hương, tối ưu công năng và phù hợp với nhiều phân khúc giá, từ đó nâng cao năng lực cạnh tranh và giá trị thương hiệu LIXCO.

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

NHỮNG CẢI TIẾN VỀ CƠ CẤU TỔ CHỨC, CHÍNH SÁCH, QUẢN LÝ

Về công tác quản lý chất lượng

Dưới sự chỉ đạo của Ban Tổng Giám đốc tích cực chỉ đạo chú trọng trong công tác quản lý chất lượng sản phẩm, kết quả đạt được như sau:

- Duy trì hiệu lực các hệ thống quản lý chất lượng theo ISO 9001:2015, ISO 22716:2007, GMPC tại các nhà máy và hệ thống an toàn sản phẩm theo tiêu chuẩn BRC CP 4 Standards tại Chi nhánh Bắc Ninh.
- Thực hiện kiểm soát chất lượng nguyên liệu, bao bì và thành phẩm.
- Tăng cường giám sát tuân thủ quy trình và đào tạo về chất lượng cho các bộ phận sản xuất; duy trì định kỳ hoạt động “Quality Talk” nhằm nâng cao nhận thức và trách nhiệm về chất lượng sản phẩm.
- Tiếp tục đẩy mạnh số hóa công tác quản lý chất lượng, nâng cấp các chức năng kiểm tra trên dây chuyền sản xuất và triển khai số hóa quy trình kiểm soát sản phẩm không phù hợp.
- Đầu tư nâng cấp cơ sở vật chất và trang thiết bị kiểm nghiệm, nâng cao năng lực thử nghiệm và đảm bảo chất lượng sản phẩm.



KẾ HOẠCH SẢN XUẤT KINH DOANH NĂM 2026

Trong bối cảnh thị trường năm 2026 dự báo có nhiều biến động về nhu cầu tiêu dùng nội địa, cạnh tranh gia tăng tại các thị trường xuất khẩu chủ lực, cùng với những thách thức từ yếu tố khí hậu, LIXCO đã xây dựng kế hoạch hành động với các mục tiêu và nhiệm vụ trọng tâm sau:

- 01

Phát triển các dòng sản phẩm mới, đáp ứng nhu cầu đa dạng của khách hàng.
- 02

Đầu tư mạnh vào nghiên cứu, phát triển và ứng dụng công nghệ hiện đại.
- 03

Mở rộng thị trường, đẩy mạnh xuất khẩu sang các khu vực và thị trường tiềm năng.
- 04

Tối ưu hóa quản lý chi phí, tăng cường hiệu quả sản xuất kinh doanh.

Cụ thể, HĐQT và Ban điều hành của LIXCO đã lên kế hoạch sản xuất kinh doanh cụ thể cho năm 2026:

STT	CHỈ TIÊU	ĐVT	Thực hiện 2025	Kế hoạch 2026	% Tăng giảm
1	Sản lượng	Tấn	312.517	326.300	4,41%
2	Doanh thu thuần	Tỷ đồng	3.066	3.352	9,33%
3	Lợi nhuận sau thuế	Tỷ đồng	200	160	-19,92%

CÁC CHIẾN LƯỢC CỤ THỂ ĐỂ THỰC HIỆN KẾ HOẠCH ĐỀ RA



Hoạt động kinh doanh

Thị trường nội địa

Về sản phẩm:

- Công ty tập trung mở rộng các dòng sản phẩm chăm sóc cá nhân và chăm sóc gia đình như Bondy Care, Iron & Stone và các sản phẩm mang thương hiệu Onl và Lix, đồng thời đẩy mạnh hoạt động Marketing và hợp tác với các nhà phân phối để gia tăng độ phủ và mức độ nhận diện thương hiệu.
- Tiếp tục duy trì và gia tăng sản lượng đối với các dòng sản phẩm chủ lực, đồng thời cải tiến công thức, bao bì theo hướng thân thiện môi trường, nâng cao chất lượng và tạo sự khác biệt so với đối thủ cạnh tranh.
- Chính sách giá bán được rà soát, điều chỉnh linh hoạt theo diễn biến thị trường nhằm đảm bảo khả năng cạnh tranh và tối ưu hiệu quả kinh doanh.

Về bán hàng:

- Tiếp tục rà soát, tối ưu và mở rộng danh mục sản phẩm tại các kênh phân phối hiện hữu, đồng thời đẩy mạnh gia tăng thị phần tại thị trường nội địa.
- Công ty chú trọng mở rộng độ phủ tại các khu vực tiềm năng như miền núi, vùng sâu, vùng xa nhằm khai thác hiệu quả thị trường còn dư địa tăng trưởng.
- Công ty tiếp tục phát triển các kênh bán hàng hiện đại, đặc biệt là kênh Horeca và thương mại điện tử, đáp ứng xu hướng tiêu dùng và hành vi mua sắm trực tuyến ngày càng gia tăng. Việc củng cố quan hệ hợp tác với các hệ thống bán lẻ lớn như Co.opmart, WinCommerce, Bách Hóa Xanh, MM Mega và các chuỗi siêu thị khác sẽ tiếp tục được ưu tiên nhằm gia tăng điểm bán và tối ưu trưng bày sản phẩm.

Về hoạt động khác:

- Nâng cao hiệu quả các chương trình khuyến mãi thông qua việc đánh giá định kỳ và tối ưu chi phí theo từng kênh, từng khu vực. Hệ thống quản lý chi phí được tăng cường nhằm kiểm soát hiệu quả ngân sách bán hàng và Marketing.
- Tiếp tục cải thiện chất lượng dịch vụ khách hàng, hoàn thiện quy trình xử lý khiếu nại và rút ngắn thời gian phản hồi, qua đó nâng cao mức độ hài lòng và duy trì sự gắn kết của người tiêu dùng đối với thương hiệu.

Thị trường xuất khẩu

Duy trì và phát triển khách hàng hiện tại: Công ty tập trung thực hiện các giải pháp thị trường cho 2 nhóm nhãn hàng: Lix và OEM. Đối với nhãn hàng Lix, Công ty phối hợp với nhà phân phối ở các thị trường trọng điểm như Campuchia, Philippines, Brunei, các đảo quốc ở Thái Bình Dương, Ca-ri-bê, v.v., thực hiện chiến lược Marketing, tăng cường độ nhận diện thương hiệu. Đối với nhãn hàng OEM, Công ty luôn nỗ lực để hợp tác và cung ứng sản phẩm, dịch vụ, năng lực tốt cho khách hàng, đối tác, thường xuyên theo dõi biến động của tình hình kinh tế, chính trị để hỗ trợ khách hàng kịp thời, đặc biệt là hỗ trợ về giá bán, chi phí vận chuyển, chi phí bán hàng, v.v. khi thị trường khó khăn, đề xuất cải tiến sản phẩm để có giá bán cạnh tranh cho khách hàng.

Đẩy mạnh tìm kiếm khách hàng mới, thị trường mới: Công ty luôn đẩy mạnh thương mại điện tử để tìm kiếm, khai thác khách hàng mới, thị trường mới thông qua các sàn thương mại B2B, các hội chợ, xúc tiến thương mại online và offline của các cơ quan trong và ngoài nước, qua quảng cáo digital, v.v. như Alibaba, Go4worldbusiness, v.v, quảng bá sản phẩm/công ty qua Social Media: Facebook, Tiktok, Linked In, trang vàng, tham tán thương mại, xúc tiến thương mại, hội chợ online và offline,...

Mở rộng hợp tác quốc tế và tham gia hội chợ quốc tế: LIXCO tăng cường tham gia các hội chợ triển lãm quốc tế online hoặc offline phù hợp để gặp gỡ đối tác và khách hàng tiềm năng. Bên cạnh đó, công ty tăng cường công tác Marketing cho các nhãn mới, thị trường mới nhằm quảng bá thương hiệu, hỗ trợ bán hàng tại các quốc gia mục tiêu để nâng cao độ nhận diện và thúc đẩy doanh số.

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

CÁC CHIẾN LƯỢC CỤ THỂ ĐỂ THỰC HIỆN KẾ HOẠCH ĐỀ RA



Hoạt động Marketing

- Tiếp tục đầu tư cho hoạt động Marketing nhằm xây dựng và củng cố hình ảnh thương hiệu các nhãn hàng chăm sóc gia đình và cá nhân; duy trì và gia tăng nhận diện cho các nhãn hàng chủ lực Lix, On1, đồng thời đẩy mạnh quảng bá nhãn hàng mới Bondy Care thông qua các chiến dịch truyền thông tích hợp, kết hợp quảng cáo trực tuyến và quảng cáo ngoài trời.
- Duy trì và tăng cường quảng cáo trên các kênh truyền thông số, bao gồm fanpage các nhãn hàng Lix, On1 và Bondy Care; đẩy mạnh quảng cáo trên Facebook, Google, YouTube, TikTok và các sàn thương mại điện tử, nhằm gia tăng độ tiếp cận, nâng cao nhận diện thương hiệu và thúc đẩy chuyển đổi mua hàng.
- Đầu tư mạnh cho Digital Marketing gắn với thương mại điện tử, hỗ trợ mở rộng tệp khách hàng và nâng cao hiệu quả bán hàng trên các kênh hiện đại.
- Tăng cường truyền thông ngoài trời (out-of-home) và quảng cáo tại điểm bán, tập trung tại các khu vực có mật độ tiêu dùng cao để duy trì sự hiện diện hình ảnh thương hiệu.
- Nghiên cứu, khảo sát và thử nghiệm các ý tưởng quảng cáo mới, phù hợp xu hướng thị trường và hành vi tiêu dùng, đồng thời tối ưu chi phí và nâng cao hiệu quả đầu tư marketing.



Công tác Quản lý chất lượng

- Tiếp tục duy trì hoạt động kiểm tra, đảm bảo chất lượng sản phẩm, đáp ứng các yêu cầu về quản lý chất lượng tại công ty và theo yêu cầu của khách hàng.
- Tiếp tục phối hợp với Xưởng sản xuất Thủ Đức, Bình Dương, Bắc Ninh thực hiện chương trình đào tạo nâng cao về chất lượng cho đội ngũ công nhân sản xuất.
- Duy trì thực hiện audit giám sát việc tuân thủ các quy định về đảm bảo chất lượng chất lượng trên dây chuyền sản xuất kết hợp ghi nhận, đánh giá các hành vi chất lượng - QBO (Quality Behavior Observation) nhằm ngăn chặn, phòng ngừa lỗi chất lượng.
- Duy trì hiệu lực vận hành Hệ thống quản lý chất lượng theo ISO 9001, Hệ thống thực hành sản xuất tốt theo ISO 22716, GMPC, Hệ thống an toàn sản phẩm BRC CP 4 Standard tại 3 nhà máy.

Công tác vật tư

Để đảm bảo cung cấp đầy đủ và kịp thời nguyên vật liệu trong năm 2026, Công ty thực hiện các công tác như sau:

- Chú trọng công tác quản trị mua sắm và cung ứng nguyên vật liệu theo hướng chủ động và linh hoạt. Công ty thường xuyên theo dõi kế hoạch sản xuất, nhu cầu tiêu thụ thực tế để điều chỉnh khối lượng mua phù hợp, đồng thời duy trì mức dự trữ nguyên vật liệu hợp lý trong khả năng kho bãi nhằm hạn chế rủi ro gián đoạn nguồn cung.

Công tác cải tiến và phát triển sản phẩm

- Tiếp tục nghiên cứu, thử nghiệm và hoàn thiện các công thức sản phẩm mới theo kế hoạch phát triển của Công ty và nhu cầu thị trường; trọng tâm là các dòng sản phẩm chăm sóc cá nhân, đồng thời duy trì phát triển các sản phẩm homecare nhằm đa dạng hóa danh mục sản phẩm.
- Triển khai các dự án cải tiến công thức sản phẩm, nghiên cứu và sử dụng nguồn nguyên liệu thay thế phù hợp nhằm nâng cao hiệu quả sản xuất và tối ưu chi phí.
- Đẩy mạnh số hóa trong quản lý sản phẩm và chất lượng, bao gồm quản lý dữ liệu nguyên vật liệu, bao bì theo mã vật tư và chuẩn hóa quy trình đóng gói theo mã thành phẩm trên hệ thống quản lý.
- Duy trì giám sát và kiểm soát định mức sử dụng nguyên vật liệu, đảm bảo tiêu hao trong giới hạn cho phép và nâng cao hiệu quả kiểm soát chất lượng sản phẩm tại các nhà máy.

- Tiếp tục đẩy mạnh tìm kiếm và đánh giá các nhà cung cấp mới nhằm đa dạng hóa nguồn cung, đồng thời thường xuyên cập nhật diễn biến giá nguyên vật liệu trên thị trường, đặc biệt là các nhóm nguyên liệu có mức biến động cao như hương liệu. Công ty chủ động thương lượng với nhà cung cấp về tiến độ giao hàng để giảm áp lực kho bãi.

ĐỊNH HƯỚNG QUẢN TRỊ HIỆU QUẢ KHẲNG ĐỊNH UY TÍN THƯƠNG HIỆU



04

ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Đánh giá của HĐQT về các mặt hoạt động của Công ty	124
Đánh giá của HĐQT về Ban Tổng Giám đốc Công ty	127
Các kế hoạch, định hướng của Hội đồng quản trị	128

ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ CÁC MẶT HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

Hội đồng quản trị đã luôn theo sát các biến động của thị trường, triển vọng kinh tế vĩ mô trong nước, hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty để đưa ra những định hướng chỉ đạo phù hợp, linh hoạt, đảm bảo an toàn trong sản xuất kinh doanh và mở rộng thị trường, tối đa hóa hiệu quả. Với sự hỗ trợ của Quý Cổ đông, Quý Khách hàng/Đối tác và nỗ lực vượt bậc, đoàn kết một lòng, tập thể CB-CNV Công ty đã hoàn thành các nhiệm vụ và chỉ tiêu kế hoạch kinh doanh do ĐHQĐ giao phó.



3.066

TỶ ĐỒNG

DOANH THU THUẦN CỦA
LIXCO NĂM 2025



253

TỶ ĐỒNG

LỢI NHUẬN TRƯỚC THUẾ
CỦA LIXCO NĂM 2025

CÔNG TÁC AN TOÀN SẢN XUẤT

Công ty luôn coi an toàn lao động là yếu tố quan trọng hàng đầu trong hoạt động kinh doanh. Để đảm bảo an toàn cho người lao động, Công ty đã không ngừng duy trì và cải tiến phương pháp vận hành, thực hiện các biện pháp cắt giảm chi phí hoạt động nhằm tạo ra kết quả sản xuất tối ưu và an toàn.

Ngoài ra, Công ty cũng thường xuyên tổ chức các khóa đào tạo an toàn lao động cho người lao động, tổ chức huấn luyện ATVSLĐ cho CB - CNV làm công việc có yêu cầu nghiêm ngặt về ATVSLĐ, duy trì kiểm tra các hành động và điều kiện không an toàn hằng ngày trong Công ty đồng thời phối hợp với cơ quan địa phương diễn tập phòng cháy chữa cháy tại nhà máy. Qua đó, Công ty mong muốn nâng cao nhận thức và kỹ năng an toàn lao động cho người lao động, góp phần phòng ngừa tai nạn lao động và cháy nổ.

QUẢN TRỊ DOANH NGHIỆP

Hoạt động quản trị doanh nghiệp được đặc biệt chú trọng trong bối cảnh Công ty đang từng bước hiện thực hóa chiến lược phát triển đến năm 2030 và tầm nhìn 2040. Theo đó, LIXCO đã đẩy mạnh triển khai các công tác chuyển đổi số và không ngừng cải thiện Văn hóa doanh nghiệp để phát huy tiềm năng của các Giá trị cốt lõi của Công ty, gia tăng hiệu quả sản xuất kinh doanh.

QUAN HỆ KHÁCH HÀNG

Trong năm 2025, Công ty tiếp tục đẩy mạnh hệ thống phân phối trên nhiều kênh bán hàng khác nhau, điều này đã giúp kết quả kinh doanh cải thiện đáng kể so với năm trước. Bên cạnh việc mở rộng các điểm bán hàng, Công ty còn tập trung nghiên cứu, thử nghiệm và vận hành những phần mềm quản lý hệ thống bán hàng mới, kết hợp với việc quản lý và phát triển danh mục khách hàng siêu thị, HRC, nhà phân phối truyền thống.

QUẢN TRỊ CHẤT LƯỢNG

Trong năm 2025, công tác quản lý chất lượng của Công ty tiếp tục được chú trọng triển khai và đạt nhiều kết quả tích cực dưới sự chỉ đạo của Hội đồng quản trị. Công ty duy trì hiệu lực vận hành Hệ thống quản lý chất lượng ISO 9001:2015, ISO 22716:2007, GMPC tại các nhà máy Thủ Đức và Bình Dương, đồng thời duy trì Hệ thống an toàn sản phẩm theo tiêu chuẩn BRC CP 4 Standards tại Chi nhánh Bắc Ninh, đảm bảo yêu cầu chất lượng sản phẩm.

Nguyên liệu, bao bì và thành phẩm được kiểm tra 100% lô hàng, với tỷ lệ đạt trên 99,7%; các sự cố không phù hợp được xử lý kịp thời trên dây chuyền sản xuất. Kết quả năm 2025 cho thấy tỷ lệ lô sản phẩm không phù hợp giảm 25% và số khiếu nại khách hàng giảm 30% so với năm 2024.

Phòng Quản lý chất lượng tiếp tục giám sát tuân thủ quy trình tại các công đoạn sản xuất và kho lưu trữ, phối hợp đánh giá nhà cung cấp, đào tạo chất lượng cho các tổ sản xuất và duy trì định kỳ các buổi “Quality Talk” nhằm nâng cao nhận thức về hành vi chất lượng (QBO). Trong tháng 11/2025, Công ty tổ chức Tuần lễ chất lượng với chủ đề “Chất lượng tạo sức hấp dẫn ngay trên kệ hàng”.

Về số hóa, Chương trình Quản lý chất lượng tiếp tục được nâng cấp với các chức năng kiểm tra chất lượng trên dây chuyền, kiểm tra mẫu nguyên liệu, bao bì; đồng thời triển khai số hóa Quy trình 8.7 – Kiểm soát đầu ra không phù hợp và bổ sung chức năng báo cáo tổng hợp. Công ty cũng nâng cấp phòng kiểm tra hóa lý, vi sinh tại Chi nhánh Bình Dương và bổ sung thiết bị đo cho Phòng KCS Thủ Đức, góp phần nâng cao năng lực thử nghiệm và đảm bảo chất lượng sản phẩm.

QUẢN TRỊ NHÂN SỰ

Công ty tiếp tục theo dõi, cập nhật và áp dụng các phương pháp quản trị nhân sự phù hợp với tình hình thực tế, nhằm bảo đảm hệ thống quản trị nhân sự được vận hành đồng bộ, hiệu quả và đáp ứng yêu cầu sản xuất kinh doanh.

Trong công tác quản trị nhân sự, Công ty đã tự phát triển và vận hành có hiệu quả các phần mềm nhằm nâng cao hiệu suất làm việc. Cụ thể:

- Về mảng C&B: Phần mềm chấm công tính lương; phần mềm quản lý dữ liệu nhân viên; phần mềm đăng ký phép - học - tăng ca; phần mềm thông tin lương.
- Về mảng Quản trị thành tích: Phần mềm KPI, phần mềm đánh giá năng lực theo khung tiêu chuẩn, phần mềm Thi trắc nghiệm.
- Về mảng đào tạo và tuyển dụng: Phần mềm Tuyển dụng, Phần mềm E-learning.
- Chương trình khảo sát mức độ hài lòng của nhân viên.

Kết quả công tác quản trị nhân sự Công ty thực hiện trong năm:

- Công tác quản trị nhân sự bảo đảm tuân thủ pháp luật lao động, duy trì quan hệ lao động ổn định và đáp ứng yêu cầu vận hành sản xuất kinh doanh của Công ty.
- Các chế độ tiền lương, thưởng và phúc lợi được thực hiện đúng quy định, góp phần ổn định đội ngũ lao động.
- Phần mềm nhân sự được quan tâm chuẩn hóa, từng bước số hóa dữ liệu, nâng cao hiệu quả quản lý và sử dụng nguồn nhân lực.

ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ CÁC MẶT HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

QUAN HỆ NHÀ ĐẦU TƯ

Năm 2025, Công ty tiếp tục đẩy mạnh các hoạt động tương tác với nhà đầu tư, không chỉ nâng cao chất lượng công bố thông tin mà còn tăng cường tính kết nối và minh bạch trong quan hệ cổ đông. Công ty đã đảm bảo việc công bố thông tin đầy đủ, chính xác, kịp thời và tuân thủ đúng các quy định pháp luật, đồng thời mở rộng các kênh truyền thông nhằm đa dạng hóa cách thức tiếp cận thông tin, các nền tảng số, như website, email, hội nghị trực tuyến và các kênh truyền thông xã hội, đã được tận dụng để truyền tải thông tin nhanh chóng, hiệu quả hơn. Nhờ đó, cổ đông và nhà đầu tư có thể tiếp cận thông tin một cách thuận tiện, chính xác và kịp thời, giúp nâng cao hình ảnh minh bạch và hiệu quả của Công ty nói chung, HĐQT và Ban điều hành nói riêng.

TRÁCH NHIỆM VỚI XÃ HỘI VÀ CỘNG ĐỒNG

Công ty luôn đề cao tinh thần sẻ chia và trách nhiệm đối với cộng đồng, tích cực tham gia và đồng hành cùng các hoạt động an sinh – xã hội tại địa phương. Trong năm 2025, LIXCO đã triển khai nhiều chương trình hỗ trợ thiết thực, tập trung vào các gia đình có hoàn cảnh khó khăn, hộ nghèo và các nhóm đối tượng cần được quan tâm. Cụ thể, Công ty đã tổ chức mua quà hỗ trợ các hộ nghèo tại phường Tân Phước Khánh nhân dịp Tết Ất Tỵ 2025 với 100 phần quà; tham gia phong trào “Tháng Nhân đạo” và chương trình “Gian hàng không đồng” tại phường An Bình với 200 phần quà; đồng thời đồng hành cùng “Ngày hội vì cộng đồng phường Linh Xuân” lần thứ nhất năm 2025, trao tặng 300 phần quà là sản phẩm của Công ty cho các hộ nghèo, cận nghèo và người cao tuổi. Bên cạnh đó, Công ty tiếp tục duy trì các hoạt động khuyến học nhằm khích lệ tinh thần học tập của thế hệ trẻ. Thông qua các chương trình trên, LIXCO thể hiện rõ cam kết trách nhiệm xã hội, góp phần lan tỏa giá trị nhân văn và đóng góp tích cực vào sự phát triển bền vững của cộng đồng địa phương.

Ngoài ra, trong năm 2025, Công ty và người lao động đã hỗ trợ đồng bào bị thiệt hại do cơn bão số 10 gây ra với tổng số tiền là 500 triệu đồng và 1.000 phần quà sản phẩm do Công ty tài trợ, cùng kinh phí hỗ trợ gần 200 triệu đồng. Đây là một trong những hành động thiết thực thể hiện trách nhiệm xã hội của LIXCO đối với cộng đồng và sự phát triển bền vững của xã hội.

ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC CỦA CÔNG TY

Căn cứ Điều lệ Công ty, Quy chế nội bộ về quản trị công ty, HĐQT đã thực hiện việc theo dõi, giám sát định kỳ và thường xuyên các hoạt động của Ban Tổng Giám đốc và các công việc quản lý điều hành khác, thông qua các trao đổi, thảo luận, chất vấn Ban Tổng Giám đốc và báo cáo tại các cuộc họp HĐQT định kỳ nhằm đảm bảo tính hiệu lực, hiệu quả, phù hợp và kịp thời, phối hợp với Ban kiểm soát. Công tác giám sát hoạt động của Ban Tổng Giám đốc bao gồm:

- Tổ chức thành công Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025;
- Theo dõi tiến độ thực hiện Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025;
- Thực hiện các chỉ tiêu kế hoạch do Đại hội đồng cổ đông và HĐQT đề ra;
- Theo sát chiến lược, mục tiêu, kế hoạch sản xuất kinh doanh và các chỉ tiêu kinh tế liên quan;
- Lựa chọn đơn vị kiểm toán độc lập năm 2025;
- Chấp hành và tuân thủ các quy định của Luật doanh nghiệp, Điều lệ Công ty và các quy định hiện hành của Nhà nước.

Kết quả thực hiện:

- Các thành viên Ban Tổng Giám đốc đã thực hiện đầy đủ quyền và nhiệm vụ được giao, sử dụng và phát huy tốt các nguồn lực về vốn, tài sản, lao động và thương hiệu của Công ty. Các Quyết định của Ban Tổng Giám đốc được ban hành một cách hợp lệ, đúng thẩm quyền và kịp thời.
- Thực hiện đúng trình tự, thủ tục kết hợp hoạt động giữa HĐQT, BKS và Ban Tổng Giám đốc, công việc điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh của Ban Tổng Giám đốc không bị trở ngại, việc giám sát của HĐQT được duy trì thường xuyên, chặt chẽ đảm bảo hoạt động của Công ty thực hiện đúng nghị quyết của ĐHĐCĐ và HĐQT.



ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

CÁC KẾ HOẠCH, ĐỊNH HƯỚNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

01 VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA HĐQT

Trong năm 2026, HĐQT quyết định tiếp tục bốn định hướng quản trị sau:

- Thực hiện và đảm bảo hoạt động của HĐQT tuân thủ theo đúng các quy định của pháp luật và điều lệ của Công ty.
- Thực hiện đầy đủ các cuộc họp, trao đổi định kỳ đều đặn, nắm bắt kịp thời hoạt động kinh doanh của Công ty, chỉ đạo kịp thời đảm bảo việc hoàn thành kế hoạch sản xuất kinh doanh mà ĐHCĐ giao phó.
- Hoàn thiện và triển khai công tác kiểm toán nội bộ theo đúng quy định pháp luật.
- Tiếp tục cải tiến hoàn thiện bộ máy HĐQT đáp ứng theo yêu cầu của quy định pháp luật về quản trị công ty áp dụng cho công ty đại chúng cũng như tiến tới thông lệ quốc tế.



02 VỀ HOẠT ĐỘNG SXKD

- Đảm bảo hiệu quả hoạt động sản xuất kinh doanh, đẩy mạnh công tác phát triển, mở rộng thị trường, quảng bá thương hiệu LIX.
- Liên tục cập nhật tình hình kinh tế thế giới và diễn biến giá nguyên liệu đầu vào, và xây dựng các chính sách kịp thời để có giải pháp sản xuất kinh doanh phù hợp với tình hình thực tế.
- Tăng cường kiểm tra, giám sát các dự án đầu tư xây dựng và triển khai các giải pháp thiết thực, hiệu quả trong các mặt hoạt động nhằm thực hiện tốt nhất kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2026.



— MINH BẠCH, HIỆU QUẢ —



05
QUẢN TRỊ
CÔNG TY

Hội Đồng Quản Trị	132
Ban Kiểm Soát	138
Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Ban Tổng Giám Đốc và người quản lý khác	141

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

THÀNH PHẦN VÀ CƠ CẤU HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

THÀNH VIÊN	CHỨC VỤ	Số lượng, tỷ lệ cổ phần sở hữu (Cổ phiếu, %)			
		Cá nhân sở hữu	Tỷ lệ	Đại diện sở hữu	Tỷ lệ
Phạm Quốc Đại	Chủ tịch HĐQT	0	0%	13.608.000	21%
Cao Thành Tín	Thành viên HĐQT	0	0%	9.720.000	15%
Bùi Công Thản	Thành viên HĐQT	0	0%	9.720.000	15%
Lê Đình Vỹ	Thành viên HĐQT	0	0%	0	0%
Thiếu Thị Hồng Minh	Thành viên HĐQT	10.000	0,015%	0	0%

NHỮNG THAY ĐỔI TRONG HĐQT NĂM 2025

THÀNH VIÊN	CHỨC VỤ	Ngày bắt đầu/không còn là thành viên HĐQT	
		Ngày bổ nhiệm	Ngày miễn nhiệm
Hà Phước Dư	Thành viên HĐQT	-	25/4/2025
Thiếu Thị Hồng Minh	Thành viên HĐQT	25/4/2025	-

HOẠT ĐỘNG CỦA HĐQT

Bên cạnh các quy định của Luật Doanh nghiệp, Điều lệ hoạt động của Công ty, LIXCO luôn mong muốn vươn tới các thông lệ quản trị tốt nhất và chuẩn mực quản trị tiên tiến trên thế giới. Với kinh nghiệm đa dạng và chuyên sâu trong lĩnh vực sản xuất, các thành viên HĐQT đã thảo luận và tư vấn nhiều vấn đề của Công ty một cách dân chủ, minh bạch, khoa học, kịp thời đưa ra các giải pháp để đảm bảo lợi ích cao nhất cho cổ đông và các bên liên quan.

STT	THÀNH VIÊN HĐQT	Chức vụ	Số buổi họp HĐQT tham dự	Tỷ lệ tham dự	Lý do không tham dự họp
1	Ông Phạm Quốc Đại	Chủ tịch HĐQT	5/5	100%	
2	Ông Cao Thành Tín	Thành viên HĐQT	5/5	100%	
3	Ông Bùi Công Thản	Thành viên HĐQT	5/5	100%	
4	Ông Lê Đình Vỹ	Thành viên HĐQT	5/5	100%	
5	Ông Hà Phước Dư	Thành viên HĐQT	2/5	40%	Miễn nhiệm ngày 25/4/2025
6	Bà Thiếu Thị Hồng Minh	Thành viên HĐQT	4/5	80%	Bổ nhiệm ngày 25/4/2025

HOẠT ĐỘNG CỦA PHÒNG KIỂM TOÁN NỘI BỘ

Phòng Kiểm toán nội bộ đã hoàn thành kế hoạch kiểm toán năm 2025 được Hội đồng quản trị Công ty phê duyệt. Ngoài ra, Phòng kiểm toán nội bộ cũng thực hiện các hoạt động tư vấn khi có yêu cầu từ Hội đồng quản trị, Ban điều hành, các đơn vị trong Công ty.
Người phụ trách Kiểm toán nội bộ tham dự đầy đủ các cuộc họp của Hội đồng quản trị trong kì, tham gia ý kiến khi có yêu cầu, theo chức năng và nhiệm vụ của Phòng kiểm toán nội bộ.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Trong năm 2025, Hội đồng quản trị đã tổ chức 05 phiên họp. Nội dung cụ thể các phiên họp và Nghị quyết được ban hành tương ứng như sau:

STT	SỐ NQ/QĐ	Ngày	Nội dung
1	01/2025/NQ-HĐQT	17/01/2025	Về việc thông qua Báo cáo tài chính năm 2024 của Công ty Cổ phần Bột giặt Lix
2	02/2025/NQ-HĐQT	24/01/2025	Về việc thông qua kết quả kinh doanh quý IV/2024 và cả năm 2024; kế hoạch kinh doanh quý I/2025
3	03/2025/NQ-HĐQT	24/01/2025	Về việc phê duyệt kế hoạch ĐTXD năm 2025
4	04/2025/NQ-HĐQT	24/01/2025	Về việc phê duyệt kế hoạch sửa chữa lớn năm 2025
5	05/2025/NQ-HĐQT	24/01/2025	Về việc kế hoạch quỹ tiền lương năm 2025
6	06/2025/NQ-HĐQT	24/01/2025	Về việc ủy quyền ký hợp đồng vay vốn và đảm bảo cấp tín dụng tại Vietinbank chi nhánh Thủ Đức
7	07/2025/NQ-HĐQT	05/3/2025	Về việc chốt danh sách cổ đông tham dự Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025
8	08/2025/NQ-HĐQT	11/3/2025	Về việc quyết định quỹ tiền lương năm 2024
9	09/2025/NQ-HĐQT	17/3/2025	Về việc phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu lần 2 giai đoạn thực hiện đầu tư dự án “Đầu tư xưởng sản xuất – Kho thành phẩm” tại CTCP Bột giặt Lix – Chi nhánh tại Bắc Ninh
10	10/2025/NQ-HĐQT	04/4/2025	Về việc thông qua tài liệu họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025 của Công ty
11	11/2025/NQ-HĐQT	17/4/2025	Về việc thông qua Báo cáo tài chính Quý I năm 2025 của Công ty Cổ phần Bột giặt Lix
12	12/2025/NQ-HĐQT	28/4/2025	Về việc thông qua kết quả kinh doanh quý I năm 2025; kế hoạch kinh doanh quý II/2025
13	13/2025/NQ-HĐQT	05/5/2025	Về việc phê duyệt điều chỉnh kế hoạch ĐTXD lần 1 năm 2025
14	14/2025/NQ-HĐQT	06/5/2025	Về việc chốt danh sách cổ đông để trả cổ tức đợt cuối năm 2024
15	15/2025/NQ-HĐQT	27/5/2025	Về việc lựa chọn đơn vị kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2025

STT	SỐ NQ/QĐ	Ngày	Nội dung
16	16/2025/NQ-HĐQT	01/7/2025	Về việc sắp xếp, tổ chức bộ máy tại các đơn vị chuyên môn trực thuộc Công ty cổ phần Bột giặt Lix
17	17/2025/NQ-HĐQT	15/7/2025	Về việc thông qua báo cáo tài chính 06 tháng năm 2025 của Công ty cổ phần Bột giặt Lix
18	18/2025/NQ-HĐQT	04/8/2025	Về việc thông qua kết quả kinh doanh quý II và 06 tháng đầu năm 2025; kế hoạch kinh doanh quý III năm 2025
19	19/2025/NQ-HĐQT	04/8/2025	Về việc bổ nhiệm Thư ký Hội đồng quản trị của Công ty cổ phần Bột giặt Lix
20	20/2025/NQ-HĐQT	04/8/2025	Về việc rà soát, bổ sung quy hoạch cán bộ lãnh đạo, quản lý giai đoạn 2021 – 2026 và giai đoạn 2026 – 2031 của Công ty cổ phần Bột giặt Lix
21	21/2025/NQ-HĐQT	14/8/2025	Về việc phê duyệt điều chỉnh kế hoạch ĐTXD lần 2 năm 2025
22	22/2025/NQ-HĐQT	14/8/2025	Về việc phê duyệt điều chỉnh kế hoạch Sửa chữa lớn lần 1 năm 2025
23	23/2025/NQ-HĐQT	06/10/2025	Về việc phê duyệt điều chỉnh kế hoạch ĐTXD lần 3 năm 2025
24	24/2025/NQ-HĐQT	16/10/2025	Về việc thông qua Báo cáo tài chính 9 tháng năm 2025 của Công ty cổ phần Bột giặt Lix
25	25/2025/NQ-HĐQT	23/10/2025	Về việc thông qua kết quả kinh doanh quý III năm 2025; kế hoạch kinh doanh quý IV năm 2025
26	26/2025/NQ-HĐQT	31/10/2025	Về việc sử dụng con dấu mới của Công ty cổ phần Bột giặt Lix
27	27/2025/NQ-HĐQT	18/11/2025	Về việc chấp thuận chủ trương ký hợp đồng giao dịch giữa Công ty cổ phần Bột giặt Lix với “Người có liên quan” năm 2026
28	28/2025/NQ-HĐQT	18/11/2025	Về việc phê duyệt danh sách Nhà cung cấp năm 2026
29	29/2025/NQ-HĐQT	25/12/2025	Về việc chấp thuận chủ trương ký hợp đồng giao dịch giữa Công ty cổ phần Bột giặt Lix với “Người có liên quan”

CÁC TIỂU BAN THUỘC HĐQT

Không có

HOẠT ĐỘNG CỦA THÀNH VIÊN HĐQT ĐỘC LẬP

Trong năm 2025, Hội đồng quản trị của LIXCO có 1 thành viên độc lập là Bà Thiều Thị Hồng Minh. Bà Thiều Thị Hồng Minh đã thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty. Thành viên độc lập của Hội đồng quản trị đóng vai trò quan trọng trong việc giám sát các hoạt động của Hội đồng quản trị và bảo vệ quyền lợi hợp pháp của cổ đông, các bên liên quan, đảm bảo tính minh bạch và công bằng trong các quyết định của Hội đồng quản trị.

Thành viên độc lập đã tham gia tích cực vào các cuộc họp của Hội đồng quản trị, đóng góp ý kiến trong quá trình đánh giá các quyết định chiến lược và quan trọng của công ty. Bà Thiều Thị Hồng Minh cũng đã thực hiện giám sát và đánh giá các hoạt động điều hành của Ban Tổng giám đốc, bảo đảm các quyết định được đưa ra phù hợp với mục tiêu phát triển bền vững và tuân thủ các quy định của pháp luật.

DANH SÁCH CÁC THÀNH VIÊN HĐQT CÓ CHỨNG CHỈ ĐÀO TẠO VỀ QUẢN TRỊ CÔNG TY

Các thành viên trong Ban lãnh đạo thường xuyên tham gia các chương trình về Quản trị Công ty nhằm phát huy năng lực hoạt động, sự đóng góp đối với quá trình hoạt động của LIXCO. Ý thức được vai trò quyết định của đội ngũ lãnh đạo, công tác đào tạo các chứng chỉ, chương trình về quản trị luôn được Công ty chú trọng. Danh sách các thành viên HĐQT có chứng chỉ đào tạo về Quản trị Công ty:

STT	Thành viên HĐQT	Chức vụ
1	Phạm Quốc Đại	Chủ tịch HĐQT
2	Cao Thành Tín	Thành viên HĐQT
3	Bùi Công Thản	Thành viên HĐQT
4	Lê Đình Vỹ	Thành viên HĐQT
5	Thiều Thị Hồng Minh	Thành viên HĐQT



BAN KIỂM SOÁT

Thành viên và cơ cấu của Ban Kiểm soát

THÀNH VIÊN	CHỨC VỤ	Số lượng, tỷ lệ cổ phần sở hữu (Cổ phiếu, %)			
		Cá nhân sở hữu	Tỷ lệ	Đại diện sở hữu	Tỷ lệ
Trương Thị Trâm	Trưởng BKS	0	0%	0	0%
Nguyễn Thị Thúy Vân	Thành viên BKS	7.200	0,01%	0	0%
Phạm Thị Huyền	Thành viên BKS	0	0%	0	0%

Những thay đổi thành viên Ban kiểm soát trong năm 2025

Trong năm 2025, Công ty không có thay đổi nhân sự BKS.

Hoạt động của Ban Kiểm soát

Hoạt động giám sát của Ban Kiểm soát đối với HĐQT, Ban Tổng giám đốc

- Hội đồng quản trị đã tổ chức các cuộc họp theo quy định của Điều lệ, Quy chế nội bộ về quản trị công ty. Ban kiểm soát đánh giá hoạt động của Hội đồng quản trị trong năm phù hợp với quy định của pháp luật và Công ty, đáp ứng kịp thời yêu cầu hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.
- Hội đồng quản trị đã ban hành nhiều Nghị quyết và Quyết định liên quan đến hoạt động của Công ty trong phạm vi trách nhiệm và thẩm quyền của Hội đồng quản trị. Các Nghị quyết, Quyết định của Hội đồng quản trị ban hành đúng trình tự, đúng thẩm quyền và phù hợp với căn cứ pháp lý theo quy định của pháp luật và Công ty.
- Ban kiểm soát ghi nhận không có điều gì bất thường trong hoạt động của các Thành viên Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc cũng như các bộ phận quản lý của Công ty.
- Ban kiểm soát nhận thấy tình hình thực hiện công tác báo cáo, công bố thông tin của Công ty trong năm 2025 là đúng quy định.

Đánh giá sự phối hợp hoạt động giữa Ban Kiểm soát, HĐQT và Ban Tổng Giám đốc và cổ đông

- Trong năm 2025, Ban kiểm soát được Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc tạo điều kiện thuận lợi trong việc cung cấp đầy đủ các thông tin về tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh và tình hình tài chính của Công ty.
- Ban kiểm soát được mời tham dự tất cả các cuộc họp của Hội đồng quản trị, tham gia ý kiến theo chức năng và nhiệm vụ của Ban kiểm soát.
- Ban kiểm soát đã phối hợp chặt chẽ với Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc nhưng vẫn duy trì sự độc lập của mình trong việc thực hiện chức năng nhiệm vụ được giao, phối hợp trong hoạt động kiểm tra, giám sát và kiểm soát nội bộ.
- Ban Kiểm soát cũng không nhận được kiến nghị nào của cổ đông về sai phạm của HĐQT, Ban Tổng Giám đốc, Ban Kiểm soát trong suốt quá trình thực hiện nhiệm vụ.

Số lượng các cuộc họp Ban Kiểm soát

STT	THÀNH VIÊN	Chức vụ	Số buổi họp tham dự	Tỷ lệ tham dự	Lý do không tham dự
1	Trương Thị Trâm	Trưởng ban	5/5	100%	
2	Nguyễn Thị Thúy Vân	Thành viên	5/5	100%	
3	Phạm Thị Huyền	Thành viên	5/5	100%	

Ban Kiểm soát đã tổ chức 05 phiên họp. Nội dung cụ thể các phiên họp được ban hành tương ứng như sau:

STT	NỘI DUNG	Ngày	Nội dung chi tiết	Kết quả
1	Cuộc họp 1	20/02/2025	- Thẩm định Báo cáo tài chính năm 2024 của Công ty Cổ phần Bột giặt Lix được Ban điều hành lập ngày 20 tháng 02 năm 2025 và được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C ngày 20 tháng 02 năm 2025. - Thống nhất Báo cáo của Ban kiểm soát về kiểm soát việc theo dõi thu hồi công nợ, trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi; trích lập và sử dụng các quỹ của Công ty năm 2024. - Thống nhất Báo cáo của Ban kiểm soát về kiểm soát việc đầu tư vốn tại Công ty TNHH Xalivico năm 2024. - Thống nhất Báo cáo của Ban kiểm soát về Giám sát việc thực hiện kiến nghị của các đoàn thanh tra, kiểm toán năm 2024.	Kết quả các nội dung cuộc họp đều được 100% thống nhất

BAN KIỂM SOÁT

Hoạt động của Ban Kiểm soát

STT	NỘI DUNG	Ngày	Nội dung chi tiết	Kết quả
2	Cuộc họp 2	03/04/2025	• Tổng nhất nội dung Báo cáo hoạt động của Ban Kiểm soát năm 2024 để trình bày trước Đại hội cổ đông thường niên năm 2025. • Xem xét thông tin về việc bầu bổ sung thành viên HĐQT độc lập trong ĐHĐCĐ năm 2025 theo đúng quy định hiện hành. • Tổng nhất tài liệu phục vụ Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025.	Kết quả các nội dung cuộc họp đều được 100% kiểm soát viên thống nhất
3	Cuộc họp 3	25/04/2025	• Xem xét các nội dung kế hoạch hoạt động của BKS năm 2025; • Tổng nhất phân công nhiệm vụ của thành viên BKS trong năm 2025.	Kết quả các nội dung cuộc họp đều được 100% kiểm soát viên thống nhất
4	Cuộc họp 4	28/07/2025	• Tổng nhất nội dung Báo cáo của Ban kiểm soát về thẩm định Báo cáo tài chính bán niên năm 2025 được lập ngày 28/7/2025; • Tổng nhất nội dung Báo cáo Kiểm soát việc đầu tư vốn vào doanh nghiệp khác của Công ty (đầu tư vốn vào Công ty TNHH Xalivico) 6 tháng đầu năm 2025; • Tổng nhất nội dung với Báo cáo của Ban kiểm soát về việc kiểm soát việc theo dõi thu hồi công nợ, trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi; trích lập và sử dụng các quỹ của Công ty 6 tháng đầu năm 2025; • Tổng nhất nội dung với Báo cáo của Ban kiểm soát về Giám sát việc thực hiện kiến nghị của các đoàn thanh tra, kiểm toán trong 6 tháng đầu năm 2025.	Kết quả các nội dung cuộc họp đều được 100% kiểm soát viên thống nhất
5	Cuộc họp 5	31/12/2025	• Cập nhật thông tin và xem xét tình hình đầu tư vốn vào Công ty TNHH Xalivico trong năm 2025. • Rà soát, xem xét việc cập nhật, bổ sung, ban hành mới các quy chế hiện hành của Công ty.	Kết quả các nội dung cuộc họp đều được 100% kiểm soát viên thống nhất

Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát, Ban Tổng Giám đốc và người quản lý khác

ĐVT: Đồng			
STT	Họ và tên	Chức danh	Lương, thưởng, thù lao và các khoản lợi ích
I HĐQT và Ban Tổng Giám đốc			
1	Phạm Quốc Đại	Chủ tịch HĐQT	456.777.777
2	Cao Thành Tín	Thành viên HĐQT kiêm Tổng Giám đốc	2.236.060.249
3	Bùi Công Thản	Thành viên HĐQT kiêm Phó Tổng Giám đốc	1.942.554.251
4	Lê Đình Vỹ	Thành viên HĐQT kiêm Phó Tổng Giám đốc	1.942.554.251
5	Thiều Thị Hồng Minh	Thành viên HĐQT độc lập	54.000.000
6	Hà Phước Dư	Thành viên HĐQT	2.066.040.651
7	Phạm Thị Kim Hồng	Kế toán trưởng	1.676.906.249
8	Đào Châu Minh Khang	Trưởng phòng kiểm toán nội bộ	825.491.764
II Ban Kiểm soát			
1	Trương Thị Trâm	Trưởng BKS	933.257.072
2	Nguyễn Thị Thúy Vân	Thành viên BKS	989.690.298
3	Phạm Thị Huyền	Thành viên BKS	225.666.666

Giao dịch cổ phiếu của người nội bộ Không có

HỢP ĐỒNG GIAO DỊCH VỚI NGƯỜI CÓ LIÊN QUAN

Giao dịch giữa công ty với người có liên quan của công ty; hoặc giữa công ty với cổ đông lớn, người nội bộ, người có liên quan của người nội bộ

STT	Tên tổ chức/cá nhân	Mối quan hệ liên quan với công ty	Địa chỉ trụ sở chính/ Địa chỉ liên hệ	Địa chỉ trụ sở chính	Thời điểm giao dịch với công ty	Số Nghị quyết/ Quyết định	Nội dung, số lượng, tổng giá trị giao dịch
1	Ông Phạm Quốc Đại	Người nội bộ	-	-	Năm 2025	NQ 01/2025/NQ- ĐHĐCĐ ngày 25/04/2025	Thưởng, thù lao, 456.777.777 đồng
2	Ông Cao Thành Tín	Người nội bộ	-	-	Năm 2025	NQ 01/2025/NQ- ĐHĐCĐ ngày 25/04/2025	Lương, thưởng, thù lao, 2.236.060.249 đồng
3	Ông Bùi Công Thản	Người nội bộ	-	-	Năm 2025	NQ 01/2025/NQ- ĐHĐCĐ ngày 25/04/2025	Lương, thưởng, thù lao, 1.942.554.251 đồng
4	Ông Lê Đình Vỹ	Người nội bộ	-	-	Năm 2025	NQ 01/2025/NQ- ĐHĐCĐ ngày 25/04/2025	Lương, thưởng, thù lao, 1.942.554.251 đồng
5	Ông Hà Phước Dư	Người nội bộ	-	-	Năm 2025	NQ 01/2024/NQ-ĐHĐCĐ ngày 26/04/2024	Lương, thưởng, thù lao, 2.066.040.651 đồng
6	Bà Thiều Hồng Minh	Người nội bộ	-	-	Năm 2025	NQ 01/2025/NQ- ĐHĐCĐ ngày 25/04/2025	Thưởng, thù lao, 54.000.000 đồng
7	Bà Trương Thị Trâm	Người nội bộ	-	-	Năm 2025	NQ 01/2025/NQ- ĐHĐCĐ ngày 25/04/2025	Lương, thưởng, thù lao, 933.257.072 đồng
8	Bà Nguyễn Thị Thúy Vân	Người nội bộ	-	-	Năm 2025	NQ 01/2025/NQ- ĐHĐCĐ ngày 25/04/2025	Lương, thưởng, thù lao, 989.690.298 đồng
9	Bà Phạm Thị Huyền	Người nội bộ	-	-	Năm 2025	NQ 01/2025/NQ- ĐHĐCĐ ngày 25/04/2025	Thưởng, thù lao 225.666.666 đồng
10	Bà Phạm Thị Kim Hồng	Người nội bộ	-	-	Năm 2025	-	Lương, thưởng, 1.676.906.249 đồng
11	Ông Đào Châu Minh Khang	Người nội bộ	-	-	Năm 2025	-	Lương, thưởng, 825.491.764 đồng
12	Ông Huỳnh Thế Hiển	Người nội bộ	-	-	Năm 2025	-	Lương, thưởng, 266.998.921 đồng

HỢP ĐỒNG GIAO DỊCH VỚI NGƯỜI CÓ LIÊN QUAN

Giao dịch giữa công ty với người có liên quan của công ty; hoặc giữa công ty với cổ đông lớn, người nội bộ, người có liên quan của người nội bộ

STT	Tên tổ chức/cá nhân	Mối quan hệ liên quan với công ty	Số giấy NSH	Địa chỉ trụ sở chính	Thời điểm giao dịch với công ty	Số Nghị quyết/ Quyết định	Nội dung, số lượng, tổng giá trị giao dịch
13	CTCP XNK Hóa chất Miền Nam	Công ty trong cùng tập đoàn	0305083191	130 Trần Hưng Đạo, Phường Bến Thành, Thành phố Hồ Chí Minh	Năm 2025	NQ 29/2024/ NQ-HĐQT ngày 07/11/2024	Mua Sulfate, tripoly, 55.500.927.000 đồng
14	CTCP Hóa chất cơ bản miền Nam	Công ty trong cùng tập đoàn	0301446260	22 Lý Tự Trọng, Phường Sài Gòn, Thành phố Hồ Chí Minh	Năm 2025	NQ 29/2024/ NQ-HĐQT ngày 07/11/2024	Mua Javel, Soude lỏng 30.031.159.700 đồng Bán bột giặt, chất tẩy rửa lỏng 311.118.825 đồng
15	CTCP Vật tư và XNK hóa chất	Công ty trong cùng tập đoàn	0100102414	Số 4 Phạm Ngũ Lão, Phường Cửa Nam, Thành phố Hà Nội	Năm 2025	NQ 29/2024/ NQ-HĐQT ngày 07/11/2024	Mua Silicate, 1.156.808.000 đồng
16	CTCP Hóa chất Việt Trì	Công ty trong cùng tập đoàn	2601040339	Phố Sông Thao, Phường Thanh Miếu, Tỉnh Phú Thọ	Năm 2025	NQ 29/2024/ NQ-HĐQT ngày 07/11/2024	Mua Soude 32%, 2.674.794.600 đồng
17	CTCP Xà phòng Hà Nội	Công ty trong cùng tập đoàn	0100100311	Số 233B, đường Nguyễn Trãi, Phường Khương Đình, Thành phố Hà Nội	Năm 2025	NQ 29/2024/ NQ-HĐQT ngày 07/11/2024	Mua vật tư, xà bông thơm 674.455.980 đồng Bán vật tư, chi phí xử lý hàng 543.272.580 đồng
18	CTCP Phân bón Miền Nam	Công ty trong cùng tập đoàn	0300430500	125B Cách Mạng Tháng Tám, Phường Bàn Cờ, Thành phố Hồ Chí Minh	Năm 2025	NQ 29/2024/ NQ-HĐQT ngày 07/11/2024	Bán bột giặt 79.166.333 đồng
19	Trung tâm thương mại và dịch vụ hóa chất	Công ty trong cùng tập đoàn	0116000037	Số 3B Đặng Thái Thân, Phường Cửa Nam, Thành phố Hà Nội	Năm 2025	NQ 29/2025/ NQ-HĐQT ngày 25/12/2025	Phí hỗ trợ vận hành 176.028.704 đồng

Giao dịch giữa người nội bộ công ty, người có liên quan của người nội bộ với công ty con, công ty do công ty nắm quyền kiểm soát: Không có

QUẢN TRỊ CÔNG TY

ĐÁNH GIÁ VIỆC THỰC HIỆN CÁC QUY ĐỊNH VỀ QUẢN TRỊ CÔNG TY

CTCP Bột giặt Lix luôn nỗ lực xây dựng hệ thống quản trị theo các thông lệ quản trị tốt nhất và tiếp cận các chuẩn mực quốc tế. Công tác quản trị công ty tại LIXCO được xây dựng trên 4 yếu tố cốt lõi được chấp nhận chung trên toàn cầu là:



CÔNG BẰNG

Bảo vệ quyền lợi của cổ đông và đảm bảo sự đối xử công bằng đối với mọi cổ đông, kể cả cổ đông thiểu số và cổ đông nước ngoài.



MINH BẠCH

Đảm bảo việc công bố thông tin về mọi vấn đề trọng yếu liên quan đến công ty bao gồm tình hình tài chính, cấu trúc quản trị, tình hình hoạt động, và sở hữu công ty kịp thời và chính xác.



TRÁCH NHIỆM

Công nhận quyền của các bên có quyền lợi liên quan đã được pháp luật quy định, khuyến khích sự hợp tác tích cực giữa công ty và các bên có quyền lợi liên quan trong việc tạo lập tài sản, việc làm, và đảm bảo sự ổn định.



GIẢI TRÌNH

Hội đồng quản trị phải đảm bảo định hướng chiến lược của công ty, giám sát Ban Tổng Giám đốc hiệu quả và trách nhiệm của mình đối với công ty cũng như các cổ đông.

BẢY NGUYÊN TẮC QUẢN TRỊ CÔNG TY CỦA CTCP BỘT GIẶT LIX QUY ĐỊNH RÕ TẠI QUY CHẾ QUẢN TRỊ NỘI BỘ CỦA CÔNG TY VÀ ĐƯỢC ĐHCĐ THÔNG QUA, BAO GỒM:



06

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Báo cáo của Ban Tổng giám đốc	150
Báo cáo kiểm toán độc lập	153
Báo cáo tài chính được kiểm toán	154



BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Bột giặt Lix (sau đây gọi tắt là “Công ty”) trình bày báo cáo của mình cùng với Báo cáo tài chính tổng hợp cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025.

Khái quát về Công ty
Công ty Cổ phần Bột giặt Lix hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0301444263, đăng ký lần đầu ngày 30 tháng 9 năm 2003 và đăng ký thay đổi lần thứ 14 ngày 15 tháng 8 năm 2025 do Sở Tài chính TP. Hồ Chí Minh cấp.

Ngày 10 tháng 12 năm 2009, cổ phiếu của Công ty chính thức được niêm yết trên Sở Giao dịch chứng khoán TP. Hồ Chí Minh theo Quyết định số 150/QĐ-SGDHCM ngày 01 tháng 12 năm 2009 của Sở Giao dịch chứng khoán TP. Hồ Chí Minh với mã chứng khoán là LIX.

Vốn điều lệ của Công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp: 648.000.000.000 VND.

Trụ sở chính
- Địa chỉ : Số 03, đường số 02, khu phố 28, phường Linh Xuân, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam.
- Điện thoại : (84-28) 38.966.803
- Fax : (84-28) 38.967.522
- Website : www.lixco.com

Công ty có các đơn vị trực thuộc sau:

Tên đơn vị	Địa chỉ
Chi nhánh Bình Dương	A-6, A-12, Khu công nghiệp Đại Đăng, phường Bình Dương, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam.
Chi nhánh Bắc Ninh	Lô II - 1.1, Khu công nghiệp Quế Võ 2, phường Đào Viên, tỉnh Bắc Ninh, Việt Nam.
Văn phòng đại diện tại TP. Hồ Chí Minh	LD-02.05, Tòa nhà Lexington, 67 Mai Chí Thọ, phường Bình Trưng, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam.
Địa điểm kinh doanh tại TP. Hà Nội	Số nhà 820-822 đường La Thành, phường Giảng Võ, TP. Hà Nội, Việt Nam.

Hoạt động kinh doanh của Công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp là: Sản xuất chất tẩy rửa tổng hợp và mỹ phẩm; Sản xuất các loại hóa chất (trừ hóa chất có tính độc hại mạnh); Kinh doanh các loại hóa chất (trừ hóa chất có tính độc hại mạnh), bao bì. Kinh doanh xuất nhập khẩu (trừ xuất khẩu, nhập khẩu, phân phối hàng hóa thuộc danh mục hàng hóa nhà đầu tư nước ngoài, tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài không được thực hiện quyền xuất khẩu, quyền nhập khẩu, quyền phân phối); Kinh doanh bất động sản (trừ đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng nghĩa trang, nghĩa địa để chuyển nhượng quyền sử dụng đất gắn liền với hạ tầng).

Hội đồng quản trị và Ban điều hành, quản lý
Các thành viên Hội đồng quản trị và Ban điều hành, quản lý của Công ty trong năm và cho đến thời điểm lập báo cáo này bao gồm:

Hội đồng quản trị		
Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm/tái bổ nhiệm/miễn nhiệm
Ông Phạm Quốc Đại	Chủ tịch	Tái bổ nhiệm ngày 28 tháng 4 năm 2022
Ông Cao Thành Tín	Thành viên	Tái bổ nhiệm ngày 28 tháng 4 năm 2022
Ông Bùi Công Thân	Thành viên	Tái bổ nhiệm ngày 28 tháng 4 năm 2022
Ông Lê Đình Vỹ	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 28 tháng 4 năm 2022
Bà Thiều Thị Hồng Minh	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 25 tháng 4 năm 2025
Ông Hà Phước Dư	Thành viên	Miễn nhiệm ngày 25 tháng 4 năm 2025

Phòng kiểm toán nội bộ trực thuộc Hội đồng quản trị
Người phụ trách Kiểm toán nội bộ của Công ty trong năm và cho đến thời điểm lập báo cáo là ông Đào Châu Minh Khang (bổ nhiệm ngày 01 tháng 3 năm 2024).

Ban kiểm soát		
Họ và tên	Chức vụ	Ngày tái bổ nhiệm
Bà Trương Thị Trâm	Trưởng ban	Tái bổ nhiệm ngày 28 tháng 4 năm 2022
Bà Nguyễn Thị Thúy Vân	Thành viên	Tái bổ nhiệm ngày 28 tháng 4 năm 2022
Bà Phạm Thị Huyền	Thành viên	Tái bổ nhiệm ngày 28 tháng 4 năm 2022

Ban Tổng Giám đốc		
Họ và tên	Chức vụ	Ngày tái bổ nhiệm
Ông Cao Thành Tín	Tổng Giám đốc	Tái bổ nhiệm ngày 15 tháng 02 năm 2023
Ông Bùi Công Thân	Phó Tổng Giám đốc	Tái bổ nhiệm ngày 16 tháng 4 năm 2022
Ông Lê Đình Vỹ	Phó Tổng Giám đốc	Tái bổ nhiệm ngày 22 tháng 6 năm 2021

Đại diện theo pháp luật
Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong năm và cho đến thời điểm lập báo cáo là ông Cao Thành Tín - Tổng Giám đốc (tái bổ nhiệm ngày 15 tháng 02 năm 2023).

Kiểm toán viên
Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C đã được chỉ định kiểm toán Báo cáo tài chính tổng hợp cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025 của Công ty.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc
Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm lập Báo cáo tài chính tổng hợp phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính tổng hợp, kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp và lưu chuyển tiền tệ tổng hợp của Công ty trong năm. Trong việc lập Báo cáo tài chính tổng hợp này, Ban Tổng Giám đốc phải:

- Chọn lựa các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Thực hiện các xét đoán và các ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả các sai lệch trọng yếu đã được trình bày và giải thích trong Báo cáo tài chính tổng hợp;
- Lập Báo cáo tài chính tổng hợp trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục;
- Thiết lập và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu nhằm hạn chế rủi ro có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp.

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo các sổ kế toán thích hợp được lưu giữ đầy đủ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty với mức độ chính xác hợp lý tại bất kỳ thời điểm nào và các sổ sách kế toán tuân thủ chế độ kế toán áp dụng. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm quản lý các tài sản của Công ty và do đó đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc cam kết đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính tổng hợp.

BÁO CÁO TÀI CHÍNH KIỂM TOÁN NĂM 2025

Phê duyệt Báo cáo tài chính

Ban Tổng Giám đốc phê duyệt Báo cáo tài chính tổng hợp đính kèm. Báo cáo tài chính tổng hợp đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính tổng hợp của Công ty tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2025, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp và tình hình lưu chuyển tiền tệ tổng hợp cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc,



Cao Thanh Tín
Tổng Giám đốc

Ngày 11 tháng 02 năm 2026

Số: 1.0157/26/TC-AC

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi: CÁC CỔ ĐÔNG, HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC
CÔNG TY CỔ PHẦN BỘT GIẶT LIX**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo của Công ty Cổ phần Bột giặt Lix (sau đây gọi tắt là “Công ty”), được lập ngày 11 tháng 02 năm 2026, từ trang 06 đến trang 41, bao gồm Bảng cân đối kế toán tổng hợp tại ngày 31 tháng 12 năm 2025, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ tổng hợp cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính tổng hợp của Công ty theo các chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính tổng hợp dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính tổng hợp của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính tổng hợp. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính tổng hợp do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính tổng hợp.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính tổng hợp đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính tổng hợp của Công ty Cổ phần Bột giặt Lix tại ngày 31 tháng 12 năm 2025, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp và tình hình lưu chuyển tiền tệ tổng hợp cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp.

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C



Trần Thị Thủy Quyên
Thành viên Ban Giám đốc
Số Giấy CNDKHN kiểm toán: 1539-2023-008-1
Người được ủy quyền

Phan Cao Huyền
Kiểm toán viên
Số Giấy CNDKHN kiểm toán: 3523-2026-008-1

TP. Hồ Chí Minh, ngày 11 tháng 02 năm 2026

BÁO CÁO TÀI CHÍNH KIỂM TOÁN NĂM 2025

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TỔNG HỢP
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		1.112.998.173.533	918.555.014.948
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1	359.413.539.541	373.276.791.759
1. Tiền	111		51.413.539.541	33.276.791.759
2. Các khoản tương đương tiền	112		308.000.000.000	340.000.000.000
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		86.000.000.000	-
1. Chứng khoán kinh doanh	121		-	-
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122		-	-
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	V.2a	86.000.000.000	-
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		257.835.113.564	212.002.209.044
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.3	242.448.463.637	203.195.441.893
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.4	8.979.565.677	4.337.080.978
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135		-	-
6. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.5	6.407.084.250	4.469.686.173
7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	V.6	-	-
8. Tài sản thiếu chờ xử lý	139		-	-
IV. Hàng tồn kho	140		343.489.689.588	230.963.578.690
1. Hàng tồn kho	141	V.7	343.489.689.588	230.963.578.690
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		66.259.830.840	102.312.435.455
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.8a	4.110.900.133	2.132.455.234
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		57.783.066.262	96.644.863.821
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	V.15	4.365.864.445	3.535.116.400
4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	154		-	-
5. Tài sản ngắn hạn khác	155		-	-

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
B- TÀI SẢN DÀI HẠN	200		500.293.608.136	477.913.397.800
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2. Trả trước cho người bán dài hạn	212		-	-
3. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	213		-	-
4. Phải thu nội bộ dài hạn	214		-	-
5. Phải thu về cho vay dài hạn	215		-	-
6. Phải thu dài hạn khác	216		-	-
7. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		-	-
II. Tài sản cố định	220		435.646.248.544	415.503.443.604
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.9	399.038.402.009	377.663.023.777
- Nguyên giá	222		902.183.142.294	824.004.016.667
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(503.144.740.285)	(446.340.992.890)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
- Nguyên giá	225		-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế	226		-	-
3. Tài sản cố định vô hình	227	V.10	36.607.846.535	37.840.419.827
- Nguyên giá	228		54.389.873.118	54.389.873.118
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(17.782.026.583)	(16.549.453.291)
III. Bất động sản đầu tư	230		-	-
- Nguyên giá	231		-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế	232		-	-
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		1.001.601.201	2.003.258.609
1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241		-	-
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	V.11	1.001.601.201	2.003.258.609
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250		55.000.000.000	55.000.000.000
1. Đầu tư vào công ty con	251		-	-
2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252	V.2b	55.000.000.000	55.000.000.000
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		-	-
4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		-	-
5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255		-	-
VI. Tài sản dài hạn khác	260		8.645.758.391	5.406.695.587
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.8b	3.577.068.580	2.636.220.642
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262	V.12	5.068.689.811	2.770.474.945
3. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263		-	-
4. Tài sản dài hạn khác	268		-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		1.613.291.781.669	1.396.468.412.748

BÁO CÁO TÀI CHÍNH KIỂM TOÁN NĂM 2025

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
C - NỢ PHẢI TRẢ	300		574.785.472.947	459.504.526.410
I. Nợ ngắn hạn	310		566.731.355.402	451.098.988.008
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.13	329.239.731.460	208.700.968.604
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	V.14	44.510.136.620	31.450.677.114
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.15	26.255.213.474	28.180.192.628
4. Phải trả người lao động	314	V.16	70.984.237.220	54.585.554.155
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.17	25.343.449.055	13.852.374.726
6. Phải trả nội bộ ngắn hạn	316		-	-
7. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	317		-	-
8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		-	-
9. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.18a,c	4.956.430.663	45.340.088.072
10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.19	55.000.000.000	55.000.000.000
11. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321		-	-
12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	V.20	10.442.156.910	13.989.132.709
13. Quỹ bình ổn giá	323		-	-
14. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	324		-	-
II. Nợ dài hạn	330		8.054.117.545	8.405.538.402
1. Phải trả người bán dài hạn	331		-	-
2. Người mua trả tiền trước dài hạn	332		-	-
3. Chi phí phải trả dài hạn	333		-	-
4. Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh	334		-	-
5. Phải trả nội bộ dài hạn	335		-	-
6. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336		-	-
7. Phải trả dài hạn khác	337	V.18b,c	8.054.117.545	8.405.538.402
8. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338		-	-
9. Trái phiếu chuyển đổi	339		-	-
10. Cổ phiếu ưu đãi	340		-	-
11. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341		-	-
12. Dự phòng phải trả dài hạn	342		-	-
13. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	343		-	-

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
D - VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		1.038.506.308.722	936.963.886.338
I. Vốn chủ sở hữu	410		1.038.506.308.722	936.963.886.338
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411	V.21	648.000.000.000	648.000.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		648.000.000.000	648.000.000.000
- Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		-	-
3. Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu	413		-	-
4. Vốn khác của chủ sở hữu	414		-	-
5. Cổ phiếu quỹ	415		-	-
6. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	416		-	-
7. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417		-	-
8. Quỹ đầu tư phát triển	418	V.21	157.895.380.014	97.441.219.809
9. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	419		-	-
10. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		-	-
11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421	V.21	232.610.928.708	191.522.666.529
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		32.800.494.589	191.522.666.529
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối kỳ này	421b		199.810.434.119	-
12. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	422		-	-
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
1. Nguồn kinh phí	431		-	-
2. Nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định	432		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		1.613.291.781.669	1.396.468.412.748


Nguyễn Thị Yến Phương
Người lập


Phạm Thị Kim Hồng
Kế toán trưởng


Cao Thành Tín
Tổng Giám đốc


CÔNG TY CỔ PHẦN BÓT GIẶT LIX
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

TP. Hồ Chí Minh, ngày 11 tháng 02 năm 2026

BÁO CÁO TÀI CHÍNH KIỂM TOÁN NĂM 2025

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	3.175.678.864.829	3.009.025.905.833
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	VI.2	109.571.817.335	132.082.441.759
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		3.066.107.047.494	2.876.943.464.074
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.3	2.399.418.235.229	2.260.576.913.731
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		666.688.812.265	616.366.550.343
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.4	34.802.794.324	15.109.439.471
7. Chi phí tài chính	22	VI.5	4.947.938.621	6.048.418.505
Trong đó: chi phí lãi vay	23		3.849.999.997	3.860.547.942
8. Chi phí bán hàng	25	VI.6	261.713.067.010	206.147.893.413
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.7	182.565.497.158	163.251.323.930
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		252.265.103.800	256.028.353.966
11. Thu nhập khác	31	VI.8	738.257.808	790.060.560
12. Chi phí khác	32	VI.9	176.118.181	264.735.427
13. Lợi nhuận khác	40		562.139.627	525.325.133
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		252.827.243.427	256.553.679.099
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	V.15	55.315.024.174	55.631.660.056
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52	V.12	(2.298.214.866)	(591.848.308)
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		199.810.434.119	201.513.867.351
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.10	2.767	2.793
19. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	VI.10	2.767	2.793

TP. Hồ Chí Minh, ngày 11 tháng 02 năm 2026

Nguyễn Thị Yến Phương
Người lập

Phạm Thị Kim Hồng
Kế toán trưởng



Cao Thành Tín
Tổng Giám đốc

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ TỔNG HỢP

(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		252.827.243.427	256.553.679.099
2. Điều chỉnh cho các khoản:				
- Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư	02	V.9, V.10	59.682.810.563	58.048.623.757
- Các khoản dự phòng	03		-	-
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04	VI.5	108.491.575	(23.477.794)
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05	VI.4, VI.8, VI.9	(26.136.949.649)	(8.482.750.433)
- Chi phí lãi vay	06	VI.5	3.849.999.997	3.860.547.942
- Các khoản điều chỉnh khác	07		-	-
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		290.331.595.913	309.956.622.571
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		(4.277.702.606)	525.093.252
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		(112.526.110.898)	10.160.385.231
- Tăng, giảm các khoản phải trả	11		123.917.416.720	5.999.564.821
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		(2.919.292.837)	1.576.173.160
- Tăng, giảm chứng khoán kinh doanh	13		-	-
- Tiền lãi vay đã trả	14	V.18a, VI.5	(11.000.000.000)	-
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	V.15	(53.337.023.744)	(55.908.297.820)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16		-	-
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	V.20	(24.054.987.534)	(12.032.737.366)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		206.133.895.014	260.276.803.849
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21	V.9	(49.327.674.584)	(68.417.346.322)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	22	V.11, VII V.9, VI.8, VI.9	124.427.115	230.558.924
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	V.2a	(86.000.000.000)	-
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		-	-
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		-	-
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		-	-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	V.5, VI.4	25.385.645.199	8.763.246.454
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(109.817.602.270)	(59.423.540.944)

BÁO CÁO TÀI CHÍNH KIỂM TOÁN NĂM 2025

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		-	-
2. Tiền trả lại vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		-	-
3. Tiền thu từ đi vay	33		-	-
4. Tiền trả nợ gốc vay	34		-	-
5. Tiền trả nợ gốc thuê tài chính	35		-	-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	V.18a, V.21	(110.160.000.000)	(97.200.000.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(110.160.000.000)	(97.200.000.000)
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50		(13.843.707.256)	103.653.262.905
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	V.1	373.276.791.759	269.584.941.284
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		(19.544.962)	38.587.570
Tiền và tương đương tiền cuối năm	70	V.1	359.413.539.541	373.276.791.759


Nguyễn Thị Yến Phương
Người lập


Phạm Thị Kim Hồng
Kế toán trưởng


TP. Hồ Chí Minh, ngày 11 tháng 02 năm 2026

Cao Thành Tín
Tổng Giám đốc

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG

1. **Hình thức sở hữu vốn**
Công ty Cổ phần Bột giặt Lix (sau đây gọi tắt là “Công ty”) là công ty cổ phần.
2. **Lĩnh vực kinh doanh**
Lĩnh vực kinh doanh của Công ty là sản xuất công nghiệp và kinh doanh thương mại.
3. **Ngành nghề kinh doanh**
Hoạt động kinh doanh chính của Công ty là: Sản xuất chất tẩy rửa tổng hợp và mỹ phẩm; Sản xuất các loại hóa chất (trừ hóa chất có tính độc hại mạnh); Kinh doanh các loại hóa chất (trừ hóa chất có tính độc hại mạnh), bao bì. Kinh doanh xuất nhập khẩu (trừ xuất khẩu, nhập khẩu, phân phối hàng hóa thuộc danh mục hàng hóa nhà đầu tư nước ngoài, tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài không được thực hiện quyền xuất khẩu, quyền nhập khẩu, quyền phân phối); Kinh doanh bất động sản (trừ đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng nghĩa trang, nghĩa địa để chuyển nhượng quyền sử dụng đất gắn liền với hạ tầng).
4. **Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường**
Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty không quá 12 tháng.
5. **Cấu trúc Công ty**
Các đơn vị trực thuộc không có tư cách pháp nhân hạch toán phụ thuộc

Tên đơn vị	Địa chỉ
Chi nhánh Bình Dương	A-6, A-12, Khu công nghiệp Đại Đăng, phường Bình Dương, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam.
Chi nhánh Bắc Ninh	Lô II - 1.1, Khu công nghiệp Quế Võ 2, phường Đào Viên, tỉnh Bắc Ninh, Việt Nam.
Văn phòng đại diện tại TP. Hồ Chí Minh	LD-02.05, Tòa nhà Lexington, 67 Mai Chí Thọ, phường Bình Trưng, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam.
Địa điểm kinh doanh tại TP. Hà Nội	Số nhà 820-822 đường La Thành, phường Giảng Võ, TP. Hà Nội, Việt Nam.
6. **Nhân viên**
Tại ngày kết thúc năm tài chính Công ty có 1.133 nhân viên đang làm việc (số đầu năm là 1.153 nhân viên).

II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. **Năm tài chính**
Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.
2. **Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán**
Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND) do phần lớn các nghiệp vụ được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ VND.

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. **Chế độ kế toán áp dụng**
Công ty áp dụng các chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014, Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21 tháng 3 năm 2016 và các Thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp.

2. **Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán**
Ban Tổng Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014, Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21 tháng 3 năm 2016 cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp.

Ngày 27 tháng 10 năm 2025 Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 99/2025/TT-BTC ("Thông tư 99") hướng dẫn Chế độ kế toán doanh nghiệp thay thế cho Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính về hướng dẫn chế độ kế toán doanh nghiệp ("Thông tư 200") và các Thông tư số 75/2015/TT-BTC ngày 18 tháng 5 năm 2015, Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21 tháng 3 năm 2016 của Bộ Tài chính về sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư 200. Các quy định của Thông tư 99 được áp dụng cho việc ghi sổ, lập và trình bày Báo cáo tài chính cho năm tài chính bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 năm 2026.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. **Cơ sở lập Báo cáo tài chính**
Báo cáo tài chính tổng hợp được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

Các đơn vị trực thuộc hình thành bộ máy kế toán riêng, hạch toán phụ thuộc. Báo cáo tài chính tổng hợp của toàn Công ty được lập trên cơ sở tổng hợp Báo cáo tài chính của các đơn vị trực thuộc. Doanh thu và số dư giữa các đơn vị trực thuộc được loại trừ khi lập Báo cáo tài chính tổng hợp.

2. **Các giao dịch bằng ngoại tệ**
Các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh giao dịch. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính được quy đổi theo tỷ giá tại ngày này.

Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm từ các giao dịch bằng ngoại tệ được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính. Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính sau khi bù trừ chênh lệch tăng và chênh lệch giảm được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính.

Tỷ giá sử dụng để quy đổi các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ là tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm phát sinh giao dịch. Tỷ giá giao dịch thực tế đối với các giao dịch bằng ngoại tệ được xác định như sau:

- Đối với hợp đồng mua bán ngoại tệ (hợp đồng mua bán ngoại tệ giao ngay, hợp đồng kỳ hạn, hợp đồng tương lai, hợp đồng quyền chọn, hợp đồng hoán đổi): tỷ giá ký kết trong hợp đồng mua, bán ngoại tệ giữa Công ty và ngân hàng.
- Đối với các khoản góp vốn hoặc nhận vốn góp: tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng nơi Công ty mở tài khoản để nhận vốn của nhà đầu tư tại ngày góp vốn.

- Đối với nợ phải thu: tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty chỉ định khách hàng thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh.
- Đối với nợ phải trả: tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty dự kiến giao dịch tại thời điểm giao dịch phát sinh.
- Đối với các giao dịch mua sắm tài sản hoặc các khoản chi phí được thanh toán ngay bằng ngoại tệ (không qua các tài khoản phải trả): tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thực hiện thanh toán.

Tỷ giá sử dụng để đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính được xác định theo nguyên tắc sau:

- Đối với các khoản ngoại tệ gửi ngân hàng: tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng nơi Công ty mở tài khoản ngoại tệ.
- Đối với các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là tài sản khác: tỷ giá mua ngoại tệ của Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam (Ngân hàng Công ty thường xuyên có giao dịch).
- Đối với các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là nợ phải trả: tỷ giá bán ngoại tệ của Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam (Ngân hàng Công ty thường xuyên có giao dịch).

3. **Tiền và các khoản tương đương tiền**
Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá 03 tháng kể từ ngày đầu tư, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo.

4. **Các khoản đầu tư tài chính**
Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn
Khoản đầu tư được phân loại là nắm giữ đến ngày đáo hạn khi Công ty có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn chỉ bao gồm các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá trị có thể thu hồi. Thu nhập lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn sau ngày mua được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở dự thu. Lãi được hưởng trước khi Công ty nắm giữ được ghi giảm trừ vào giá gốc tại thời điểm mua.

Khi có các bằng chứng chắc chắn cho thấy một phần hoặc toàn bộ khoản đầu tư có thể không thu hồi được và số tổn thất được xác định một cách đáng tin cậy thì tổn thất được ghi nhận vào chi phí tài chính trong năm và giảm trừ trực tiếp giá trị đầu tư.

Các khoản đầu tư vào công ty liên kết
Công ty liên kết là doanh nghiệp mà Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không có quyền kiểm soát đối với các chính sách tài chính và hoạt động. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của doanh nghiệp nhận đầu tư nhưng không kiểm soát các chính sách này.

Khoản đầu tư vào công ty liên kết được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, bao gồm giá mua hoặc khoản góp vốn cộng các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đầu tư. Trường hợp đầu tư bằng tài sản phi tiền tệ, giá phí khoản đầu tư được ghi nhận theo giá trị hợp lý của tài sản phi tiền tệ tại thời điểm phát sinh.

Lợi nhuận của các kỳ trước khi khoản đầu tư được mua được hạch toán giảm giá trị của chính khoản đầu tư đó. Lợi nhuận của các kỳ sau khi khoản đầu tư được mua được ghi nhận doanh thu.

BÁO CÁO TÀI CHÍNH KIỂM TOÁN NĂM 2025

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công ty liên kết được trích lập khi công ty liên kết bị lỗ với mức trích lập bằng chênh lệch giữa vốn đầu tư thực tế của các bên tại công ty liên kết và vốn chủ sở hữu thực có nhân với tỷ lệ sở hữu vốn điều lệ thực góp của Công ty tại công ty liên kết. Nếu công ty liên kết là đối tượng lập Báo cáo tài chính hợp nhất thì căn cứ để xác định dự phòng tổn thất là Báo cáo tài chính hợp nhất.

Tăng, giảm số dự phòng tổn thất đầu tư vào công ty liên kết cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào chi phí tài chính.

5. Các khoản phải thu

Các khoản nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng và phải thu khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua - bán giữa Công ty và người mua là đơn vị độc lập với Công ty.
- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua - bán.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ sau khi đã bù trừ với khoản nợ phải trả (nếu có) hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra, cụ thể như sau:

- Đối với nợ phải thu quá hạn thanh toán:
 - 30% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 06 tháng đến dưới 01 năm.
 - 50% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 01 năm đến dưới 02 năm.
 - 70% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 02 năm đến dưới 03 năm.
 - 100% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 03 năm trở lên.
- Đối với nợ phải thu chưa quá hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi: căn cứ vào dự kiến mức tổn thất để lập dự phòng.

Tăng, giảm số dự phòng nợ phải thu khó đòi cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp.

6. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho được xác định như sau:

- Nguyên vật liệu, hàng hóa, công cụ dụng cụ: bao gồm chi phí mua và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.
- Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang: chỉ bao gồm chi phí nguyên vật liệu chính.
- Thành phẩm: bao gồm chi phí nguyên vật liệu, nhân công trực tiếp và chi phí sản xuất chung có liên quan trực tiếp được phân bổ dựa trên mức độ hoạt động bình thường.

Giá xuất kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong kỳ sản xuất, kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập cho từng mặt hàng tồn kho có giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Tăng, giảm số dự phòng giảm giá hàng tồn kho cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào giá vốn hàng bán.

7. Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước của Công ty là công cụ, dụng cụ và chi phí bảo hiểm tài sản. Các chi phí trả trước này được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước hoặc thời gian các lợi ích kinh tế tương ứng được tạo ra từ các chi phí này.

Công cụ, dụng cụ

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 02 năm.

Chi phí bảo hiểm

Chi phí bảo hiểm đã trả trước được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ tương ứng với thời gian hiệu lực của Hợp đồng/Giấy chứng nhận bảo hiểm.

8. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định hữu hình như sau:

Loại tài sản cố định	Số năm
Nhà cửa, vật kiến trúc	05 - 25
Máy móc và thiết bị	05 - 12
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	06 - 10
Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 - 10

9. Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Chi phí liên quan đến tài sản cố định vô hình phát sinh sau khi ghi nhận ban đầu được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm trừ khi các chi phí này gắn liền với một tài sản cố định vô hình cụ thể và làm tăng lợi ích kinh tế từ các tài sản này.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Tài sản cố định vô hình của Công ty bao gồm:

Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất là toàn bộ các chi phí thực tế Công ty đã chi ra có liên quan trực tiếp tới đất sử dụng, bao gồm: tiền chi ra để có quyền sử dụng đất, chi phí cho đền bù, giải phóng mặt bằng, san lấp mặt bằng, lệ phí trước bạ,... Quyền sử dụng đất được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong 50 năm.

Quyền sử dụng đất là tiền thuê đất Công ty trả một lần cho nhiều năm và được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Quyền sử dụng đất này được khấu hao theo thời hạn thuê đất (45-50 năm).

Chương trình phần mềm máy tính

Chi phí liên quan đến các chương trình phần mềm máy tính không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan được vốn hóa. Nguyên giá của chương trình phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí mà Trục sở chính đã chi ra tính đến thời điểm đưa chương trình phần mềm máy tính vào sử dụng. Chương trình phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong 03 năm.

10. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các chi phí liên quan trực tiếp (bao gồm cả chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty) đến các tài sản đang trong quá trình xây dựng, máy móc thiết bị đang lắp đặt để phục vụ cho mục đích sản xuất, cho thuê và quản lý cũng như chi phí liên quan đến việc sửa chữa tài sản cố định đang thực hiện. Các tài sản này được ghi nhận theo giá gốc và không được tính khấu hao.

11. Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Công ty.
- Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và các khoản phải trả cho người lao động về tiền lương nghỉ phép, các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh phải trích trước.
- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên Bảng cân đối kế toán tổng hợp căn cứ theo kỳ hạn còn lại tại ngày kết thúc năm tài chính.

12. Vốn góp của chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của các cổ đông.

13. Phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho các cổ đông sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty cũng như các quy định của pháp luật và đã được Đại hội đồng cổ đông biểu quyết thông qua.

Việc phân phối lợi nhuận cho các cổ đông được cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức như lãi do đánh giá lại tài sản mang đi góp vốn.

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được Đại hội đồng cổ đông biểu quyết thông qua và khi có thông báo chi trả cổ tức của Hội đồng quản trị.

14. Ghi nhận doanh thu và thu nhập

Doanh thu bán hàng hoá, thành phẩm

Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu hàng hóa, sản phẩm cho người mua.
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa, sản phẩm như người sở hữu hàng hóa, sản phẩm hoặc quyền kiểm soát hàng hóa, sản phẩm.
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng quy định người mua được quyền trả lại sản phẩm, hàng hóa đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại hàng hóa, sản phẩm (trừ trường hợp khách hàng có quyền trả lại hàng hóa, sản phẩm dưới hình thức đổi lại để lấy hàng hóa, dịch vụ khác).
- Công ty đã hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng.
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng quy định người mua được quyền trả lại dịch vụ đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại dịch vụ đã cung cấp.
- Công ty đã hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó.
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào thời điểm báo cáo.
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ được căn cứ vào kết quả phân công việc đã hoàn thành vào ngày kết thúc kỳ kế toán.

Doanh thu gia công

Doanh thu đối với hoạt động nhận gia công vật tư, hàng hóa là số tiền gia công thực tế được hưởng, không bao gồm giá trị vật tư, hàng hóa nhận gia công.

Tiền lãi

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ.

BÁO CÁO TÀI CHÍNH KIỂM TOÁN NĂM 2025

15. Các khoản giảm trừ doanh thu

Các khoản giảm trừ doanh thu bao gồm chiết khấu thương mại, hàng bán bị trả lại phát sinh cùng kỳ tiêu thụ sản phẩm, hàng hóa được điều chỉnh giảm doanh thu của kỳ phát sinh.

Trường hợp sản phẩm, hàng hóa đã tiêu thụ từ các năm trước, đến năm nay mới phát sinh chiết khấu thương mại, hàng bán bị trả lại thì được ghi giảm doanh thu theo nguyên tắc:

- Nếu khoản chiết khấu, hàng bán bị trả lại phát sinh trước thời điểm phát hành Báo cáo tài chính tổng hợp: ghi giảm doanh thu trên Báo cáo tài chính tổng hợp của năm nay.
- Nếu khoản chiết khấu, hàng bán bị trả lại phát sinh sau thời điểm phát hành Báo cáo tài chính tổng hợp: ghi giảm doanh thu trên Báo cáo tài chính tổng hợp của năm sau.

16. Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay.

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí khi phát sinh. Trường hợp chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang cần có một thời gian đủ dài (trên 12 tháng) để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc bán thì chi phí đi vay này được tính vào giá trị của tài sản đó. Đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan.

Đối với các khoản vốn vay chung trong đó có sử dụng cho mục đích đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang thì chi phí đi vay vốn hóa được xác định theo tỷ lệ vốn hóa đối với chi phí lũy kế bình quân gia quyền phát sinh cho việc đầu tư xây dựng cơ bản hoặc sản xuất tài sản đó. Tỷ lệ vốn hóa được tính theo tỷ lệ lãi suất bình quân gia quyền của các khoản vay chưa trả trong năm, ngoại trừ các khoản vay riêng biệt phục vụ cho mục đích hình thành một tài sản cụ thể.

17. Các khoản chi phí

Chi phí là những khoản làm giảm lợi ích kinh tế được ghi nhận tại thời điểm giao dịch phát sinh hoặc khi có khả năng tương đối chắc chắn sẽ phát sinh trong tương lai không phân biệt đã chi tiền hay chưa.

Các khoản chi phí và khoản doanh thu do nó tạo ra phải được ghi nhận đồng thời theo nguyên tắc phù hợp. Trong trường hợp nguyên tắc phù hợp xung đột với nguyên tắc thận trọng, chi phí được ghi nhận căn cứ vào bản chất và quy định của các chuẩn mực kế toán để đảm bảo phản ánh giao dịch một cách trung thực, hợp lý.

18. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại.

Thuế thu nhập hiện hành

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại là khoản thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp hoặc sẽ được hoãn lại do chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của tài sản và nợ phải trả cho mục đích lập Báo cáo tài chính và cơ sở tính thuế thu nhập. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ này.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và sẽ được ghi giảm đến mức đảm bảo chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán dựa trên các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc năm tài chính. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi trực tiếp vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi:

- Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp; và
- Các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả này liên quan đến thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế:
 - Đối với cùng một đơn vị chịu thuế; hoặc
 - Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng kỳ tương lai khi các khoản trọng yếu của thuế thu nhập hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.

19. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

20. Báo cáo theo bộ phận

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Bộ phận theo khu vực địa lý là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

Thông tin bộ phận được lập và trình bày phù hợp với chính sách kế toán áp dụng cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp của Công ty.

21. Công cụ tài chính

Tài sản tài chính

Việc phân loại các tài sản tài chính này phụ thuộc vào bản chất và mục đích của tài sản tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Các tài sản tài chính của Công ty gồm có tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn, các khoản phải thu khách hàng, phải thu khác.

BÁO CÁO TÀI CHÍNH KIỂM TOÁN NĂM 2025

Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, các tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến tài sản tài chính đó.

Nợ phải trả tài chính

Việc phân loại các khoản nợ phải trả tài chính phụ thuộc vào bản chất và mục đích của khoản nợ phải trả tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Nợ phải trả tài chính của Công ty gồm có các khoản phải trả người bán, vay và nợ, các khoản phải trả khác.

Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, các khoản nợ phải trả tài chính được ghi nhận ban đầu theo giá gốc trừ các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến nợ phải trả tài chính đó.

Bù trừ các công cụ tài chính

Các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính chỉ được bù trừ với nhau và trình bày giá trị thuần trên Bảng cân đối kế toán khi và chỉ khi Công ty:

- Có quyền hợp pháp để bù trừ giá trị đã được ghi nhận; và
- Có dự định thanh toán trên cơ sở thuần hoặc ghi nhận tài sản và thanh toán nợ phải trả cùng một thời điểm.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TỔNG HỢP

1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	Số cuối năm	Số đầu năm
Tiền mặt	3.869.039.100	1.016.063.000
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	47.544.500.441	32.260.728.759
Các khoản tương đương tiền (tiền gửi có kỳ hạn không quá 03 tháng)	308.000.000.000	340.000.000.000
Cộng	359.413.539.541	373.276.791.759

2. Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư tài chính của Công ty bao gồm đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn và đầu tư góp vốn vào công ty liên kết. Thông tin về các khoản đầu tư tài chính của Công ty như sau:

2a. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn 06 tháng.

2b. Đầu tư góp vốn vào công ty liên kết

Khoản đầu tư vào công ty liên kết là Công ty TNHH Xalivico.

Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0106872723 ngày 09 tháng 6 năm 2015, đăng ký thay đổi lần thứ năm ngày 23 tháng 10 năm 2024 do Sở Kế hoạch và Đầu tư TP. Hà Nội (nay là Sở Tài chính TP. Hà Nội) cấp, Công ty đầu tư vào Công ty TNHH Xalivico với giá trị phần vốn góp là 55.000.000.000 VND, tương đương 26% vốn điều lệ. Tại ngày kết thúc năm tài chính, Công ty đã góp đủ vốn theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp.

Giá trị hợp lý

Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư do chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý.

Tình hình hoạt động của công ty liên kết

Công ty liên kết vẫn đang trong giai đoạn chuẩn bị triển khai dự án đầu tư, không có thay đổi lớn so với năm trước. Lợi nhuận trong năm của Công ty liên kết đến từ hoạt động đầu tư.

Khoản đầu tư góp vốn vào đơn vị khác được sử dụng để thế chấp

Công ty đã dùng tổng số vốn thực góp tính theo mệnh giá vào vốn điều lệ của Công ty TNHH Xalivico tại từng thời điểm để đảm bảo cho khoản vay tại Tập đoàn Vingroup - Công ty Cổ phần (xem thuyết minh số V.19).

Giao dịch với công ty liên kết

Trong năm, Công ty nhận lợi nhuận được chia từ Công ty TNHH Xalivico với số tiền là 11.000.000.000 VND (năm trước không phát sinh giao dịch).

3. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	Số cuối năm	Số đầu năm
Phải thu các bên liên quan	194.862.460	-
Tập đoàn Hóa chất Việt Nam - Trung tâm Thương mại và Dịch vụ Hóa chất	190.111.000	-
Công ty Cổ phần Xà phòng Hà Nội	4.751.460	-
Phải thu các khách hàng khác	242.253.601.177	203.195.441.893
Liên hiệp Hợp tác xã Thương mại TP. Hồ Chí Minh	37.870.339.766	27.429.082.728
Công ty Cổ phần Thương mại Bách hóa Xanh	24.145.561.569	39.557.846.727
Công ty Cổ phần Dịch vụ Thương mại Tổng hợp Vincommerce	20.677.116.242	22.410.206.911
Công ty TNHH Nhựa Vô Song	34.350.386.012	23.458.720.725
Các khách hàng khác	125.210.197.588	90.339.584.802
Cộng	242.448.463.637	203.195.441.893

4. Trả trước cho người bán ngắn hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
Công ty Cổ phần Dược Mỹ phẩm Naturco Việt Nam	3.285.535.427	-
Công ty TNHH Thương mại Kỹ thuật Song Hiệp Lợi	2.859.335.250	618.100.000
Công ty Cổ phần Du lịch và Tiếp thị Giao thông Vận tải Việt Nam - Vietravel - Chi nhánh Lâm Đồng	-	1.126.481.000
Công ty TNHH Chế tạo máy Sáng tạo	-	750.277.778
Công ty TNHH Sản xuất và Xuất nhập khẩu Cơ khí Hoa Vinh	980.000.000	742.170.000
Công ty TNHH Tư vấn và Chuyển giao Công nghệ Môi trường Thăng Long	322.105.000	647.552.200
Các nhà cung cấp khác	1.532.590.000	452.500.000
Cộng	8.979.565.677	4.337.080.978

BÁO CÁO TÀI CHÍNH KIỂM TOÁN NĂM 2025

5. Phải thu ngắn hạn khác

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Lãi dự thu tiền gửi tiết kiệm	1.185.628.772	-	491.216.437	-
Các khoản ký quỹ ngắn hạn	98.549.000	-	25.000.000	-
Phải thu người lao động – nộp hộ tiền thuế thu nhập cá nhân	3.696.114.366	-	3.334.061.822	-
Các khoản phải thu ngắn hạn khác	1.426.792.112	-	619.407.914	-
Cộng	6.407.084.250	-	4.469.686.173	-

6. Nợ xấu

Công ty không có các khoản nợ phải thu quá hạn thanh toán hay không có khả năng thu hồi.

7. Hàng tồn kho

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Hàng mua đang đi trên đường	5.029.986.256	-	782.243.865	-
Nguyên liệu, vật liệu	195.078.875.978	-	142.880.499.501	-
Công cụ, dụng cụ	7.486.887.103	-	5.787.299.884	-
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	5.893.894.880	-	2.870.695.168	-
Thành phẩm	117.934.841.305	-	76.876.709.784	-
Hàng hóa	12.065.204.066	-	1.766.130.488	-
Cộng	343.489.689.588	-	230.963.578.690	-

8. Chi phí trả trước

8a. Chi phí trả trước ngắn hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
Công cụ, dụng cụ	1.766.098.108	1.674.676.746
Chi phí bảo hiểm	1.380.322.862	65.950.250
Các chi phí trả trước ngắn hạn khác	964.479.163	391.828.238
Cộng	4.110.900.133	2.132.455.234

8b. Chi phí trả trước dài hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
Công cụ, dụng cụ	-	231.861.000
Các chi phí trả trước dài hạn khác	3.577.068.580	2.404.359.642
Cộng	3.577.068.580	2.636.220.642

9. Tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Cộng
Nguyên giá					
Số đầu năm	293.243.943.297	484.203.925.655	28.639.510.846	17.916.636.869	824.004.016.667
Mua trong năm	5.483.481.938	23.452.469.322	1.818.000.000	3.213.895.027	33.967.846.287
Đầu tư xây dựng cơ bản hoàn thành	33.028.441.434	8.621.171.088	4.155.413.916	120.277.778	45.925.304.216
Thanh lý, nhượng bán	(387.300.000)	(1.326.724.876)	-	-	(1.714.024.876)
Số cuối năm	331.368.566.669	514.950.841.189	34.612.924.762	21.250.809.674	902.183.142.294
Trong đó:					
Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng	68.831.844.475	117.476.243.257	12.898.940.006	6.391.866.757	205.598.894.495
Chờ thanh lý	-	-	-	-	-
Giá trị hao mòn					
Số đầu năm	150.980.182.812	265.386.915.634	19.293.212.260	10.680.682.184	446.340.992.890
Khấu hao trong năm	16.052.832.054	37.441.225.807	2.809.207.227	2.146.972.183	58.450.237.271
Thanh lý, nhượng bán	(319.765.000)	(1.326.724.876)	-	-	(1.646.489.876)
Số cuối năm	166.713.249.866	301.501.416.565	22.102.419.487	12.827.654.367	503.144.740.285
Giá trị còn lại					
Số đầu năm	142.263.760.485	218.817.010.021	9.346.298.586	7.235.954.685	377.663.023.777
Số cuối năm	164.655.316.803	213.449.424.624	12.510.505.275	8.423.155.307	399.038.402.009
Trong đó:					
Tạm thời chưa sử dụng	-	-	-	-	-
Đang chờ thanh lý	-	-	-	-	-

10. Tài sản cố định vô hình

	Quyền sử dụng đất	Chương trình phần mềm máy tính	Cộng
Nguyên giá			
Số đầu năm	54.261.691.300	128.181.818	54.389.873.118
Số cuối năm	54.261.691.300	128.181.818	54.389.873.118
Trong đó:			
Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng	-	48.181.818	48.181.818
Giá trị hao mòn			
Số đầu năm	16.449.156.783	100.296.508	16.549.453.291
Khấu hao trong năm	1.205.906.628	26.666.664	1.232.573.292
Số cuối năm	17.655.063.411	126.963.172	17.782.026.583
Giá trị còn lại			
Số đầu năm	37.812.534.517	27.885.310	37.840.419.827
Số cuối năm	36.606.627.889	1.218.646	36.607.846.535
Trong đó:			
Tạm thời chưa sử dụng	-	-	-
Đang chờ thanh lý	-	-	-

11. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	Số đầu năm	Chi phí phát sinh trong năm	Kết chuyển vào TSCĐ trong năm	Số cuối năm
Mua sắm tài sản cố định	-	4.155.413.916	(4.155.413.916)	-
Xây dựng cơ bản dở dang	2.003.258.609	40.768.232.892	(41.769.890.300)	1.001.601.201
Dự án Xưởng sản xuất và kho thành phẩm chi nhánh Bắc Ninh	1.205.601.852	27.906.454.055	(29.112.055.907)	-
Chi phí tư vấn lập quy hoạch tổng mặt bằng phục vụ xin phép xây dựng Nhà máy Lix Bắc Ninh	84.656.757	916.944.444	-	1.001.601.201
Chi phí tư vấn thiết kế hệ thống PCCC	650.000.000	6.825.581.300	(7.475.581.300)	-
Dự án Đầu tư hệ thống nước nóng năng lượng mặt trời	63.000.000	1.626.363.636	(1.689.363.636)	-
Dự án Cải tạo sàn thép xưởng sản xuất (Khu vực để bao bì: 2.016m²)	-	2.243.333.333	(2.243.333.333)	-
Các dự án khác	-	1.249.556.124	(1.249.556.124)	-
Cộng	2.003.258.609	44.923.646.808	(45.925.304.216)	1.001.601.201

12. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại liên quan đến khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ, chi tiết như sau:

	Năm nay	Năm trước
Số đầu năm	2.770.474.945	2.178.626.637
Ghi nhận vào kết quả kinh doanh	2.298.214.866	591.848.308
Số cuối năm	5.068.689.811	2.770.474.945

Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp sử dụng để xác định giá trị tài sản thuế thu nhập hoãn lại là 20%.

13. Phải trả người bán ngắn hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
Phải trả các bên liên quan	21.126.097.296	10.777.949.388
Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Hóa chất Miền Nam	16.209.196.200	6.295.523.220
Công ty Cổ phần Hóa chất Cơ bản Miền Nam	4.247.300.016	4.025.082.240
Công ty Cổ phần Vật tư và Xuất nhập khẩu Hóa Chất	313.391.160	251.864.640
Công ty Cổ phần Hóa chất Việt Trì	309.553.920	134.577.072
Công ty Cổ phần Xả phòng Hà Nội	46.656.000	70.902.216
Phải trả các nhà cung cấp khác	308.113.634.164	197.923.019.216
Công ty TNHH UIC Việt Nam	67.088.677.680	18.832.077.000
Các nhà cung cấp khác	241.024.956.484	179.090.942.216
Cộng	329.239.731.460	208.700.968.604

Công ty không có nợ phải trả người bán quá hạn chưa thanh toán.

14. Người mua trả tiền trước ngắn hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
Chip Mong Group., Ltd.	23.687.092.214	11.061.104.534
Các khách hàng khác	20.823.044.406	20.389.572.580
Cộng	44.510.136.620	31.450.677.114

15. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

Bảng tăng, giảm thuế và các khoản phải nộp Nhà Nước được trình bày ở Phụ lục đính kèm.

Thuế giá trị gia tăng

Công ty nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ. Thuế suất thuế giá trị gia tăng như sau:

- Hàng xuất khẩu	0%
- Nhân decal, chai nhựa, vật tư ⁽ⁱ⁾	10%
- Bột giặt, chất tẩy rửa lỏng ⁽ⁱ⁾	10%

⁽ⁱ⁾ Năm 2025, Công ty áp dụng thuế suất thuế giá trị gia tăng 08% theo các Nghị định số 180/2024/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2024 và Nghị định số 174/2025/NĐ-CP ngày 30 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ quy định chính sách giảm thuế giá trị gia tăng theo các Nghị quyết số 174/2024/QH15 ngày 30 tháng 11 năm 2024 và Nghị quyết số 204/2025/QH15 ngày 17 tháng 6 năm 2025 của Quốc hội.

Thuế xuất, nhập khẩu

Công ty kê khai và nộp theo thông báo của Hải quan.

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Công ty phải nộp thuế thu nhập doanh nghiệp cho các khoản thu nhập tính thuế với thuế suất 20%.

Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp trong năm được dự tính như sau:

	Năm nay	Năm trước
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	252.827.243.427	256.553.679.099
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận chịu thuế thu nhập doanh nghiệp:		
- Các khoản điều chỉnh tăng	41.367.289.873	32.497.754.368
- Các khoản điều chỉnh giảm	(13.404.800.930)	(10.893.133.186)
Thu nhập chịu thuế	280.789.732.370	278.158.300.281
Thu nhập miễn thuế	(11.000.000.000)	-
Thu nhập tính thuế	269.789.732.370	278.158.300.281
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp	20%	20%
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp theo thuế suất phổ thông	53.957.946.474	55.631.660.056
Điều chỉnh thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp của năm trước	1.357.077.700	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp	55.315.024.174	55.631.660.056

Việc xác định thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp của Công ty được căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau. Do vậy, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính tổng hợp có thể sẽ thay đổi khi cơ quan thuế kiểm tra.

Tiền thuê đất

Tiền thuê đất được nộp theo thông báo hàng năm của cơ quan thuế.

Các loại thuế khác

Công ty kê khai và nộp theo quy định.

BÁO CÁO TÀI CHÍNH KIỂM TOÁN NĂM 2025

16. **Phải trả người lao động**
Công ty sử dụng năng suất lao động tính theo doanh thu để xây dựng quỹ tiền lương năm 2025.

Số dư cuối năm là lương tháng 12 và tiền lương phải trả theo quỹ lương cho nhân viên.

17. Chi phí phải trả ngắn hạn	Số cuối năm	Số đầu năm
Chi phí hỗ trợ vận chuyển	2.976.343.801	3.797.702.298
Thường đặt doanh số	1.809.283.318	2.311.370.334
Chi phí hỗ trợ tiếp thị	116.057.380	104.560.331
Chi phí quảng cáo, tiếp thị	-	297.860.160
Chi phí hỗ trợ nhân viên bán hàng	5.305.313.432	-
Các khoản hỗ trợ bán hàng và các chi phí phải trả ngắn hạn khác	15.136.451.124	7.340.881.603
Cộng	25.343.449.055	13.852.374.726

18. **Phải trả khác**

18a. Phải trả ngắn hạn khác	Số cuối năm	Số đầu năm
<i>Phải trả các bên liên quan</i>	<i>4.410.547.933</i>	<i>28.084.547.936</i>
Tập đoàn Vingroup - chi phí lãi vay	4.410.547.933	11.560.547.936
Tập đoàn Hóa chất Việt Nam - cổ tức phải trả	-	16.524.000.000
<i>Phải trả các tổ chức và cá nhân khác</i>	<i>545.882.730</i>	<i>17.255.540.136</i>
Kinh phí công đoàn	390.033.500	515.887.645
Cổ tức phải trả	-	15.876.000.000
Các khoản phải trả ngắn hạn khác	155.849.230	863.652.491
Cộng	4.956.430.663	45.340.088.072

18b. **Phải trả dài hạn khác**
Các khoản nhận ký quỹ dài hạn của khách hàng.

18c. **Nợ quá hạn chưa thanh toán**
Công ty không có nợ phải trả khác quá hạn chưa thanh toán.

19. **Vay ngắn hạn**
Khoản vay dài hạn đến hạn trả Tập đoàn Vingroup - Công ty Cổ phần (là bên liên quan) để đầu tư vào Công ty TNHH Xalivico - Công ty liên kết với lãi suất 07%/năm, thời hạn vay 03 năm kể từ ngày 17 tháng 11 năm 2015. Năm 2025, Công ty có ký phụ lục gia hạn hợp đồng vay số 1611/HĐV/VGR-LIX về việc gia hạn thời gian vay tối đa 12 tháng kể từ ngày ngày 30 tháng 6 năm 2025. Khoản vay được đảm bảo bằng việc thế chấp khoản đầu tư vào Công ty liên kết (xem thuyết minh số V.2b).

Công ty có khả năng trả được các khoản vay ngắn hạn.

20. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	Số đầu năm	Tăng do trích lập từ lợi nhuận	Chi quỹ trong năm	Số cuối năm
Quỹ khen thưởng	5.182.382.781	8.417.179.694	(11.273.031.000)	2.326.531.475
Quỹ phúc lợi	8.806.749.928	12.090.832.041	(12.781.956.534)	8.115.625.435
Cộng	13.989.132.709	20.508.011.735	(24.054.987.534)	10.442.156.910

21. **Vốn chủ sở hữu**
21a. **Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

	Vốn góp của chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng
Số dư đầu năm trước	324.000.000.000	370.674.065.760	187.661.337.910	882.335.403.670
Tăng vốn từ quỹ đầu tư phát triển	324.000.000.000	(324.000.000.000)	-	-
Lợi nhuận trong năm trước	-	-	201.513.867.351	201.513.867.351
Trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi trong năm trước	-	-	(17.285.384.683)	(17.285.384.683)
Trích lập quỹ đầu tư phát triển trong năm trước	-	50.767.154.049	(50.767.154.049)	-
Chia cổ tức trong năm trước	-	-	(129.600.000.000)	(129.600.000.000)
Số dư cuối năm trước	648.000.000.000	97.441.219.809	191.522.666.529	936.963.886.338
Số dư đầu năm nay	648.000.000.000	97.441.219.809	191.522.666.529	936.963.886.338
Lợi nhuận trong năm nay	-	-	199.810.434.119	199.810.434.119
Trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi trong năm nay	-	-	(20.508.011.735)	(20.508.011.735)
Trích lập quỹ đầu tư phát triển trong năm nay	-	60.454.160.205	(60.454.160.205)	-
Chia cổ tức trong năm nay	-	-	(77.760.000.000)	(77.760.000.000)
Số dư cuối năm nay	648.000.000.000	157.895.380.014	232.610.928.708	1.038.506.308.722

21b. **Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu**

	Số cuối năm	Số đầu năm
Vốn góp của Nhà nước	330.480.000.000	330.480.000.000
Vốn góp của cổ đông khác	317.520.000.000	317.520.000.000
Cộng	648.000.000.000	648.000.000.000

Cổ phiếu

	Số cuối năm	Số đầu năm
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	64.800.000	64.800.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	64.800.000	64.800.000
- Cổ phiếu phổ thông	64.800.000	64.800.000
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
- Cổ phiếu phổ thông	-	-
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	64.800.000	64.800.000
- Cổ phiếu phổ thông	64.800.000	64.800.000
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND.

BÁO CÁO TÀI CHÍNH KIỂM TOÁN NĂM 2025

21c. Phân phối lợi nhuận

Trong năm, Công ty đã phân phối lợi nhuận năm 2024 theo Nghị quyết Đại hội cổ đông thường niên năm 2025 số 01/2025/NQ-ĐHĐCĐ ngày 25 tháng 4 năm 2025 như sau:

	Số được phân phối	Số đã tạm chia trong năm trước	Số trích bổ sung trong năm nay
• Chia cổ tức cho các cổ đông	110.160.000.000	32.400.000.000	77.760.000.000
• Trích Quỹ đầu tư phát triển	60.454.160.205	-	60.454.160.205
• Trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi	20.151.386.735	-	20.151.386.735
• Trích Quỹ thưởng Ban điều hành quản lý	356.625.000	-	356.625.000

22. Các khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán tổng hợp

22a. Ngoại tệ các loại

	Số cuối năm	Số đầu năm
Dollar Mỹ (USD)	505.134,82	404.154,04
Euro (EUR)	3.519,33	3.517,82

22b. Nợ khó đòi đã xử lý

	Số cuối năm	Số đầu năm	Nguyên nhân xóa sổ
Trụ sở chính	719.357.115	719.357.115	Khách hàng đã rời khỏi địa điểm kinh doanh và không có khả năng thanh toán nợ
Chi nhánh Hà Nội	473.072.580	473.072.580	
Cộng	1.192.429.695	1.192.429.695	

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH TỔNG HỢP

1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

1a. Tổng doanh thu

	Năm nay	Năm trước
Doanh thu tiêu thụ thành phẩm	3.008.845.237.486	2.875.429.406.058
Doanh thu hoạt động khác	166.833.627.343	133.596.499.775
Cộng	3.175.678.864.829	3.009.025.905.833

1b. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan

Công ty không phát sinh giao dịch bán hàng và cung cấp dịch vụ cho công ty liên kết. Các giao dịch về bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan không phải là công ty liên kết như sau:

	Năm nay	Năm trước
<i>Tập đoàn Hóa chất Việt Nam - Trung tâm Thương mại và Dịch vụ Hóa chất</i>		
Dịch vụ hỗ trợ vận hành	176.028.704	-
<i>Công ty Cổ phần Xà phòng Hà Nội</i>		
Bán thành phẩm	543.272.580	709.639.140
<i>Công ty Cổ phần Hóa chất Cơ bản Miền Nam</i>		
Bán thành phẩm	311.118.825	307.412.480
<i>Công ty Cổ phần Phân bón Miền Nam</i>		
Bán thành phẩm	79.166.333	-

2. Các khoản giảm trừ doanh thu

	Năm nay	Năm trước
Chiết khấu thương mại	105.743.850.703	130.298.420.093
Hàng bán bị trả lại	3.827.966.632	1.784.021.666
Cộng	109.571.817.335	132.082.441.759

3. Giá vốn hàng bán

	Năm nay	Năm trước
Giá vốn của thành phẩm đã bán	2.245.691.147.454	2.136.797.668.067
Giá vốn hoạt động khác	153.727.087.775	123.779.245.664
Cộng	2.399.418.235.229	2.260.576.913.731

4. Doanh thu hoạt động tài chính

	Năm nay	Năm trước
Lãi tiền gửi có kỳ hạn	15.080.057.534	8.323.161.509
Lãi tiền gửi không kỳ hạn	53.204.773	47.891.976
Lợi nhuận được chia	11.000.000.000	-
Lãi bán ngoại tệ	5.333.249.936	3.163.196.705
Lãi chênh lệch tỷ giá phát sinh	3.336.282.081	3.551.711.487
Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	-	23.477.794
Cộng	34.802.794.324	15.109.439.471

5. Chi phí tài chính

	Năm nay	Năm trước
Chi phí lãi vay	3.849.999.997	3.860.547.942
Lỗ chênh lệch tỷ giá phát sinh	989.447.049	2.187.870.563
Lỗ chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	108.491.575	-
Cộng	4.947.938.621	6.048.418.505

6. Chi phí bán hàng

	Năm nay	Năm trước
Chi phí nhân viên	40.279.402.661	31.565.452.795
Chi phí vật liệu, đồ dùng	12.667.910.515	7.876.724.229
Chi phí khấu hao tài sản cố định	4.357.553.186	4.525.468.782
Chi phí dịch vụ mua ngoài	142.706.598.229	127.397.960.259
Các chi phí khác	61.701.602.419	34.782.287.348
Cộng	261.713.067.010	206.147.893.413

7. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Năm nay	Năm trước
Chi phí nhân viên quản lý	68.007.751.394	60.146.972.632
Chi phí vật liệu, đồ dùng quản lý	23.845.020.436	18.867.248.777
Chi phí khấu hao tài sản cố định	9.994.498.277	9.391.860.237
Thuế, phí và lệ phí	8.621.235.983	8.064.526.355
Chi phí dịch vụ mua ngoài	18.767.377.771	20.586.153.154
Các chi phí khác	53.329.613.297	46.194.562.775
Cộng	182.565.497.158	163.251.323.930

BÁO CÁO TÀI CHÍNH KIỂM TOÁN NĂM 2025

8. Thu nhập khác

	Năm nay	Năm trước
Thu nhập từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định	103.838.300	203.789.564
Thu nhập khác	634.419.508	586.270.996
Cộng	738.257.808	790.060.560

9. Chi phí khác

	Năm nay	Năm trước
Chi phí thanh lý tài sản cố định	46.946.185	44.200.640
Các khoản nộp về thuế	118.720.300	36.178.378
Chi phí khác	10.451.696	184.356.409
Cộng	176.118.181	264.735.427

10. Lãi trên cổ phiếu

10a. Lãi cơ bản/suy giảm trên cổ phiếu

	Năm nay	Năm trước
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	199.810.434.119	201.513.867.351
Trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi ⁽ⁱ⁾	(19.981.043.412)	(20.151.386.735)
Trích thưởng HĐQT, Ban điều hành ⁽ⁱⁱ⁾	(516.680.000)	(363.000.000)
Lợi nhuận tính lãi cơ bản/suy giảm trên cổ phiếu	179.312.710.707	180.999.480.616
Số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm	64.800.000	64.800.000
Lãi cơ bản/suy giảm trên cổ phiếu	2.767	2.793

⁽ⁱ⁾ Quỹ khen thưởng, phúc lợi năm nay được tạm tính theo dự kiến phân phối lợi nhuận là 10% trên lợi nhuận kế toán sau thuế.

⁽ⁱⁱ⁾ Khoản thưởng HĐQT, Ban điều hành được tạm tính bằng 2 lần mức lương bình quân của Ban điều hành.

10b. Thông tin khác

Không có các giao dịch cổ phiếu phổ thông hoặc giao dịch cổ phiếu phổ thông tiềm năng nào xảy ra từ ngày kết thúc năm tài chính đến ngày công bố Báo cáo tài chính tổng hợp này.

11. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	Năm nay	Năm trước
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	2.110.037.549.189	1.937.866.653.795
Chi phí nhân công	275.378.880.553	255.557.091.083
Chi phí khấu hao tài sản cố định	59.682.810.563	58.048.623.757
Chi phí dịch vụ mua ngoài	170.788.050.038	157.798.427.412
Chi phí khác	138.872.795.909	104.745.309.078
Cộng	2.754.760.086.252	2.514.016.105.125

VII. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ TỔNG HỢP

Tại ngày kết thúc năm tài chính, số dư công nợ liên quan đến mua sắm tài sản cố định như sau:

	Số cuối năm	Số đầu năm
Phải trả tiền mua sắm tài sản cố định	32.809.728.583	350.022.600
Trả trước tiền mua sắm tài sản cố định	4.655.835.250	1.759.947.778

VIII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

1. Giao dịch và số dư với các bên liên quan
Các bên liên quan với Công ty bao gồm: các thành viên quản lý chủ chốt, các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt và các bên liên quan khác.

1a. Giao dịch và số dư với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt
Các thành viên quản lý chủ chốt gồm: các thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và các thành viên Ban điều hành (Ban Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng). Các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt là các thành viên mật thiết trong gia đình các thành viên quản lý chủ chốt.

Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Công ty không phát sinh giao dịch bán hàng và cung cấp dịch vụ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt và chỉ phát sinh các giao dịch sau với các thành viên Hội đồng quản trị:

	Năm nay	Năm trước
Tạm ứng	100.000.000	100.000.000
Hoàn tạm ứng	100.000.000	100.000.000

Công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Công ty không có công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt.

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt

Họ và tên	Chức vụ	Năm nay	Năm trước
Hội đồng quản trị và Ban điều hành			
Ông Phạm Quốc Đại	Chủ tịch	456.777.777	440.555.555
Ông Cao Thành Tín	Thành viên kiêm Tổng Giám đốc	2.236.060.249	1.190.763.998
Ông Bùi Công Thân	Thành viên kiêm Phó Tổng Giám đốc	1.942.554.251	1.040.952.002
Ông Lê Đình Vỹ	Thành viên kiêm Phó Tổng Giám đốc	1.942.554.251	1.041.952.002
Ông Hà Phước Dư (miễn nhiệm ngày 25 tháng 4 năm 2025)	Thành viên	2.066.040.651	1.854.462.000
Bà Thiều Thị Hồng Minh (bỏ nhiệm ngày 25 tháng 4 năm 2025)	Thành viên	54.000.000	-
Ban kiểm soát			
Bà Trương Thị Trâm	Trưởng Ban	933.257.072	982.863.192
Bà Nguyễn Thị Thúy Vân	Thành viên	989.690.298	986.519.164
Bà Phạm Thị Huyền	Thành viên	225.666.666	201.444.444
Ban điều hành			
Bà Phạm Thị Kim Hồng	Kế toán trưởng	1.676.906.249	936.643.787
Ông Đào Châu Minh Khang	Trưởng phòng kiểm toán nội bộ	825.491.764	902.985.334
Cộng		13.348.999.228	9.579.141.478

BÁO CÁO TÀI CHÍNH KIỂM TOÁN NĂM 2025

1b. *Giao dịch và số dư với các bên liên quan khác*

Các bên liên quan khác với Công ty gồm:

Bên liên quan khác	Mối quan hệ
Tập đoàn Hóa chất Việt Nam	Công ty mẹ
Tập đoàn Hóa chất Việt Nam - Trung tâm Thương mại và Dịch vụ Hóa chất	Chi nhánh trực thuộc Công ty mẹ
Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Hóa chất Miền Nam	Công ty trong cùng Tập đoàn
Công ty Cổ phần Hóa chất Cơ bản Miền Nam	Công ty trong cùng Tập đoàn
Công ty Cổ phần Vật tư và Xuất nhập khẩu Hóa chất	Công ty trong cùng Tập đoàn
Công ty Cổ phần Hóa chất Việt Trì	Công ty trong cùng Tập đoàn
Công ty Cổ phần Phân bón và Hoá chất Cần Thơ	Công ty trong cùng Tập đoàn
Công ty TNHH MTV Apatit Việt Nam	Công ty trong cùng Tập đoàn
Công ty Cổ phần Thiết kế Công nghiệp Hóa chất	Công ty trong cùng Tập đoàn
Công ty Cổ phần Pin Ấc quy Miền Nam	Công ty trong cùng Tập đoàn
Công ty Cổ phần Công nghiệp Cao su Miền Nam	Công ty trong cùng Tập đoàn
Công ty Cổ phần Thuốc sát trùng Việt Nam	Công ty trong cùng Tập đoàn
Công ty Cổ phần Phân bón Miền Nam	Công ty trong cùng Tập đoàn
Công ty Cổ phần Cao su Sao Vàng	Công ty trong cùng Tập đoàn
Công ty Cổ phần Hơi Kỹ nghệ Que hàn	Công ty trong cùng Tập đoàn
Công ty Cổ phần Phân bón Bình Điền	Công ty trong cùng Tập đoàn
Công ty Cổ phần Supe Phốt phát và Hóa chất Lâm Thao	Công ty trong cùng Tập đoàn
Công ty Cổ phần Xà phòng Hà Nội	Công ty liên kết
Công ty TNHH Xalivico	Công ty có liên quan với công ty liên kết
Tập đoàn Vingroup - Công ty Cổ phần	

Giao dịch với các bên liên quan khác

Ngoài giao dịch phát sinh với công ty liên kết đã được trình bày ở thuyết minh số V.2b cũng như các giao dịch về bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan khác không phải là công ty liên kết đã được trình bày ở thuyết minh số VI.1b, Công ty còn phát sinh các giao dịch khác với các bên liên quan khác như sau:

	Năm nay	Năm trước
Tập đoàn Hóa chất Việt Nam		
Chia cổ tức	39.657.600.000	66.096.000.000
Tiền cổ tức đã trả	56.181.600.000	49.572.000.000
Tập đoàn Hóa chất Việt Nam - Trung tâm Thương mại và Dịch vụ Hóa chất		
Thu tiền dịch vụ hỗ trợ vận hành	16.387.518	-
Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Hóa chất Miền Nam		
Mua nguyên vật liệu	55.500.927.000	42.734.023.200
Thanh toán tiền mua hàng	50.070.831.620	45.086.790.700
Công ty Cổ phần Hóa chất Cơ bản Miền Nam		
Mua nguyên vật liệu	30.031.159.700	25.149.365.000
Thanh toán tiền mua hàng	32.211.434.700	24.667.182.720
Thu tiền bán hàng	336.008.331	338.153.728
Công ty Cổ phần Vật tư và Xuất nhập khẩu Hóa chất		
Mua nguyên vật liệu	1.156.808.000	1.287.784.000
Thanh toán tiền mua hàng	1.187.826.120	1.138.942.080

	Năm nay	Năm trước
Công ty Cổ phần Hóa chất Việt Trì		
Mua nguyên vật liệu	2.674.794.600	1.140.171.200
Thanh toán tiền mua hàng	2.713.801.320	1.096.807.824
Công ty Cổ phần Xà phòng Hà Nội		
Mua vật tư	674.455.980	1.769.206.500
Thanh toán tiền mua hàng	758.991.176	1.894.894.527
Thu tiền bán hàng	591.833.896	906.801.849
Tập đoàn Vingroup - Công ty Cổ phần		
Lãi vay	3.849.999.997	3.860.547.942
Tiền lãi vay đã trả	11.000.000.000	-
Công ty Cổ phần Phân bón Miền Nam		
Thu tiền bán hàng	85.499.639	-

Giá hàng hóa, dịch vụ cung cấp cho các bên liên quan khác là giá thỏa thuận. Việc mua hàng hóa, dịch vụ từ các bên liên quan khác được thực hiện theo giá thỏa thuận.

Công nợ với các bên liên quan khác
Công nợ với các bên liên quan khác được trình bày tại các thuyết minh số V.3, V.13, V.18 và V.19.

2. **Thông tin về bộ phận**
Thông tin bộ phận được trình bày theo lĩnh vực kinh doanh và khu vực địa lý. Báo cáo bộ phận chính yếu là theo khu vực địa lý dựa trên cơ cấu tổ chức, quản lý nội bộ và hệ thống Báo cáo tài chính nội bộ của Công ty.

2a. **Thông tin về khu vực địa lý**
Sản phẩm của Công ty được bán ở thị trường nội địa và xuất khẩu (Cambodia, Nhật Bản, Thái Lan Philippines,...).
Thông tin về kết quả kinh doanh, tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác và giá trị các khoản chi phí lớn không bằng tiền của bộ phận theo khu vực địa lý dựa trên vị trí của khách hàng của Công ty như sau:

	Xuất khẩu	Nội địa	Cộng
Năm nay			
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ ra bên ngoài	566.363.838.665	2.499.743.208.829	3.066.107.047.494
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ giữa các bộ phận	-	-	-
Tổng doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	566.363.838.665	2.499.743.208.829	3.066.107.047.494
Kết quả kinh doanh theo bộ phận	123.149.136.368	543.539.675.897	666.688.812.265
Các chi phí không phân bổ theo bộ phận			(444.278.564.168)
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh			222.410.248.097
Doanh thu hoạt động tài chính			34.802.794.324
Chi phí tài chính			(4.947.938.621)
Thu nhập khác			738.257.808
Chi phí khác			(176.118.181)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành			(55.315.024.174)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại			2.298.214.866
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp			199.810.434.119

BÁO CÁO TÀI CHÍNH KIỂM TOÁN NĂM 2025

	Xuất khẩu	Nội địa	Cộng
<i>Tổng chi phí đã phát sinh để mua tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác</i>			<i>84.832.983.550</i>
<i>Tổng chi phí khấu hao và phân bổ chi phí trả trước dài hạn</i>			<i>64.683.453.080</i>
Năm trước			
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ ra bên ngoài	409.337.956.389	2.467.605.507.685	2.876.943.464.074
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ giữa các bộ phận	-	-	-
<i>Tổng doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ</i>	<i>409.337.956.389</i>	<i>2.467.605.507.685</i>	<i>2.876.943.464.074</i>
Kết quả kinh doanh theo bộ phận	87.698.012.580	528.668.537.763	616.366.550.343
Các chi phí không phân bổ theo bộ phận			(369.399.217.343)
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh			246.967.333.000
Doanh thu hoạt động tài chính			15.109.439.471
Chi phí tài chính			(6.048.418.505)
Thu nhập khác			790.060.560
Chi phí khác			(264.735.427)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành			(55.631.660.056)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại			591.848.308
<i>Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp</i>			<i>201.513.867.351</i>
<i>Tổng chi phí đã phát sinh để mua tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác</i>			<i>58.763.444.290</i>
<i>Tổng chi phí khấu hao và phân bổ chi phí trả trước dài hạn</i>			<i>62.929.308.153</i>
Tài sản và nợ phải trả của bộ phận theo khu vực địa lý dựa trên vị trí của khách hàng của Công ty như sau:			
	Nước ngoài	Trong nước	Cộng
Số cuối năm			
Tài sản trực tiếp của bộ phận	-	-	-
Tài sản phân bổ cho bộ phận	286.608.826.512	1.180.614.265.346	1.467.223.091.858
Các tài sản không phân bổ theo bộ phận			146.068.689.811
<i>Tổng tài sản</i>			<i>1.613.291.781.669</i>
Nợ phải trả trực tiếp của bộ phận	-	-	-
Nợ phải trả phân bổ cho bộ phận	110.239.387.900	454.103.928.137	564.343.316.037
Nợ phải trả không phân bổ theo bộ phận			10.442.156.910
<i>Tổng nợ phải trả</i>			<i>574.785.472.947</i>
Số đầu năm			
Tài sản trực tiếp của bộ phận	-	-	-
Tài sản phân bổ cho bộ phận	199.748.552.201	1.138.949.385.602	1.338.697.937.803
Các tài sản không phân bổ theo bộ phận			57.770.474.945
<i>Tổng tài sản</i>			<i>1.396.468.412.748</i>
Nợ phải trả trực tiếp của bộ phận	-	-	-
Nợ phải trả phân bổ cho bộ phận	66.475.828.760	379.039.564.941	445.515.393.701
Nợ phải trả không phân bổ theo bộ phận			13.989.132.709
<i>Tổng nợ phải trả</i>			<i>459.504.526.410</i>

- 2b. *Thông tin về lĩnh vực kinh doanh*
Công ty có các lĩnh vực kinh doanh chính sau:
- Lĩnh vực 01: Bán thành phẩm.
 - Lĩnh vực 02: Hoạt động khác.

Chi tiết doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ ra bên ngoài theo lĩnh vực kinh doanh như sau:

	Năm nay	Năm trước
Lĩnh vực bán thành phẩm	2.899.359.774.067	2.743.348.435.048
Lĩnh vực hoạt động khác	166.747.273.427	133.595.029.026
Cộng	3.066.107.047.494	2.876.943.464.074

Chi tiết về chi phí đã phát sinh để mua tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác và tài sản bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh như sau:

	Chi phí đã phát sinh để mua tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác		Tài sản bộ phận	
	Năm nay	Năm trước	Năm nay	Năm trước
Lĩnh vực bán thành phẩm	80.219.423.591	56.034.678.799	1.387.429.579.666	1.276.533.563.671
Lĩnh vực hoạt động khác	4.613.559.959	2.728.765.491	79.793.512.192	62.164.374.132
Cộng	84.832.983.550	58.763.444.290	1.467.223.091.858	1.338.697.937.803

3. *Quản lý rủi ro tài chính*
Hoạt động của Công ty phát sinh các rủi ro tài chính sau: rủi ro tín dụng, rủi ro thanh khoản và rủi ro thị trường. Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm trong việc thiết lập các chính sách và các kiểm soát nhằm giảm thiểu các rủi ro tài chính cũng như giám sát việc thực hiện các chính sách và các kiểm soát đã thiết lập.

- 3a. *Rủi ro tín dụng*
Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty.

Công ty có các rủi ro tín dụng phát sinh chủ yếu từ các khoản phải thu khách hàng và tiền gửi ngân hàng.

Phải thu khách hàng
Để quản lý nợ phải thu khách hàng, Ban Tổng Giám đốc đã ban hành quy chế bán hàng với các quy định chặt chẽ về các đối tượng mua hàng, định mức bán hàng, hạn mức nợ và thời hạn nợ một cách cụ thể. Hàng tháng Ban Tổng Giám đốc thực hiện kiểm tra việc tuân thủ quy chế bán hàng này. Ngoài ra, nhân viên phòng kế toán thường xuyên theo dõi nợ phải thu để đôn đốc thu hồi.

Khoản phải thu khách hàng của Công ty liên quan đến nhiều đơn vị hoạt động trong các lĩnh vực và các khu vực địa lý khác nhau nên rủi ro tín dụng tập trung đối với khoản phải thu khách hàng là thấp.

Tiền gửi ngân hàng
Các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn và không có kỳ hạn của Công ty được gửi tại các ngân hàng trong nước. Ban Tổng Giám đốc không nhận thấy có rủi ro tín dụng trọng yếu nào từ các khoản tiền gửi này.

Mức độ rủi ro tín dụng tối đa đối với các tài sản tài chính là giá trị ghi sổ của các tài sản tài chính (xem thuyết minh số VIII.4 về giá trị ghi sổ của các tài sản tài chính).

Tất cả các tài sản tài chính của Công ty đều trong hạn và không bị giảm giá trị.

BÁO CÁO TÀI CHÍNH KIỂM TOÁN NĂM 2025

3b. *Rủi ro thanh khoản*

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện nghĩa vụ tài chính do thiếu tiền.

Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn lệch nhau.

Công ty quản lý rủi ro thanh khoản thông qua các biện pháp: thường xuyên theo dõi các yêu cầu về thanh toán hiện tại và dự kiến trong tương lai để duy trì một lượng tiền cũng như các khoản vay ở mức phù hợp, giám sát các luồng tiền phát sinh thực tế với dự kiến nhằm giảm thiểu ảnh hưởng do biến động của luồng tiền.

Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính phi phái sinh (không bao gồm lãi phải trả) dựa trên thời hạn thanh toán theo hợp đồng và chưa được chiết khấu như sau:

	Từ 01 năm trở xuống	Trên 01 năm đến 05 năm	Cộng
Số cuối năm			
Phải trả người bán	329.239.731.460	-	329.239.731.460
Vay và nợ	55.000.000.000	-	55.000.000.000
Các khoản phải trả khác	29.909.846.218	8.054.117.545	37.963.963.763
Cộng	414.149.577.678	8.054.117.545	422.203.695.223
Số đầu năm			
Phải trả người bán	208.700.968.604	-	208.700.968.604
Vay và nợ	55.000.000.000	-	55.000.000.000
Các khoản phải trả khác	58.676.575.153	8.405.538.402	67.082.113.555
Cộng	322.377.543.757	8.405.538.402	330.783.082.159

Ban Tổng Giám đốc cho rằng mức độ rủi ro đối với việc trả nợ là thấp. Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn. Công ty có đủ khả năng tiếp cận các nguồn vốn và các khoản vay đến hạn trong vòng 12 tháng có thể được gia hạn với các bên cho vay hiện tại.

3c. *Rủi ro thị trường*

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường.

Rủi ro thị trường liên quan đến hoạt động của Công ty gồm: rủi ro ngoại tệ và rủi ro giá hàng hóa, nguyên vật liệu.

Các phân tích về độ nhạy, các đánh giá dưới đây liên quan đến tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 và ngày 31 tháng 12 năm 2024 trên cơ sở giá trị nợ thuần. Mức thay đổi của tỷ giá, lãi suất, giá hàng hóa, nguyên vật liệu sử dụng để phân tích độ nhạy được dựa trên việc đánh giá khả năng có thể xảy ra trong vòng một năm tới với các điều kiện quan sát được của thị trường tại thời điểm hiện tại.

Rủi ro ngoại tệ

Rủi ro ngoại tệ là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá hối đoái.

Công ty nhập khẩu nguyên vật liệu và mua máy móc thiết bị với đồng tiền giao dịch chủ yếu là USD do vậy bị ảnh hưởng bởi sự biến động của tỷ giá hối đoái.

Công ty quản lý rủi ro liên quan đến biến động của tỷ giá hối đoái bằng cách tối ưu thời hạn thanh toán các khoản nợ, dự báo tỷ giá ngoại tệ, duy trì hợp lý cơ cấu vay và nợ giữa ngoại tệ và VND, lựa chọn thời điểm mua và thanh toán các khoản ngoại tệ tại thời điểm tỷ giá thấp, sử dụng tối ưu nguồn tiền hiện có để cân bằng giữa rủi ro tỷ giá và rủi ro thanh khoản.

Công ty không sử dụng bất kỳ công cụ tài chính phái sinh để phòng ngừa rủi ro ngoại tệ.

Tài sản/(Nợ phải trả) thuần có gốc ngoại tệ của Công ty như sau:

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	USD	EUR	USD	EUR
Tiền và các khoản tương đương tiền	505.134,82	3.519,33	404.154,04	3.517,82
Phải thu khách hàng	985.043,85	-	634.649,91	-
Các khoản phải thu khác	163,24	-	-	-
Phải trả người bán	(758.241,90)	-	(1.048.738,00)	-
Các khoản phải trả khác	(290.009,47)	(3.297,93)	(306.529,66)	(3.297,93)
Tài sản/(Nợ phải trả) thuần có gốc ngoại tệ	442.090,54	221,40	(316.463,71)	219,89

Ban Tổng Giám đốc đánh giá mức độ ảnh hưởng do biến động của tỷ giá hối đoái đến lợi nhuận sau thuế và vốn chủ sở hữu của Công ty là không đáng kể.

Rủi ro về giá hàng hóa, nguyên vật liệu

Công ty có rủi ro về sự biến động của giá hàng hóa, nguyên vật liệu. Công ty quản lý rủi ro về giá hàng hóa, nguyên vật liệu bằng cách theo dõi chặt chẽ các thông tin và tình hình có liên quan của thị trường nhằm quản lý thời điểm mua hàng, kế hoạch sản xuất và mức hàng tồn kho một cách hợp lý.

Công ty chưa sử dụng các công cụ phái sinh đảm bảo để phòng ngừa các rủi ro về giá hàng hóa, nguyên vật liệu.

3d. *Tài sản đảm bảo*

Công ty không có tài sản tài chính thế chấp cho các đơn vị khác cũng như nhận tài sản thế chấp từ các đơn vị khác tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 và tại ngày 31 tháng 12 năm 2024.

4. **Tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính**

Tài sản tài chính

	Giá trị ghi sổ				Giá trị hợp lý	
	Số cuối năm		Số đầu năm		Số cuối năm	Số đầu năm
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng		
Tiền và các khoản tương đương tiền	359.413.539.541	-	373.276.791.759	-	359.413.539.541	373.276.791.759
Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	86.000.000.000	-	-	-	86.000.000.000	-
Phải thu khách hàng	242.448.463.637	-	203.195.441.893	-	242.448.463.637	203.195.441.893
Các khoản phải thu khác	6.407.084.250	-	4.469.686.173	-	6.407.084.250	4.469.686.173
Cộng	694.269.087.428	-	580.941.919.825	-	694.269.087.428	580.941.919.825

BÁO CÁO TÀI CHÍNH KIỂM TOÁN NĂM 2025

Nợ phải trả tài chính

	Giá trị ghi sổ		Giá trị hợp lý	
	Số cuối năm	Số đầu năm	Số cuối năm	Số đầu năm
Phải trả người bán	329.239.731.460	208.700.968.604	329.239.731.460	208.700.968.604
Vay và nợ	55.000.000.000	55.000.000.000	55.000.000.000	55.000.000.000
Các khoản phải trả khác	37.963.963.763	67.082.113.555	37.963.963.763	67.082.113.555
Cộng	422.203.695.223	330.783.082.159	422.203.695.223	330.783.082.159

Phương pháp xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính

Giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính được phản ánh theo giá trị có thể được chuyển đổi trong một giao dịch hiện tại giữa các bên có đầy đủ hiểu biết và mong muốn giao dịch.

Giá trị hợp lý của tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn, phải thu khách hàng, các khoản phải thu khác, vay, phải trả người bán và các khoản phải trả khác tương đương giá trị sổ sách của các khoản mục này.

5. Sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính
- Ngày 19 tháng 01 năm 2026, Cục quản lý Dược đã ban hành Công văn số 205/QLD-MP về việc đình chỉ lưu hành và thu hồi trên toàn quốc lô sản phẩm Nước rửa tay On1 Hương Fresh Sakura - chai 500ml, số lô H1-027, ngày sản xuất: 18 tháng 7 năm 2025 và hạn sử dụng: 18 tháng 7 năm 2027.
- Ngày 22 tháng 01 năm 2026, Công ty đã đăng tải Thông báo về việc thu hồi lô sản phẩm Nước rửa tay On1 Hương Fresh Sakura - chai 500ml, số lô H1-027, ngày sản xuất: 18 tháng 7 năm 2025 và hạn sử dụng: 18 tháng 7 năm 2027 trên website của Công ty.
- Lô hàng này đã được xuất bán toàn bộ cho khách hàng từ cuối tháng 7 năm 2025 và không còn tồn kho trên sổ sách kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2025. Công ty đang tiến hành thu hồi sản phẩm nêu trên và đến thời điểm phát hành báo cáo tài chính này Công ty chưa thống kê được tổng số lượng sản phẩm thu hồi và các chi phí liên quan đến việc thu hồi này. Công ty đánh giá tổng số lượng sản phẩm thu hồi và các chi phí liên quan đến việc thu hồi này sẽ không ảnh hưởng trọng yếu đến số liệu Báo cáo tài chính tổng hợp cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025.
- Ngoài sự kiện nêu trên, không còn sự kiện trọng yếu nào khác phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính yêu cầu phải điều chỉnh số liệu hoặc công bố trên Báo cáo tài chính tổng hợp.


Nguyễn Thị Yến Phương
Người lập


Phạm Thị Kim Hồng
Kế toán trưởng


Cao Thành Tín
Tổng Giám đốc

TP. Hồ Chí Minh, ngày 11 tháng 02 năm 2026



	Số đầu năm		Số phát sinh trong năm		Số cuối năm	
	Phải nộp	Phải thu	Số phải nộp	Số đã nộp	Phải nộp	Phải thu
Thuế GTGT hàng bán nội địa	3.951.476.631	-	34.447.944.634	(38.077.902.653)	321.518.612	-
Thuế GTGT hàng nhập khẩu	-	-	13.899.522.133	(13.899.522.133)	-	-
Thuế xuất, nhập khẩu	-	-	1.031.980.156	(1.031.980.156)	-	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	20.743.383.712	-	55.315.024.174	(53.337.023.744)	22.721.384.142	2.233.453.975
Thuế thu nhập cá nhân	50.423.897	3.535.116.400	10.084.419.013	(8.833.045.115)	135.370	-
Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp	-	-	126.759.489	(126.759.489)	-	-
Tiền thuê đất	-	-	5.502.214.822	(7.634.625.292)	-	2.132.410.470
Thuế nhà thầu	1.844.685	-	4.315.804	(6.160.489)	-	-
Các loại thuế khác	-	-	6.000.000	(6.000.000)	-	-
Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	3.433.063.703	-	3.655.926.852	(3.876.815.205)	3.212.175.350	-
Cộng	28.180.192.628	3.535.116.400	124.074.107.077	(126.829.834.276)	26.255.213.474	4.365.864.445

Đơn vị tính: VND

TP. Hồ Chí Minh, ngày 11 tháng 02 năm 2026




Nguyễn Thị Yến Phương
Người lập


Phạm Thị Kim Hồng
Kế toán trưởng


Cao Thành Tín
Tổng Giám đốc

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN 2025

CÔNG TY CỔ PHẦN BỘT GIẶT LIX



TP. Hồ Chí Minh, ngày 11 tháng 03 năm 2026

XÁC NHẬN CỦA NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

TỔNG GIÁM ĐỐC



CÔNG TY CỔ PHẦN BỘT GIẶT LIX



Số 3 đường số 2, Khu phố 28, Phường Linh Xuân, Thành phố Hồ Chí Minh.



(028) 3896 3658



www.lixco.com

CÔNG
TY CỔ
PHẦN
BỘT
GIẶT
LIX

Digitally signed by
CÔNG TY CỔ PHẦN
BỘT GIẶT LIX
DN: C=VN, S=Thành
phố Hồ Chí Minh, CN=
CÔNG TY CỔ PHẦN
BỘT GIẶT LIX,
OID.0.9.2342.1920030
0.100.1.1=
MST:0301444263
Reason: I am the
author of this document
Location:
Date: 2026.03.12
16:58:58+07'00'
Foxit PDF Reader
Version: 2025.1.0

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN 2025